

# TÀI LIỆU LÀM VIỆC CỦA THƯỢNG HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VỀ TOÀN VÙNG AMAZON

## 1. Tóm Lược Tài Liệu Làm Việc

Vũ Văn An, 29/Jun/2019



'**Instrumentum Laboris**' (Tài liệu Làm việc) của Phiên đặc biệt sắp tới của Thượng hội đồng giám mục cho khu vực Toàn -Amazon (Pan-Amazonia) được công bố tại Vatican. Thượng hội đồng diễn ra từ ngày 6 đến 27 tháng 10 năm 2019 với chủ đề "Vùng Amazon: những nẻo đường mới cho Giáo hội và một hệ sinh thái toàn diện".

Trọng tâm Tài liệu Làm việc của Thượng Hội Đồng là tiếng kêu của Amazon xin Giáo hội trở thành đồng minh của nó để vươn tay ra với mọi người, nhất là với người nghèo, khi họ tìm kiếm sự thành toàn chân thực và nhân phẩm trong cuộc sống của họ.

Tài liệu làm việc đã được trình bày trước báo giới hôm Thứ Hai, ngày 17 tháng 6, bởi Văn phòng Tổng Thư ký Thượng Hội đồng Giám mục. Nó là kết quả của một diễn trình lắng nghe bắt đầu từ chuyến Đức Giáo Hoàng Phanxicô thăm Puerto Maldonado ở Peru, vào tháng 1 năm 2018, và tiếp tục với các cuộc tham khảo khắp Vùng Amazon và Cuộc họp lần thứ hai

của Hội đồng tiền Thượng hội đồng vào tháng 5 năm ngoái.

*Hãy lắng nghe Chúa, để cùng với Người, chúng ta có thể nghe thấy tiếng kêu của người ta; cho đến khi hít thở được khao khát mà Thiên Chúa đang mời gọi chúng ta*

Vùng Amazon, ở trung tâm Nam Mỹ, bao gồm một khu vực rộng 7.8 triệu kilô mét vuông. Nó bao gồm lãnh thổ thuộc 9 quốc gia khác nhau: Brazil, Bolivia, Peru, Ecuador, Colombia, Venezuela, Guyana, Suriname và French Guyana. Khu rừng nhiệt đới rộng 5.3 triệu kilô mét vuông của nó là khu rừng lớn nhất thế giới và là nguồn nước ngọt, oxy và đa dạng sinh học không thể thay thế cho hành tinh này.

## **Hãy nghe báo cáo của chúng tôi**

“Tiếng nói Amazon” là tiêu đề của phần đầu tiên của tài liệu và nó trình bày thực tại của lãnh thổ và các dân tộc của nó. Phần này tập chú vào mối liên hệ giữa sự sống và nước, bằng cách làm nổi bật việc các dòng sông lớn chảy qua khu vực này chủ yếu ra sao không những đối với hệ thực vật và động vật của lãnh thổ và của trái đất, mà còn đối với sinh kế, văn hóa và linh đạo của hàng ngàn cộng đồng bản địa, các nhóm thiểu số khác và các nông dân sống ở khu vực Amazon.

## **Sự sống bị đe dọa**

Sự sống ở Amazon bị đe dọa bởi sự hủy hoại và khai thác môi trường, bởi sự vi phạm có hệ thống các nhân quyền căn bản của người dân Amazon: đặc biệt là vi phạm các quyền của người bản địa, như quyền đất đai, quyền tự quyết, quyền phân định đất đai, tham khảo ý kiến và sự đồng ý trước.

Theo các cộng đồng tham gia vào diễn trình lắng nghe của Thượng Hội Đồng, sự sống của họ bị đe dọa bởi lợi ích kinh tế và chính trị của các nhóm thống trị trong xã hội ngày nay, đặc biệt là các công ty khai thác mỏ. Ngoài ra, việc biến đổi khí hậu và sự gia tăng can thiệp của con người (phá rừng, hỏa hoạn và thay đổi việc sử dụng đất) đã khiến Amazon rơi vào tình trạng không thể quay trở lại, với tỷ lệ phá rừng cao, buộc người dân phải di dời và ô nhiễm khiến hệ sinh thái của nó gặp nguy hiểm và gây áp lực lên các nền văn hóa địa phương.

## **Tiếng kêu của trái đất và của người nghèo**

Trong phần thứ hai, việc phân tích tài liệu đã phát sinh và cung cấp các đề nghị liên quan đến nền sinh thái toàn diện. Theo các báo cáo của các Giáo hội địa phương mà Văn phòng Tổng thư ký của Thượng hội đồng đã nhận được, Vùng Amazon ngày nay là “một nhan sắc bị thương và biến dạng, một nơi đau đớn và bạo lực”.

*Bạo lực, hỗn loạn và tham nhũng tràn lan. Lãnh thổ đã trở thành một nơi xung đột và hủy diệt các dân tộc, văn hóa và các thế hệ*

Có những người bị buộc rời khỏi đất đai của họ; họ thường rơi vào tay các mạng lưới tội phạm, buôn bán ma túy và buôn bán người (đặc biệt là phụ nữ), lao động trẻ em và mãi dâm. Đó là một thực tại bi thảm và phức tạp, vượt ra ngoài các ranh giới của luật pháp và quyền lợi.

## **Lãnh thổ của hy vọng và "sống tốt"**

Các dân tộc gốc Amazon có nhiều điều để dạy chúng ta. Trong hàng ngàn năm, họ đã chăm sóc đất đai, nước và rừng của họ và đã cố gắng bảo tồn chúng cho đến ngày nay để nhân loại có thể hưởng lợi từ các hồng phúc nhưng không do Thiên Chúa sáng tạo. Những nẻo đường truyền giảng Tin Mừng mới phải được xây dựng trong đối thoại với sự khôn ngoan của tổ tiên, trong đó những hạt giống của Lời Chúa được biểu lộ.

*Thượng Hội Đồng Amazon là một dấu hiệu hy vọng cho người dân Amazon và cho nhân loại*

### **Các dân tộc tại các vùng ngoại vi**

Tài liệu Làm việc cũng phân tích tình hình của các Dân tộc Bản địa trong Vùng Cô lập Tự nguyện. Theo dữ liệu từ các định chế giáo hội chuyên ngành, có từ 110 đến 130 dân tộc bản địa tự nguyện cô lập khác nhau, sống bên lề xã hội hoặc chỉ tiếp xúc lẻ tẻ với xã hội. Họ dễ bị thương tổn trước các đe dọa của những kẻ buôn bán ma túy, các siêu dự án cơ sở hạ tầng và các hoạt động bất hợp pháp liên kết với kỹ nghệ khai khoáng.

### **Người dân Amazon ra đi**

Amazon là một trong những khu vực có tính di động nội bộ và quốc tế cao nhất ở Mỹ Latinh. Theo thống kê, dân số đô thị của Amazon đã tăng theo cấp số nhân; hiện có khoảng từ 70 đến 80% dân số sống ở các thành phố, nơi thường xuyên nhận được một số lượng lớn người di cư đến và không thể cung cấp các dịch vụ thiết yếu mà người di cư cần. Mặc dù Giáo hội đã đồng hành với lượng di cư này, nhưng nó đã để lại những khoảng phân cách mục vụ cần được lấp đầy.

### **Một Giáo hội có tính Tiên tri ở Amazon: Các Thách thức và Hy vọng**

Cuối cùng, phần cuối của Tài liệu Làm việc mời các Nghị phụ Thượng hội đồng Amazon thảo luận về điểm thứ hai của chủ đề do Đức Giáo Hoàng đề nghị: những nẻo đường mới cho Giáo hội trong khu vực.

Các cộng đồng địa phương cần một Giáo hội biết *tham gia*, có mặt trong đời sống xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa và sinh thái của cư dân; một Giáo hội biết *chào đón* sự đa dạng về văn hóa, xã hội và sinh thái để có thể phục vụ các cá nhân hoặc các nhóm không có bất cứ sự kỳ thị nào; một Giáo hội có óc *sáng tạo* có khả năng đồng hành cùng người dân của mình trong việc thực thi các đáp ứng mới cho các nhu cầu cấp thiết; một Giáo hội *hòa hợp* nhằm cổ vũ các giá trị hòa bình, thương xót và hiệp thông.

### **Các Bí tích và Lòng Đạo đức Bình dân**

Các cộng đồng thường gặp khó khăn khi cử hành Bí tích Thánh Thể vì thiếu linh mục. “Giáo hội rút tía sự sống của mình từ Bí tích Thánh Thể” và Bí tích Thánh Thể xây dựng Giáo hội. Vì lý do này, *thay vì để các cộng đồng không có Bí tích Thánh Thể, các tiêu chuẩn lựa chọn và chuẩn bị các thừa tác viên được ủy quyền cử hành nó nên được thay đổi*. Các cộng đồng yêu cầu được đánh giá cao hơn, được đồng hành và được cổ vũ lòng đạo đức bình dân nhờ đó nhiều người phát biểu đức tin của họ qua các hình ảnh, biểu tượng, truyền thống, nghi lễ và các bí tích khác. Đó là sự biểu lộ tui khôn và linh đạo vốn tạo nên một môi trường thần học đích thực với tiềm năng truyền giáo lớn lao.

Điều thích hợp là xem xét lại ý niệm này: việc thi hành quyền tài phán (quyền cai quản) phải được liên kết với mọi lĩnh vực (bí tích, pháp chế, hành chính) và một cách thường hằng, với Bí tích Truyền chức thánh.

### **Các Thừa tác vụ mới**

Ngoài tính đa nguyên văn hóa của vùng Amazon, các khoảng cách còn tạo ra một vấn đề mục vụ nghiêm trọng không thể giải quyết bằng các phương tiện cơ học và kỹ thuật mà thôi. Điều cần là cổ vũ các ơn gọi bản xứ để nam giới và phụ nữ đáp ứng các nhu cầu chăm sóc mục vụ bí tích; sự đóng góp có tính quyết định của họ hệ ở việc thúc đẩy truyền giảng Tin Mừng đích thực theo quan điểm bản địa, phù hợp với phong tục và tập quán của họ. Họ là những người bản địa rao giảng cho những người bản địa khác với một kiến thức sâu sắc về văn hóa và ngôn ngữ của họ, có khả năng truyền đạt sứ điệp Tin Mừng một cách mạnh mẽ và hữu hiệu của những người có nền tảng văn hóa của chính họ.

Điều cần là chuyển dịch từ một “Giáo hội đi thăm viếng” sang một “Giáo hội ở lại nhà”, đồng hành và hiện diện qua các thừa tác viên địa phương.

*Trong khi khẳng định rằng độc thân là một hồng ân cho Giáo hội, Tài liệu quả quyết rằng, đối với những vùng xa xôi nhất trong khu vực, khả thể phong chức linh mục sẽ được nghiên cứu đối với những người đàn ông đã kết hôn có gia đình. Nhằm bảo đảm các Bí tích để đồng hành và hỗ trợ đời sống Kitô hữu, điều khoản này định rõ rằng những người đàn ông này ưu tiên phải là những người lớn tuổi bản địa được cộng đồng của họ tôn trọng và chấp nhận.*

### **Vai trò phụ nữ**

Loại thừa tác vụ chính thức có thể được trao cho phụ nữ vẫn còn phải được nhận diện, lưu ý đến vai trò chính mà ngày nay phụ nữ đang đóng trong Giáo hội ở Amazon.

Có người yêu cầu rằng vai trò của phụ nữ phải được công nhận, do các đặc sủng và tài năng của họ. Họ yêu cầu được tái chiếm hữu không gian mà Chúa Giêsu từng dành cho phụ nữ, “nơi mọi người chúng ta đều có thể tìm thấy chính mình”. Cũng có đề nghị phải bảo đảm để họ có quyền lãnh đạo, cũng như các không gian rộng lớn và có liên quan nhiều hơn trong lãnh vực đào tạo: thần học, giáo lý, phụng vụ và trường phái đức tin và chính trị.

### **Đời sống thánh hiến**

Do đó, có đề nghị phải cổ vũ một mô hình thay thế và có tính tiên tri cho đời sống thánh hiến, có tính liên hội dòng và liên định chế. Trên hết, phải có một cảm thức sẵn sàng “để hiện diện ở nơi không ai muốn hiện diện và với người không ai muốn hiện diện với”. Có đề nghị cho rằng việc đào tạo đối với đời sống tu trì nên bao gồm các diễn trình tập chú vào tính liên văn hóa, hội nhập văn hóa và đối thoại.

### **Đại kết**

Tài liệu này cũng nhấn mạnh một hiện tượng quan trọng cần được lưu ý, đó là sự phát triển nhanh chóng của các giáo hội Tin Lành gần đây có nguồn gốc Ngũ Tuần, đặc biệt ở các vùng ngoại vi: “Họ chỉ cho chúng ta một cách khác để làm Giáo Hội, nơi mọi người cảm thấy họ là những người chủ đạo và là nơi tín hữu có thể tự phát biểu một cách tự do không bị kiểm duyệt, không duy giáo điều hay kỷ luật nghi lễ”.

## **Giáo hội và quyền lực: nẻo đường thập giá và tử đạo**

Trở thành Giáo hội ở vùng Amazon có nghĩa là tra vấn quyền lực một cách tiên tri, vì trong khu vực này, người dân không có cơ hội để khẳng định các quyền của họ trước các doanh nghiệp kinh tế lớn lao và các định chế chính trị. Ngày nay, tra vấn quyền lực trong việc bảo vệ đất đai và nhân quyền, có nghĩa là đặt sự sống của người ta vào thế nguy hiểm, tự mở cho mình “một nẻo đường thập giá và tử đạo”. Con số các tử đạo ở Amazon rất đáng báo động (ví dụ, chỉ riêng ở Brazil, từ năm 2003 đến năm 2017, đã có 1,119 người bản địa bị giết vì bảo vệ đất đai của họ). Giáo hội không thể thờ ơ đối với điều này; ngược lại, nó phải hỗ trợ việc bảo vệ những người bảo vệ nhân quyền và tưởng nhớ các vị tử đạo của nó, bao gồm cả các nhà lãnh đạo phụ nữ, như Nữ tu Dorothy Stang.

Trong thời gian cần thiết để soạn thảo Tài liệu Làm việc, tiếng nói Amazon đã được lắng nghe dưới ánh sáng đức tin; một nỗ lực đã được thực hiện để đáp lại tiếng kêu của người dân và của Amazon muốn có những nẻo đường mới cho Giáo hội và cho một hệ sinh thái toàn diện nhằm phát huy khả năng nói tiên tri ở vùng Amazon. Những tiếng nói Amazon này kêu gọi Thượng hội đồng giám mục đưa ra một đáp ứng mới cho các tình huống khác nhau và tìm những nẻo đường mới nhằm tạo nên một *hoàng kim thời đại (kairos)* cho Giáo hội và thế giới.

## **2. Gọi Ý gây tranh cãi nhất trong Tài Liệu Làm Việc của Thượng Hội Đồng Giám Mục về Vùng Amazon: phong chức linh mục cho người có vợ**

Vũ Văn An, 01/Jul/2019

# INSTRUMENTUM



Như đã tường trình, phần cuối cùng Tài Liệu Làm Việc của Thượng Hội Đồng Giám Mục về Vùng Amazon bàn về những vấn đề mục vụ thực tiễn cho vùng này. Trong những Gợi Ý của phần này, người ta lưu ý tới một vấn đề từng được thảo luận rộng rãi trong Giáo Hội mấy năm qua, nhất là từ thời giáo hoàng của Đức Phanxicô: vấn đề phong chức linh mục cho những *virii probati* (những người đàn ông có vợ nhưng sống 1 cuộc sống xứng đáng).

Đã có nhiều nhận định xoay quanh Gợi Ý trên của Tài Liệu. Trước khi tường trình một số nhận định ấy, chúng tôi xin trích đăng nguyên văn Gợi Ý của chính Tài Liệu Làm Việc:

## I. Từ Tài liệu Làm việc

### Chương III: Cử hành đức tin, một phụng vụ hội nhập văn hóa

*“Việc truyền giảng Tin Mừng trong niềm vui trở thành vẻ đẹp trong phụng vụ, như một phần*

trong quan tâm hàng ngày của chúng ta muốn truyền bá sự tốt lành” (*Evangelii Gaudium*, 24)

124. Hiến chế *Sacrosanctum Concilium* (37-40, 65, 77, 81) đề nghị rằng phụng vụ nên được hội nhập văn hóa nơi các dân tộc bản địa. Tính đa dạng văn hóa chắc chắn không đe dọa tính hợp nhất của Giáo Hội; đúng hơn, Giáo Hội phát biểu tính Công Giáo chân thực của mình bằng cách trưng bày “vẻ đẹp trên khuôn mặt đa dạng của mình” (*Evangelii Gaudium* 116). Đó là lý do tại sao “chúng ta phải bạo dạn đủ để khám phá ra các dấu chỉ mới và các biểu tượng mới, các xương thịt mới để hiện thân và thông truyền lời Chúa, và các hình thức khác của vẻ đẹp vốn được trân quý trong các khung cảnh văn hóa khác...” (*Evangelii Gaudium* 167). Không có sự hội nhập văn hóa này, phụng vụ có thể bị giản lược thành “món đồ ở viện bảo tàng” hay “tài sản của một ít người ưu tuyển” (*Evangelii Gaudium* 95).

125. Việc cử hành đức tin phải được tiến hành một cách hội nhập văn hóa để nó trở thành một biểu thức cho kinh nghiệm tôn giáo của riêng người ta và trở thành sợi dây hiệp thông trong cộng đoàn cử hành. Một nền phụng vụ hội nhập văn hóa cũng sẽ là một bằng chứng đối với các tranh đấu và hoài vọng của các cộng đồng và là một lực đẩy có tính biên đổi hướng tới một “lãnh thổ không có sự ác”.

### Các Gợi Ý

126. Nên lưu ý các điều sau đây:

a) Một diễn trình biện phân là điều cần thiết liên quan đến các nghi lễ, biểu tượng, và phong thái cử hành các nền văn hóa bản địa khi tiếp xúc với thiên nhiên, những điều cần được tích nhập vào các nghi thức phụng vụ và bí tích. Điều cần là chú ý để nắm bắt ý nghĩa đích thực của các biểu tượng, một ý nghĩa vượt lên trên thẩm mỹ và văn hóa dân gian, đặc biệt trong bí tích khai tâm Kitô Giáo và Hôn Phối. Có gợi ý cho rằng các cử hành nên có tính lễ hội, với âm nhạc và điệu múa của riêng họ, sử dụng ngôn ngữ và trang phục bản địa, trong hiệp thông với thiên nhiên và cộng đồng. Một phụng vụ biết đáp ứng nền văn hóa riêng của họ để trở thành nguồn cội và đỉnh cao đời sống Kitô hữu của họ (xem *Sacrosanctum Concilium* 10) và liên kết với các tranh đấu, đau khổ và niềm vui của họ.

b) Các bí tích nên là nguồn sống và thuốc chữa ai cũng với tới được (xem *Evangelii Gaudium* 47), nhất là người nghèo (xem *Evangelii Gaudium* 200). Chúng ta được yêu cầu vượt quá các cứng nhắc về kỷ luật vốn có tính loại trừ và tha hóa, và thực hành một nhạy cảm mục vụ biết đồng hành và tích nhập (*Amoris Laetitia* 297, 312).

c) Các cộng đồng thấy khó có thể cử hành bí tích Thánh Thể vì thiếu linh mục. “Giáo Hội rút tía sự sống của mình từ Thánh Thể” và Thánh Thể xây dựng Giáo Hội. Do đó, thay vì để các cộng đồng không có Thánh Thể, cần phải có sự thay đổi trong các tiêu chuẩn lựa chọn và chuẩn bị các thừa tác viên được phép cử hành bí tích Thánh Thể.

d) Phù hợp với việc “tân quyền lãnh mạnh” trong Giáo Hội (*Evangelii Gaudium* 16), các cộng đồng yêu cầu các Hội Đồng Giám Mục thích ứng các nghi thức của bí tích Thánh Thể theo nền văn hóa của họ.

e) Các cộng đồng yêu cầu đánh giá cao hơn, đồng hành và cổ vũ lòng đạo đức mà người nghèo và những người đơn sơ vốn dùng để phát biểu đức tin của họ qua hình ảnh, biểu tượng, truyền thống, nghi lễ và các á bí tích khác. Mọi các điều này diễn ra nhờ các hiệp hội của

cộng đồng biết tổ chức các biến cố như cầu nguyện, hành hương, thăm viếng các đền thánh, và rước kiệu cũng như các lễ hội cử hành thánh quan thầy. Đây là bằng chứng của túi khôn và nền linh đạo từng tạo nên một nguồn cứ liệu thần học (theological locus) thực sự có tiềm năng truyền giảng Tin Mừng (xem *Evangelii Gaudium* 122-126).

#### **Chương IV: Tổ chức các cộng đồng**

.....  
*Các khoảng cách địa dư và mục vụ*

128. Ngoài tính đa nguyên văn hóa tại Amazon, các khoảng cách cũng tạo ra một thách thức mục vụ nghiêm trọng không thể giải quyết bằng các phương thể máy móc và kỹ thuật mà thôi. Các khoảng cách địa dư làm xuất hiện cả các khoảng cách văn hóa và mục vụ nữa; thành thử “thừa tác mục vụ thăm viếng” cần nhường bước cho “thừa tác mục vụ hiện diện”. Điều này đòi giáo hội địa phương tái cấu hình mọi chiều kích của nó: các thừa tác vụ, các bí tích, thần học và các dịch vụ xã hội.

#### **Các Gợi Ý**

129. Các gợi ý sau đây từ các cộng đồng gợi nhớ các khía cạnh của Giáo Hội sơ khai khi đáp ứng các nhu cầu của mình bằng cách tạo ra các thừa tác vụ thích đáng (Cv 6:1-7; 1 Tm 3:1-13):

a) Các thừa tác vụ mới để đáp ứng hữu hiệu hơn các nhu cầu của các dân tộc vùng Amazon:

1. Cổ vũ các ơn gọi nơi các đàn ông và đàn bà bản địa để đáp ứng nhu cầu chăm sóc mục vụ và bí tích. Việc đóng góp chủ yếu của họ nằm trong phong trào hướng tới một việc truyền giảng Tin Mừng chân chính theo quan điểm bản địa phù hợp với các thói quen và phong tục của họ. Đây sẽ là việc người bản địa truyền giảng cho người bản địa theo một nhận thức sâu sắc nền văn hóa và ngôn ngữ của họ, có khả năng thông đạt sứ điệp Tin Mừng bằng sức mạnh và sự hữu hiệu của những người có chung một bối cảnh văn hóa với họ. Điều cần là chuyển dịch từ một “Giáo Hội thăm viếng” sang một “Giáo Hội hiện diện”, một Giáo Hội biết đồng hành và hiện diện qua các thừa tác viên xuất phát từ chính các cộng đồng của họ.

2. Trong khi quả quyết rằng sống độc thân là một hồng phúc đối với Giáo Hội, có yêu cầu cho rằng, đối với các khu vực xa xôi hẻo lánh nhất trong vùng, nên nghiên cứu khả thể truyền chức linh mục cho các người cao niên, ưu tiên là người bản địa, được cộng đồng của họ kính trọng và chấp nhận, dù họ đang có một gia đình vững ổn, để bảo đảm có sẵn các bí tích để đồng hành và nâng đỡ đời sống Kitô hữu.

#### **II. Các nhận định**

Dù việc phong chức linh mục cho các *virii probati* đã được nhiều lần nêu ra và thảo luận rộng rãi, thiện nghĩ cũng nên hiểu ý nghĩa của gợi ý này trong Tài Liệu Làm Việc của Thượng Hội Đồng về vùng Amazon.

#### **Ba điểm đặc thù của Gợi Ý**

Ở đây, John Allen (<https://cruxnow.com/news-analysis/2019/06/18/understanding-the-debate-over-married-priests-at-the-amazon-synod/>) cho rằng có ba điều thiết yếu cần lưu ý:



Thứ nhất cuộc tranh luận tại Thượng Hội Đồng Amazon không phải về việc liệu Giáo Hội Công Giáo có nên có các linh mục có vợ hay không. Vì Giáo Hội Công Giáo vốn đã có các vị như thế này rồi. Hai mươi ba Giáo Hội Đông phương hiệp thông với Rôma vốn có các linh mục có vợ và tại một số Giáo Hội Tây Phương vẫn có các cựu mục sư Thệ Phản trở lại Công Giáo và được tiếp tục cuộc sống có vợ trong tư cách linh mục Công Giáo.

Thứ hai, cuộc thảo luận lần này rất khác với cuộc thảo luận về các linh mục có vợ tại Hoa Kỳ hay Tây Âu vì nó không có tính ý thức hệ. Ở Tây Phương, các người Công Giáo cấp tiến gây áp lực để có hàng giáo sĩ có vợ dựa trên cơ sở cho rằng sống độc thân là điều không tự nhiên và nuôi dưỡng các trục trặc tính dục, thậm chí còn liên kết nó với cuộc khủng hoảng lạm dụng tình dục.

Các nhà tranh đấu ấy đôi khi cũng cho rằng vì tạo ra một đẳng cấp những người đàn ông không lập gia đình, việc sống độc thân đã góp phần vào chủ nghĩa giáo sĩ trị, ưu quyền, và sống xa lìa các cuộc tranh đấu của các gia đình bình thường và rất nhiều biểu hiện bệnh hoạn khác.

Ở Amazon, thuần túy chỉ vì nạn thiếu linh mục, nên tín hữu “đói” Thánh Thể mà Thánh Thể vốn là nguồn và đỉnh cao của đời sống Kitô hữu. Nhưng tỷ lệ linh mục/giáo dân rất khác nhau trong Giáo Hội: ở Hoa Kỳ chẳng hạn 1 linh mục trông coi 1,300 giáo dân; ở Châu Mỹ La Tinh, tỷ lệ ấy là 1 trên 7,000,; ở vùng hạ Sahara, 1 trên 5,300; ở vùng Caribbean, 1 trên 8,300; riêng ở vùng Amazon, tỷ lệ ấy có khi lên đến 1 trên 16,000 hay 17,000.

Thành thử đối với các Giám Mục của vùng này, vấn đề phong chức cho các *virii probati* không hề là vấn đề cánh tả/cánh hữu vì nhiều vị Giám Mục này là những vị đứng hàng đầu về bảo thủ thần học và chính trị.

Thứ ba, cuộc tranh luận lần này cũng vẫn chỉ là một cuộc tranh luận không hơn không kém. Không hề có kết luận dọn sẵn rằng gợi ý *virii probati* sẽ được đa số ủng hộ. Và lại, Thượng Hội Đồng Giám Mục chỉ là một định chế tư vấn và Đức Giáo Hoàng có toàn quyền muốn sử dụng công trình của nó thế nào tùy ý, tùy ngài hết sức lắng nghe.

John Allen cho rằng đây không phải là lần đầu vấn đề này được đem ra thảo luận. Nó vốn đã được nêu lên trong rất nhiều Thượng Hội Đồng, dù không được ghi trong nghị trình chính thức như lần này.



## Tạo tiền lệ?

Nói thế rồi, John Allen cho rằng dù việc cho phép các *virī probati* chịu chức linh mục chỉ giới hạn vào 1 vùng địa dư nào đó, nó cũng đã tạo ra một tiền lệ và chẳng bao lâu sau các nhà tranh đấu tại các nơi khác bắt đầu yêu cầu được hưởng cùng một đặc ân.

Nhận định ấy cũng đã được George Weigel (<https://www.firstthings.com/web-exclusives/2019/01/nothing-about-us-without-us>) từ đầu năm nay nói tới. Weigel cho rằng theo Đức Hồng Y Cláudio Hummes, Tổng trưởng trình viên của Thượng Hội Đồng Amazon, gợi ý này chỉ hạn chế đối với vùng Amazon mà thôi. Nhưng gợi ý này nếu thành sự hoàn toàn thì chắc chắn sẽ trở thành một tiền lệ và các giáo phận tại các nơi khác sẽ dựa vào tiền lệ này, để trình bày các lý do khẩn cấp khác hòng yêu cầu được phong chức cho các *virī probati* của riêng họ. Dần dần luật độc thân của linh mục sẽ không còn.

Weigel cho rằng lo ngại của ông có cơ sở. Vì trong một cuộc phỏng vấn cuối năm ngoái, Tổng thư ký Thượng Hội Đồng, Đức Hồng Y Lorenzo Baldisseri, nhấn mạnh rằng Thượng Hội Đồng Amazon không chỉ thảo luận các vấn đề môi trường mà thôi, nhưng sẽ còn thảo luận “các chủ đề Giáo Hội nữa” và sẽ làm thế một cách khiến Amazon trở thành “một mô hình cho toàn thế giới”. Ông tin chắc việc phong chức linh mục cho các *virī probati* của vùng Amazon sẽ có nhiều hậu quả lớn cho toàn thể Giáo Hội.

Lo ngại của Allen và Weigel càng có cơ sở hơn khi ta nhớ lại sự kiện: trên đường từ Ngày Giới Trẻ Thế Giới ở Panama trở lại Rôma, Đức Giáo Hoàng Phanxicô từng nói với các nhà báo trên chuyến bay rằng dù ngài tin luật độc thân linh mục “là một hồng phúc đối với Giáo Hội” và ngài “không nhất trí” biến nó thành nhiệm ý, nhưng ý niệm phong chức cho các *virī*

*probati* có thể được coi là một khả thể ở các khu vực thực sự có nhu cầu mục vụ. Lấy Các Đảo Thái Bình Dương làm thí dụ, Đức Phanxicô nói rằng “đó là một điều để suy nghĩ về việc khi nào có nhu cầu mục vụ”.

Trong cuộc họp báo để công bố Tài liệu Làm việc, Cha Miguel Yanez, giáo sư thần học luân lý người Á Căn Đình tại Đại Học Gregorian, đã trấn an mọi người khi nhấn mạnh rằng tại Thượng Hội Đồng, các giám mục có thể bác bỏ ý niệm này hoặc các ngài có thể đề nghị nó với Đức Giáo Hoàng; và Đức Giáo Hoàng có thể bác bỏ nó.

Tuy nhiên, Inés San Martín (<https://cruxnow.com/church-in-europe/2019/06/05/cardinal-kasper-says-francis-will-allow-married-priests-if-bishops-request-it/>) tường trình rằng theo Đức Hồng Y Walter Kasper, 1 lý thuyết gia rất thân cận của Đức Phanxicô, nếu các Giám Mục tham dự Thượng Hội Đồng Amazon yêu cầu việc phong chức cho các người đàn ông có gia đình, Đức Phanxicô sẽ chấp thuận.

Thành thử trấn an của Cha Yanez không đánh tan nghi ngại của những người như Sandro Magister (<http://247.libero.it/bfocus/625807/0/the-amazon-train-has-pulled-out-next-stop-germany>). Ông này nhắc lại lời của Đức Phanxicô trên chuyến bay từ Panama trở về Rôma một cách kỹ lưỡng hơn khi thêm “và nhiều nơi khác” vào danh sách những vùng xa xôi hẻo lánh cần có các linh mục *virii probati*, dù cho biết thêm: Đức Giáo Hoàng có nhắc đến chủ trương của Đức Cha Fritz Lobinger khuyên chỉ nên trao cho các linh mục loại này nhiệm vụ “thánh hóa” mà thôi, nghĩa là cử hành các bí tích chứ không có nhiệm vụ cai quản như đại đa số các linh mục hiện nay.

### **Sông Rhine chảy vào Amazon?**

Magister cho rằng đằng sau ý niệm phong chức cho các *virii probati* là một số lớn giáo phẩm Đức mà Đức Cha Lobinger là một và vị thứ hai là Đức Hồng Y Walter Kasper.

Về ảnh hưởng Đức tại Thượng Hội Đồng Amazon, Edward Pentin (<http://www.ncregister.com/blog/edward-pentin/pre-amazonian-synod-study-meeting-held-in-rome>) tường trình rằng ngày 25 tháng Sáu vừa qua, tại Vatican, có cuộc họp riêng của một số giáo phẩm để chuẩn bị cho Thượng Hội Đồng Amazon. Dù cuộc họp này do Mạng Lưới Giáo Hội Toàn Vùng Amazon, tắt là REPAM, một mạng lưới do 9 Giáo Hội trong vùng lập ra, tổ chức nhưng có sự tham gia khá đông của các vị lãnh đạo Giáo Hội Đức hoặc gốc Đức, trong đó, có Đức Hồng Y Walter Kasper; Đức Cha Erwin Kräutler, người vốn ủng hộ việc truyền chức linh mục cho đàn ông có vợ và cho cả phụ nữ nữa và được Đức Giáo Hoàng cử làm chuyên viên cố vấn cho Thượng Hội Đồng Amazon (có người cho ngài góp phần soạn thảo Tài liệu Làm việc); Đức Cha Franz-Josef Overbeck, chủ tịch ủy ban Châu Mỹ Latinh của Hội Đồng Giám Mục Đức, từng giúp đỡ tài chánh cho các Giáo Hội Mỹ Latinh (tháng rồi, ngài cho rằng Thượng Hội Đồng sẽ dẫn Giáo Hội tới một “điểm không trở lại” và do đó, “không điều gì sẽ còn như trước đây”)

Pentin cho rằng không tham dự viên nào của cuộc họp nổi tiếng về phương diện giáo lý chính thống nhất là linh mục Hubert Wolf, một người từng được mệnh danh là “chống lại luật độc thân cả về lý thuyết lẫn thực hành”.

Pentin cho rằng có nghịch lý ở đây vì dù Tài liệu Làm việc hô hào phải lắng nghe Amazon, nhưng tiếng nói của Amazon khá yếu trong khi tiếng nói Đức và là Đức cấp tiến đang lấn lướt mọi tiếng nói khác. Người ta thoáng thấy bóng dáng của điều Đức Phanxicô vốn gọi là

chủ nghĩa thực dân ý thức hệ: dùng viện trợ ép người ta theo ý thức hệ của mình. Pentin thì cho rằng Sông Rhine đang chảy vào vùng Amazon, nói theo linh mục người Mỹ Ralph Witgen khi tường trình về Công đồng Vatican II với cuốn "The Rhine Flows into the Tiber" có ý nói đến ảnh hưởng Đức đối với Công đồng này.

Ưu tư này, theo Pentin, đã được Đức Hồng Y Gerhard Müller phát biểu như sau “chúng ta thấy rằng đây không phải là một ảnh hưởng tốt vì Giáo Hội đang xuống dốc tại Đức”.

Ngài nói thêm “Họ [các nhà lãnh đạo Giáo Hội Đức] không ý thức được các vấn đề có thực chất [trong Giáo Hội ngày nay] và họ nói đến nền luân lý tính dục, luật độc thân và linh mục phụ nữ, nhưng họ không nói gì tới Thiên Chúa, Chúa Giêsu Kitô, ơn thánh, các bí tích, và đức tin, đức cậy và đức mến, các nhân đức đối thần”.

### **Lạc giáo?**

Đức Hồng Y Gerhard Müller không phải là vị giáo phẩm Đức cao cấp nhất của Giáo Hội lên tiếng lo âu. Một vị Hồng Y Đức khác, mạnh mẽ hơn, lên tiếng tố cáo các gợi ý của Tài Liệu Làm việc là lạc giáo. Đó là Đức Hồng Y Walter Brandmüller, một trong bốn vị Hồng Y “dubia” ngày nào và là nhà giáo sử học nổi danh.

Trên LifeSite News và Kath.net, Đức Hồng Y cho phổ biến bài viết của ngài tựa là “Một Phê phán đối với Tài liệu Làm việc của Thượng Hội Đồng Amazon” trong đó, ngài nhấn mạnh “Cần phải quả quyết ngay bây giờ một cách nhất quyết rằng Tài liệu Làm việc mâu thuẫn với giáo huấn ràng buộc của Giáo Hội ở những điểm có tính quyết định và do đó phải được kể là lạc giáo”.

Ngài cho rằng việc tổ chức 1 Thượng Hội Đồng tại 1 vùng có số dân nhỏ nhoi, chỉ bằng nửa Mexico City, “khiến người ta hoài nghi các ý định đích thực” đứng đằng sau hội nghị này.

Ngài tra vấn tại sao gần 3 phần 4 chủ đề của Tài Liệu ít liên quan gì tới “các Tin Mừng và Giáo Hội”, toàn những “rất tích cực đánh giá các tôn giáo tự nhiên, gồm cả các thực hành chữa bệnh của người bản địa và những điều tương tự, thậm chí các thực hành huyền thoại tôn giáo và các hình thức thờ cúng”. Ngài cho rằng Giáo Hội đâu có chuyên môn gì để đề cập tới những vấn đề như thế. Bàn về những vấn đề như thế, Thượng Hội Đồng sẽ vượt quá các ranh giới của mình và là một hành vi cao ngạo của giáo sĩ, một điều chắc chắn các nhà cầm quyền nhà nước phải bác bỏ.

Sau đó, ngài chỉ trích Tài liệu Làm việc đã thúc đẩy việc “bãi bỏ luật độc thân” và du nhập “chức linh mục phụ nữ”. Về việc “bãi bỏ luật độc thân”, Đức Hồng Y không đưa ra luận điểm nào chi tiết; và về nữ linh mục, ngài chỉ dựa vào lời Đức Gioan Phaolô để bác bỏ.



### Truyền giảng hay cử hành bí tích?

Linh mục Roger Landry (<http://www.ncregister.com/blog/fatherlandry/evangelizing-the-amazon-and-the-gift-of-priestly-celibacy>), cho rằng hiển nhiên có những nhu cầu mục vụ to lớn để truyền giảng Tin Mừng và phục vụ vùng rộng lớn Amazon, nhưng truyền chức cho người có vợ có phải là giải đáp thích đáng với tình hình này hay không? Ngài có một số phản ứng như sau:

Thứ nhất, các vị Thánh của các xứ truyền giáo, tức Thánh Phanxicô Xaviê và Thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu, nói gì về gợi ý này? Phạm vi truyền giáo của một mình Thánh Phanxicô Xaviê không thua gì Vùng Amazon, gồm Ấn Độ, Miên Điện, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương và Nhật Bản. Nhưng theo ngài, lý do duy nhất khiến nhiều người ở vùng này không trở thành Kitô hữu vì không có ai làm họ trở thành Kitô hữu và ngài nghĩ đến việc “rào khắp các đại học của Âu Châu, nhất là Paris, và khắp nơi kêu gào như 1 người điên, kéo chú ý của những người có học nhiều hơn đức ái” đến giúp ngài trong việc truyền giáo. Ngài không bao giờ gợi ý thay đổi tập tục độc thân giáo sĩ của Giáo Hội để làm việc đó.

Thánh Têrêxa Hải Đồng cũng thế. Được 1 linh mục truyền giáo ở Phi Châu mà ngài nhận làm em thiêng liêng hỏi làm thế nào mà sau 1,800 năm sau khi Chúa sống lại mà vẫn còn hàng triệu người tại châu lục này chưa nghe tên Chúa Giêsu, vị tiến sĩ trẻ nhất của Giáo Hội chỉ vắn gọn trả lời: vì các Kitô hữu khác không làm gì cho việc này cả.

Cả hai vị đều cho rằng thuốc chữa không phải là hạ thấp tiêu chuẩn mà là mời gọi người ta đi truyền giáo.

Kêu gọi truyền chức cho đàn ông có vợ là thái độ bi quan và nản lòng đối với tính hữu hiệu

của việc cầu xin Chúa Mùa Gặt sai nhiều thợ gặt đến vùng Amazon.

Theo Cha Landry, điều hay hơn có thể là hàng giám mục của Amazon kêu gọi mọi giáo phận trên thế giới và mọi dòng tu mỗi thập niên gửi 1 linh mục tới giúp truyền giảng Tin Mừng cho Amazon.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô vốn nói Giáo Hội không có 1 việc truyền giáo, mà là một việc truyền giáo, và mỗi người chúng ta phải nhìn nhận rằng “tôi là 1 việc truyền giáo trong thế giới này”. Nay là lúc chúng ta điều này.

Thứ hai, việc phong chức cho những người đàn ông lớn tuổi sẽ ra sao? Vì thiếu trầm trọng các hạ tầng giáo dục, phần lớn người trong vùng Amazon không có được 1 nền giáo dục thoả đáng, có phẩm chất. Chúng ta không nói đến các bằng tiến sĩ hoặc cử nhân nữa về thần học hay bất cứ môn nào khác. Chúng ta chỉ dám nghĩ đến việc truyền chức cho những người có giáo dục bậc tiểu học, đủ để có thể đọc Kinh Thánh và Sách Lễ.

Lịch sử Giáo Hội chứng tỏ việc ấy không hẳn là ý tưởng hay. Trong các thế kỷ trước khi các chủng viện được thiết lập ở Âu Châu, các người đàn ông chỉ tự tập việc 1 thời gian với hàng giáo sĩ địa phương, dự 1 kỳ khảo hạch, và rồi được thụ phong, chỉ đủ khả năng đọc tiếng Latinh, chứ đừng nói đến việc hiểu nó. Các tai tiếng do hàng giáo sĩ được huấn luyện nghèo nàn ấy đã góp phần làm nhanh hơn Phong Trào Cải Cách Thế Phán.

Thánh Bernardine thành Siena, vị tu sĩ vĩ đại dòng Phanxicô thế kỷ 15, than phiền tình huống của khá nhiều linh mục dù có thể cử hành các bí tích, nhưng không có khả năng làm bất cứ điều gì khác. Ngài nói rằng nếu 1 làng kia trong 1 thế hệ chỉ có việc giảng thuyết tốt mà không có các bí tích, hay chỉ có các bí tích mà không có giảng thuyết, thì điều khôn ngoan hơn là có giảng thuyết...

Điển hình đó có thể thích hợp với tình huống tại Amazon. Người ở các vùng xa xôi theo Phái Ngũ Tuần đâu phải vì Ngũ Tuần có các bí tích (họ có đâu) mà vì Ngũ Tuần cho người vùng ấy lời Chúa, huấn luyện họ biết cầu nguyện và cho họ một cộng đồng đức tin. Người Công Giáo, theo Cha Landry, cũng nên làm như thế, dù không có linh mục. Có khôn ngoan hay không đi truyền chức cho những người chỉ biết cử hành Thánh Lễ và giải tội nhưng không đủ giáo dục và huấn luyện để giảng dạy hữu hiệu?

Thứ ba, việc này có nghĩa gì đối với Giáo Hội hoàn vũ? Ở đây, Cha Landry muốn nói lên cùng 1 ưu tư như John Allen và George Weigel trên đây. Nghĩa là tạo nên 1 tiền lệ để nhiều nơi khác noi theo. Đến nỗi luật trừ nay thành luật chung. Chức linh mục nói chung biến thái. Lúc ấy, các linh mục vẫn giữ độc thân vì Nước Chúa sẽ bị coi là tham vọng vì, cũng như trong các Giáo Hội Đông phương, chỉ các linh mục độc thân mới được chọn làm giám mục. Về phương diện truyền giáo: các linh mục độc thân chỉ cần một thông báo ngắn là “khăn gói” lên đường, do đó, dễ phải đảm nhiệm các việc nặng nề. Có linh mục có gia đình nào lại muốn rời bỏ khu vực đô thị nơi cần thiết cho việc học của con cái? Rồi khi độc thân không còn được coi trọng nữa trong một xã hội bị ám ảnh bởi tình dục, đâu là dấu chỉ tiên tri cho thấy đức trong sạch là điều có thể, hân hoan và mang lại sức sống trong mọi bậc sống nữa?

*Dù vậy, bình tâm mà xét, gợi ý để thảo luận không nhất thiết phải biến thành quyết định của Đức Giáo Hoàng. Điển hình là việc nghiên cứu của cả một ủy ban giáo hoàng về chức phó tế phụ nữ đã mang đến kết luận là không có bằng chứng hiển nhiên về thánh chức này và do đó, Đức Phanxicô đã cho ngưng cuộc nghiên cứu. Và lại, Thượng Hội Đồng Amazon không phải*

chỉ có các giám mục vùng Amazon và Đức, mà còn nhiều vị khác đại diện cho Giáo Hội hoàn vũ. Kinh nghiệm cho hay tiếng nói của các vị này không còn lu mờ như ngày nào.

### 3. Ba căng thẳng tại Thượng Hội Đồng Giám Mục về vùng Amazon

Vũ Văn An, 08/Jul/2019



*Mauricio Lopez Oropeza (<https://www.facebook.com/vaticannews/posts/mauricio-lopez-oropeza-executive-secretary-of-the-pan-amazonian-ecclesial-networ/2564790203532568/>), đồng sáng lập viên và là tổng thư ký của Mạng Lưới Giáo Hội Toàn Vùng Amazon (REPAM) một cơ quan được thành lập năm 2014 tại Brasilia, có bài nhận định sau đây về Thượng Hội Đồng Giám Mục sắp tới về vùng này.*

Thượng Hội Đồng Giám Mục đặc biệt về Toàn Vùng Amazon đang và ngày càng trở thành một Thượng Hội Đồng vượt xa lãnh thổ mà nó đặt cơ sở. Tuy thế, chúng ta không nên quên tập chú địa dư đặc biệt của nó vì điều này có thể làm giảm cơ hội tạo ra những thay đổi và quan điểm cần thiết để Thượng hội đồng đáp ứng hữu hiệu trước tình huống đặc thù đang cần một sự hóan cải trong cung cách Giáo hội hiện diện ở đây. Điều rất quan trọng là Thượng hội đồng về Toàn Vùng Amazon không nên mất đi sự liên quan và cảm thức thuộc về của mình, và trên hết, khả năng của nó trong việc loan báo đích thực Tin mừng giữa các điều kiện phức tạp đầy mong manh và khiêm diện như thế liên quan đến Giáo hội, đây chét chóc xuất phát từ các hình thức thống trị, hủy diệt và hoạt động khai khoáng ngày càng gia tăng trên lãnh thổ, và cho việc chấp nhận và nhìn nhận cần thiết đối với ân sủng và mặc khải của Thiên Chúa giữa sự đa dạng văn hóa của các dân tộc nguyên thủy (bản địa) và các cộng đồng khác, và cách họ sống thực niềm hy vọng và sự phản kháng của họ để tồn tại và ở lại đó.

Vì vậy, rõ ràng đây là một Thượng Hội Đồng được tổ chức trong sự căng thẳng giữa các thái cực hoặc cực đoan bổ sung cho nhau. Đây là một thách thức lớn, nhưng cũng là một cơ hội thực sự cho việc thay đổi cần thiết và mong đợi trong Giáo hội và cách Giáo Hội hiện diện trong thế giới. Như một sự suy tư về sự Hợp nhất trong Đa dạng và chiều kích Ba Ngôi của đức tin của chúng ta, căn cứ vào kinh nghiệm bản thân trong các diễn trình và giai đoạn khác nhau của Thượng hội đồng hiện tại, tôi xin trình bày ở đây những gì tôi cho là BA CĂNG THẰNG TRONG YẾU quanh và trong Thượng Hội Đồng Amazon. Tôi hy vọng rằng chúng được dùng như các chìa khóa để hiểu được thời điểm hiện tại của Giáo hội, những gì phải đặt ra và những gì được tranh luận, trong Thượng hội đồng Toàn Vùng Amazon này:

Một mặt, chúng ta có sự căng thẳng về

**1. KÍCH CỠ.** Thượng hội đồng hiện tại tập chú vào một chiều kích lãnh thổ chuyên biệt, với những thách thức và đặc điểm rất đặc thù đòi hỏi nơi Giáo hội một kiểu hiện diện và đáp ứng phù hợp với thực tại này. Về điểm này, chúng ta có thể nói đến việc lãnh thổ xuất hiện như một nguồn cứ liệu (locus) thần học mới, và một chủ đề giáo hội mới trong chiều kích lãnh thổ của nó. Điều này mang theo nó những hệ luận nghiêm trọng đối với chính cơ cấu của Giáo hội, xét vì khái niệm lãnh thổ, hay đất hứa trong truyền thông cổ xưa, là một yếu tố đem lại ý nghĩa và bản sắc và là nguồn nâng đỡ lý do hiện hữu và sứ mệnh của Giáo hội: nhưng trong truyền thống theo chân Chúa Kitô, nó cũng là lời kêu gọi không ngừng tìm cách khám phá ra Thiên Chúa nhập thể trong Chúa Giêsu, nghĩa là, nằm trong một lãnh thổ, trong một nền văn hóa và bối cảnh chuyên biệt, và tiếp tục trở thành nhập thể trong diễn biến thay đổi của thời gian.

Trong lĩnh vực Khoa học xã hội, cũng cần phải công nhận lãnh thổ như một cấu trúc xã hội và có tính biểu tượng, một cấu trúc cần được xem như một mạng lưới tương quan phức tạp, hiểu biết qua lại, thừa nhận nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Đây là một viễn cảnh giúp chúng ta hiểu mối tương quan của các lãnh thổ với các khía cạnh bên ngoài không rõ mớ được như văn hóa và linh đạo của chúng ta, với các môi trường tự nhiên xung quanh mang lại cho chúng ta sự sống, và với lịch sử của chúng ta. Ngoài ra, trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên, trường hợp của Toàn Vùng Amazon cũng đặc biệt có liên quan, vì nơi đây, lãnh thổ được hình thành như một sinh quần (biome) hoặc một đơn vị sinh thái vốn là một hệ thống sống của các mối tương quan hữu cơ phức tạp xác định ra các khía cạnh chuyên biệt của hệ thực vật, động vật và tính siêu đa dạng sinh học (mega-biodiversity).

Đó là một thực tại, như được nêu ra trong Tài liệu Chuẩn bị, trong đó:

*Trong rừng Amazon, có tầm quan trọng sống còn đối với hành tinh, một cuộc khủng hoảng sâu xa đã phát khởi, do sự can thiệp kéo dài của con người trong đó, “nền văn hóa vớt vớt” (LS 16) và nào trạng khai khoáng chiếm ưu thế. Amazon là một vùng có tính đa dạng sinh học phong phú, nó có tính đa sắc tộc, đa văn hóa và đa tín ngưỡng, một tấm gương phản chiếu toàn bộ nhân loại, một tấm gương, để bảo vệ sự sống, đòi phải có các thay đổi về cơ cấu và bản thân của toàn thể nhân loại, của các Nhà nước và của Giáo hội.*

Và mặt khác, chiều kích phổ quát của Giáo hội, trong đó nhu cầu đồng hành với các hành trình cải cách giáo hội từng truyền cảm hứng cho chúng ta từ Công đồng Vatican II là điều rõ ràng hiển nhiên, và được phát biểu rõ ràng trong mô hình mục vụ mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô mong muốn cho toàn thể Giáo hội, nơi tương lai được trình bày như là mang lại hy vọng và thử thách. Theo cách này, Thượng hội đồng có thể, và nên, đóng góp sự soi sáng trong một tổng quan phổ quát, khẳng định tính hai mặt hoặc trọng tâm kép của Thượng hội



đồng này khi nói đến tầm nhắm của nó:

*Những suy tư của Thượng hội đồng đặc biệt vượt ra ngoài phạm vi chỉ có tính giáo hội đúng nghĩa của Amazon, bởi vì chúng tập chú vào Giáo hội hoàn cầu cũng như vào tương lai của cả hành tinh. Chúng ta bắt đầu từ một lãnh thổ chuyên biệt mà từ đó chúng ta muốn xây dựng một cây cầu hướng tới các sinh quần chủ yếu khác trong thế giới của chúng ta: Lưu vực Congo, hành lang sinh học của Trung Mỹ, rừng nhiệt đới của châu Á và Thái Bình Dương, tầng nước ngầm Guaraní, và nhiều nơi khác.*

Để trả lời cho vấn đề này, một câu hỏi được đặt ra: Đây có phải là 1 Thượng hội đồng chỉ dành cho Toàn Vùng Amazon hay dành cho cả Giáo hội hoàn cầu từ một thực tại chuyên biệt là thực tại Amazon? Và, xét vì chúng ta biết rằng Thượng hội đồng phải đáp ứng cả hai chiều kích nối kết qua lại và phụ thuộc lẫn nhau này, chúng ta cũng cần phải hỏi, Đây là các hệ luận mà Thượng hội đồng này và chiều kích kép của nó sẽ mang lại cho tương lai sứ mệnh của Giáo hội cả trong chính lãnh thổ lẫn cho toàn thể Giáo hội hoàn cầu?

Ở một bình diện khác, trong chủ đề và tiêu đề mà Đức Giáo Hoàng đã quyết định cho Thượng hội đồng: “Vùng Amazon, những Nẻo Đường mới cho Giáo hội và cho một Hệ Sinh thái Toàn diện”, một sự căng thẳng lớn thứ hai được phát biểu về

**2. TÍNH THỜI GIAN – THỜI.** Một mặt, chủ đề và tiêu đề của Thượng hội đồng nói với chúng ta về lời kêu gọi khẩn cấp phải hoán cải về Mục vụ trong cụm từ “Những Nẻo đường mới cho Giáo hội”, một cụm từ chắc chắn muốn trình bày nghị trình mục vụ của Tông huấn “*Evangelii Gaudium*: về việc công bố Tin mừng trong thế giới ngày nay”, một tông huấn phản ánh nỗ lực của triều Giáo hoàng của Đức Phanxicô để giải thích các dấu chỉ thời đại và kêu gọi phải có một cách để trở thành Giáo hội biết hiệp thông và phục vụ Nước Trời trong bối cảnh hiện tại này, y hệt như nó hiện là, và không dựa vào cách đọc lỗi thời về nó. Đó là khoảnh khắc mà chúng ta có thể xác định một cách dứt khoát là “Kairos” (hoàng thời), vì chúng ta có thể thấy các đặc điểm chuyên biệt của sự hiện diện tích cực của Thiên Chúa và của lời kêu gọi đến với Người, giữa một thế giới đang đi tìm mầu nhiệm, trong một thực tại bị phân mảnh, trong đó, Giáo hội nhận diện được lời Chúa Thánh Thần kêu gọi đồng hành với tiến trình này trong một “cuộc nối vòng tay lớn truyền giáo”. Đây là một lời kêu gọi làm môn đệ truyền giáo, làm chứng cho một Giáo hội đáng tin cậy, với một ơn gọi rõ ràng để nhận ra và chấp nhận sự đa dạng, nhập thể vào nó và khẳng định nó như biểu thức của Thiên Chúa.

Và ở cuối đầu kia của sự căng thẳng thứ hai này, chính chủ đề của Thượng hội đồng nói với chúng ta về lời kêu gọi phải đạt tới một “hệ sinh thái toàn diện” như một sự hiện diện và sống như Giáo hội. Về căn bản, đó là một lời kêu gọi Hoán cải Sinh thái, mà hành trình của nó được trình bày rõ ràng trong Thông điệp “*Laudato si*: Về việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta”. Giống như ở điểm trước, điểm này mang lại cho chúng ta một cách đọc ngắn gọn và sâu sắc về các dấu chỉ thời đại, nhưng trong trường hợp này dựa vào cuộc khủng hoảng hành tinh ở quy mô không bao giờ tưởng tượng hoặc dự đoán được, trong đó chính tương lai của con người và của hành tinh đang gặp nguy cơ.

Chúng ta thấy mình đối diện với một lời kêu gọi phải thay đổi cách chúng ta liên hệ với mẹ và chị đất và mọi những gì bà đại diện về tính đa dạng của các của cải sáng thế, phải thay đổi căn bản trong mối liên hệ của chúng ta với nhau, vì chúng ta đã thiết lập một diễn trình khai thác và tích lũy chưa từng có (“văn hóa vứt bỏ”), một diễn trình đã đem hành tinh này đến trạng thái phải chăm sóc cao độ và đến cùng kiệt các giới hạn của nó. Đây là một lời mời bắt

buộc phải thay đổi mối liên hệ bằng một cảm thức huyền nhiệm, thừa nhận rằng chúng ta cần suy nghĩ lại nền linh đạo của mình để tìm ra một thứ linh đạo đơn giản hơn, dựa trên điều cốt yếu, và có thể giúp chúng ta hiệp thông thực sự với chị- mẹ đất, với các anh chị em của chúng ta trên thế giới này, nhất là những người bị loại trừ nhất nhưng đang bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta và với Thiên Chúa của sự sống, Đáng muốn một tương lai có thể có cho những thế hệ sắp đến.

Nói tóm lại, đây là một thời điểm đòi hỏi một sự thay đổi thực sự và tức khắc, và vì thế nó cần phải được xem như một thời của “cronos” (thời gian theo nghĩa trôi qua). Điều đó có nghĩa: thời gian trôi nhanh không tài nào hãm được đến mức nếu chúng ta không làm điều gì đó có ý nghĩa để thay đổi tình hình, thì có lẽ đã quá muộn. Một thay đổi cụ thể, hữu hình, khẩn cấp và không thể thương lượng, dựa trên viễn kiến một Hệ sinh thái toàn diện cho Thượng Hội Đồng này. Liệu một Thượng Hội Đồng có thể diễn giải khoảnh khắc “hoàng thời” này để nắm được sự mặc khải của Thiên Chúa, Đáng đòi ta một sự hóan cải mục vụ tiệm tiến nhưng nhất định phải có, đồng thời, có thể thực hiện một lời kêu gọi có tính tiên tri và hữu hiệu để hóan cải ở bình diện vật chất và trong các mối liên hệ, trước cuộc khủng hoảng xã hội môi trường lớn lao của hành tinh trong một thời “cronos” (thời trôi qua)? Điều này mà không có điều kia sẽ không đầy đủ, và không trọn vẹn.

Và cuối cùng, có một sự căng thẳng lớn thứ ba về

**3. CUỘC CẢI CÁCH ĐANG TIẾN HÀNH** bên trong Giáo hội. Sự căng thẳng này được liên kết với hai sự căng thẳng trước đó, trong chừng mực chúng ta coi nó như một điểm đến của diễn trình mặc khải và kêu gọi hóan cải từ Công đồng Vatican cho đến nay. Một cuộc cải cách đang trong diễn trình, vẫn chưa trọn vẹn do năng động tự nhiên của Giáo hội và của thế giới, như một biểu thức cho hành động sáng tạo của Thiên Chúa luôn chuyển vận, nhưng đang đạt tới, hoặc mong muốn đạt tới, một số điểm thành toàn trong thời điểm hiện tại.

Ở đây, sự căng thẳng, trước hết, được phát biểu giữa một thái cực tìm kiếm sự liên tục của điều chúng ta coi như mô hình của Tính trung tâm: một tâm thức có tính truyền thống hơn, được liên kết với một Giáo hội dưới hình thức tập trung quyền hành vốn có tính phẩm trật và theo chiều dọc một cách áp đảo đứng cao trên Giáo Hội ngoại vi. Cách làm Giáo hội như thế liên hệ với phong cách bảo tồn nhiều hơn, một phong cách chỉ chăm sóc một số khía cạnh thiết yếu nào đó trong bản sắc giáo hội của chúng ta, nhưng có lẽ, đã đánh mất khả năng biện phân được liên kết chặt chẽ hơn với một tình huống đang thay đổi một cách năng động và, như một kết quả, thấy khó mà khám phá được và tự cho phép mình được đánh động và lên khuôn bởi sự mới lạ thường trực của sự mặc khải của Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã đặt để trong thời gian và không gian và, do đó, đối kháng với sự thay đổi.

Điều cần là chăm sóc toàn bộ cơ thể giáo hội của chúng ta, bảo vệ tương lai của nó và duy trì các yếu tố quan trọng của đức tin chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta phải nhận diện nơi nào mong muốn bảo tồn đã khiến chúng ta quên mất sự phong phú to lớn trong tiến trình năng động của Thiên Chúa được mặc khải giữa tính đa dạng, hoặc còn hơn nữa, nơi nào chúng ta đã quên mất Chúa Kitô bị đóng đinh, Đáng đang hiện diện tại biên giới đa dạng của thế giới chúng ta ngày nay. Có một lời kêu gọi trở thành một sự hiện diện nhập thể, được hội nhập văn hóa và có tính liên văn hóa, yêu cầu chúng ta phải là một Giáo hội có khả năng tự tổ chức lại, từ bỏ một số an toàn cơ cấu, đi ra ngoài và gặp gỡ những người bị thương tích và bị gạt qua một bên. Và điều này ngày nay thật khẩn cấp xiết bao ở Toàn Vùng Amazon, một lãnh thổ rất được thêm muốn và bị bóc lột, và đối với người dân của nó.

Và ở phía bên kia của sự căng thẳng này, một nỗ lực để xây dựng một Giáo hội có tính đồng nghị (synodal) hơn. Nghĩa là, một Giáo hội có khả năng tự duyệt xét lại nội bộ của mình để thay đổi nhịp bước của mình, thay đổi cách hiện diện và nhận ra những chủ đề đa dạng đang nài nỉ Giáo Hội đồng nhịp với các người nam nữ ngày nay, những người vốn là đối tượng của cứu chuộc. Một Giáo hội được tổ chức theo mô hình cai trị có tính đồng nghị hơn, hoặc có tính tham gia hơn, có tính hợp đoàn hơn, hiệp thông nhiều hơn và thiết lập ra các cơ cấu và tiêu chuẩn mới giúp nó khả năng sánh bước và cùng nhịp với các tiếng khóc than và hy vọng của thực tại, có khả năng kết hợp sự mới mẻ phát xuất từ sự phong phú của tính đa dạng. Và một lần nữa, cùng với người dân và những nhà truyền giáo từng tự mình nhập thân một cách nghiêm túc, Toàn Vùng Amazon có được bao nhiêu để dạy chúng ta những cách thức mới mẻ, các hình thức mới mẻ và một viễn kiến sâu sắc về bí tích và thừa tác vụ, vốn có ý nghĩa trong thời gian và không gian này và với những người này.

Một Giáo hội có tính đồng nghị phải đảm nhận việc tái cấu trúc cách thức hiện diện và hoạt động của nó để tiếp nhận việc *aggiornamento* (cập nhật hóa) này, từng bắt đầu đã hơn 55 năm trước nhưng nay vẫn chưa trọn vẹn, và với một tầm nhìn đồng nghị tìm cách đạt tới điểm thành toàn thực sự. Chỉ cần đọc một số trích đoạn trong Tông Hiến của Đức Giáo Hoàng Phanxicô “*Episcopalis communio: Về Thượng hội đồng Giám mục*”, có tính quan phòng và được trình bày một cách chiến lược với Thượng hội đồng Toàn Vùng Amazon trong tâm trí, để nhận diện các đặc điểm của sự căng thẳng thứ ba này, và cho phép chúng ta biện phân được nơi Chúa Thánh Thần kêu gọi chúng ta để Thượng hội đồng này có thể đổi sáng cho sự hoán cải rất cần thiết:

*Thượng hội đồng giám mục cũng phải được hoán cải ngày càng nhiều để trở thành dụng cụ ưu tuyển để nghe Dân Thiên Chúa: “Trước nhất, chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần, cho các nghị phụ Thượng hội đồng, được ơn biết lắng nghe: nghe Thiên Chúa và nghe với Người tiếng than khóc của người ta; hãy lắng nghe người ta, để thổi vào họ sự lựa chọn mà Thiên Chúa vốn kêu gọi chúng ta chọn” [23].*

Trong tài liệu về cơ cấu và bản sắc này, một khao khát đã được phát biểu muốn có một Giáo hội có tính đồng nghị hơn trong hiến pháp của mình, và vì là một Tông Hiến, nó xác nhận rằng có thể cải tổ và tái dựng cơ cấu giáo hội để đặt Giáo Hội vào thế phục vụ ngày càng gần gũi hơn với những gì thời điểm hiện tại đòi hỏi, và do đó, chuyển từ chính sách bảo tồn sang chính sách hoán cải mục vụ và xã hội sinh thái cấp bách hướng tới chính sách đồng nghị. Đây là các hoán cải triệt để, hay đúng hơn, các hoán cải tận gốc và lâu bền.

Ở bình diện này, có một sự căng thẳng rõ ràng với một số khía cạnh của Bộ Giáo luật, mặc dù không quá đáng khi nói rằng đây là một bộ pháp lý có thể thay đổi trong Giáo hội của chúng ta để đáp ứng Thần Khí sâu sắc nhất của mạc khải Thiên Chúa, chứ không phải là một ngôn từ bất di bất dịch được khắc vào đá, ngược với lời kêu gọi của Đức Giáo Hoàng Phanxicô phải có sự đồng nghị lớn hơn như đã được phát biểu trong Tông Hiến *Episcopalis Communio*.

Chúng ta hãy cầu xin Thiên Chúa sự sống để chúng ta, với những cố gắng đức tin và khả năng tốt nhất biết đọc các dấu chỉ thời đại, để trong khoảnh khắc “đồng nghị” này, với lãnh thổ Amazon và người dân bản địa và các cộng đồng đa dạng của nó như khuôn mặt của Nhập thể, và trong mâu nhiệm đa dạng sinh học to lớn của nó như nói lên khuôn mặt của Thiên Chúa, chúng ta có thể biến đổi chính mình, chọn sự sống, và vinh danh nó. Chúng ta hãy cởi dép ra và đối đầu với các dấu hiệu hủy diệt nghiêm trọng đang đè nặng lên không gian linh thánh này, nơi những khuôn mặt đa dạng của Chúa Kitô nhập thể vẫn còn đang bị đóng đinh.

Chúng ta hãy hy vọng rằng chúng ta sẽ được phép đạt tới các cải cách cần thiết. Chúng ta cũng cầu xin cho được sự biện phân tế vi và rõ ràng, để có thể vượt qua các quan điểm phân tán hoặc chủ nghĩa cực đoan với các thái cực của chủ nghĩa bảo thủ chuyên bác bỏ việc thay đổi bất cứ điều gì, và những người tìm cách tự phục vụ mình và các thay đổi chỉ nhằm để đả với chính họ mà thiếu bản sắc giáo hội.

Chớ chi chúng ta biết cách gieo các hạt giống hóm cái giữa khoảnh khắc Hoàng Thời này, và có khả năng đáp ứng một cách tiên tri, bằng sức mạnh của Giáo hội tử đạo Amazon, trước cuộc khủng hoảng môi trường và xã hội nghiêm trọng này, vì tình thế không còn chịu đựng thêm nữa.

Tôi xin kết thúc suy tư này bằng một trích dẫn từ tông huấn *Episcopalis communio* giúp chúng ta hy vọng và chuẩn bị sức mạnh cho khía cạnh quan trọng nhất của Thượng hội đồng, đó là, giai đoạn thực thi sau Thượng hội đồng trong đó chúng ta có thể biện phân và nhận được sức mạnh từ 3 căng thẳng được nêu ra ở đây:

- KÍCH CỠ: giữa tính lãnh thổ và tính phổ quát.

- TÍNH THỜI GIAN - THỜI: giữa Hoàng Thời (kairos) của “những nẻo đường mới cho Giáo hội” và thời gian trôi qua (cronos) của việc khẩn cấp phải ứng phó với cuộc khủng hoảng xã hội môi trường nhờ một nền sinh thái toàn diện.

- Và, đối với việc CẢI CÁCH ĐANG TIẾN HÀNH: giữa tính trung tâm và tính đồng nghị.

*Và cuối cùng, việc cử hành Phiên Họp Thượng hội đồng phải được tiếp theo bằng giai đoạn thực thi (...) Điều cần là phải nắm rõ ràng rằng «các nền văn hóa rất khác biệt với nhau và bất cứ nguyên tắc chung nào (...) cũng cần được hội nhập văn hóa nếu nó muốn được tuân giữ và áp dụng» [31]. Nhờ cách này, người ta có thể thấy tiến trình đồng nghị đã có khởi điểm và đỉnh cao của nó trong dân Chúa, mà trên đó, các ơn Chúa Thánh Thần sẽ tuôn đổ suốt trong cuộc họp của các Mục tử.*

*Kỳ tới: Đón đọc nguyên văn Tài Liệu Làm Việc của Thượng Hội Đồng Amazon*

#### **4. Tài liệu Làm việc của Thượng Hội Đồng Toàn Vùng Amazon**

Vũ Văn An, 11/Jul/2019

**TÀI LIỆU LÀM VIỆC  
VÙNG AMAZON: CÁC NẸO ĐƯỜNG MỚI CHO GIÁO HỘI VÀ NỀN SINH THÁI TOÀN DIỆN**

**THƯỢNG HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC  
PHIÊN ĐẶC BIỆT DÀNH CHO VÙNG TOÀN AMAZON**

**Các chữ viết**

**tắt**

AG	Sắc lệnh Ad Gentes, Vatican Council II, 1965.
AL	Tông huấn Hậu Thượng Hội Đồng Amoris Laetitia, Francis, 016.
CIMI	Hội đồng Truyền Giáo Bản địa, Hội Đồng Giám Mục Ba Tây
CNBB	Hội Đồng Giám Mục Ba Tây
CV	Thông điệp Caritas in Veritate, Benedict XVI, 2009.
DAp.	Tài liệu của Hội Nghị Toàn thể Thứ V của Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ Latinh và Vùng Caribbean (CELAM), Aparecida, Brazil, 2007.
DM	Tài liệu Hội Nghị Toàn Thể thứ II của CELAM, Medellín, Colombia, 1968.
Doc. Bolivia	Tài liệu Bolivia: Informe país: consulta pre-sinodal, Bolivia 2019.
Doc. Eje de Fronteras	Tài liệu Eje de Fronteras, Preparação ao Sinodo para a Amazônia. Tabatinga, Brasil, 11 a 13 de fevereiro de 2019
Doc. Manaus	Documento da Assembleia dos Regionais Norte 1 e 2 da CNBB, “A Igreja e faz carne e arma sua tenda na Amazônia”, Manaus, 1997, en: CONFERÊNCIA NACIONAL DOS BISPOS DO BRASIL, Desafio missionário, Documentos da Igreja na Amazônia, Coletânea, Ed. CNBB, Brasília, 2014, 67-84.
Doc. Preparatorio.	Tài liệu Chuẩn bị cho Thượng Hội Đồng về Vùng Amazon: Những nẻo đường mới cho Giáo Hội và Nền Dinh thái Toàn diện, Văn phòng Tổng thư ký Thượng Hội Đồng giám mục, 2018.
Doc. Venezuela	Tài liệu Venezuela. CEV. Respuestas asambleas (2019).
DP	Tài liệu của Hội Nghị Toàn thể Thứ III của Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ Latinh và Vùng Caribbean (CELAM), Puebla, Mexico, 1979.
DSD	Tài liệu của Hội Nghị Toàn thể Thứ IV của Hội Đồng Giám Mục Châu Mỹ Latinh và Vùng Caribbean (CELAM), Santo Domingo, Dominican Republic, 1992.
DV	Hiến chế Tín lý Dei Verbum, Vatican Council II, 1965.
EC	Tông hiến Episcopalis Communio, Francis, 2018.
EG	Tông huấn Evangelii Gaudium, Francis, 2013.

Fr.PM	Đức Phanxicô, Diễn văn với “Cuộc Gặp gỡ của Người vùng Amazon”, Coliseo Regional Madre de Dios (Puerto Maldonado), 19 tháng Giêng 2018.
IBGE	Viện Địa dư và Thống kê Ba Tây
LS	Thông điệp Laudato Si’, Francis, 2015.
NMI	Tông thư Novo Millennio Ineunte, John Paul II, 2001.
OA	Tông thư Octogesima Adveniens, Paul VI, 1971.
PIAV	Các Dân tộc Bản địa Tự nguyện Cô lập
RM	Thông điệp Redemptoris Missio, John Paul II, 1990.
RP	Tông huấn Hậu Thượng Hội Đồng Reconciliatio et Paenitentia, John Paul II, 1984.
SC	Hiến chế Sacrosanctum Concilium, Vatican Council II, 1963.
Sint. REPAM	AA.VV., “Sistematización de aportes esenciales desde las voces de los actores territoriales”, en: REPAM, Amazonía: Nuevos Caminos para la Iglesia y para la Ecología Integral. Síntesis general de la Red Eclesial Panamazónica – REPAM – Asambleas Territoriales, Foros Temáticos, Contribuciones especiales y escuchas sobre el Sínodo, Secretaría Ejecutiva de la REPAM, Quito, 2019.
SRS	Thông điệp Sollicitudo Rei Socialis, John Paul II, 1987.
VG	Tông hiến Veritatis Gaudium, Francis, 2017.

# INSTRUMENTUM



## Dẫn Nhập

Thượng Hội Đồng Giám mục ngày càng trở thành một dụng cụ ưu tiên để lắng nghe dân Chúa: ‘Cho các Nghị phụ Thượng Hội Đồng, trước hết, chúng ta xin Chúa Thánh Thần ban ơn biết lắng nghe: lắng nghe Thiên Chúa, để cùng với Người chúng ta có thể nghe thấy tiếng kêu than của người ta; lắng nghe người ta cho đến khi hít được lòng khao khát mà Thiên Chúa kêu gọi chúng ta tới’ (EC 6)

1. Ngày 15 tháng 10 năm 2017, Đức Giáo Hoàng Phanxicô công bố việc triệu tập Thượng Hội Đồng Đặc biệt cho vùng Amazon, khởi diễn một diễn trình lắng nghe của Thượng Hội Đồng bắt đầu tại Vùng Amazon với cuộc viếng thăm của ngài tại Puerto Maldonado (19/01/2018). Tài liệu Làm việc này là thành quả của một diễn trình dài bao gồm việc soạn thảo Tài liệu chuẩn bị cho Thượng Hội Đồng vào tháng 6 năm 2018; và một cuộc thăm dò sâu rộng các cộng đồng Amazon [1].

2. Ngày nay, Giáo hội lại có cơ hội trở thành người lắng nghe, và đặc biệt tại khu vực này, nơi có rất nhiều điều đang gặp khó khăn. Lắng nghe ngụ ý nhìn nhận sự xuất hiện đầy cảm kích của Amazon như một chủ thể mới. Vì nhận được sự xem xét chưa đầy đủ trong bối cảnh quốc gia hoặc thế giới hoặc trong đời sống Giáo hội, chủ thể mới này hiện là một người đối thoại ưu tiên.

3. Nhưng lắng nghe không phải là chuyện dễ. Một mặt, việc tổng hợp các câu trả lời cho bản câu hỏi của các Hội đồng Giám mục và cộng đồng vẫn luôn có tính tạm thời và không đầy đủ. Mặt khác, sự cấp thiết phải xác nhận các nội dung và đề nghị phải được dung hòa bởi một diễn trình hoán cải sinh thái và mục vụ cho phép nó được thách thức nghiêm túc bởi các khu ngoại vi về địa dư và hiện sinh (xem EG 20). Và diễn trình này phải tiếp tục trong và sau Thượng Hội Đồng như một yếu tố chính của đời sống tương lai của Giáo hội. Amazon đang kêu nài một đáp ứng cụ thể và có tính hòa giải.

4. Tài liệu Làm việc bao gồm ba phần. Phần đầu tiên liên quan đến việc nhìn - nghe và có tựa đề là “Tiếng nói Amazon”; mục đích của nó là trình bày thực tại lãnh thổ và các dân tộc của nó. Phần thứ hai, “Sinh thái toàn diện”: tiếng kêu than của trái đất và của người nghèo”, nêu ra các vấn đề sinh thái và mục vụ, trong khi phần thứ ba, “Một Giáo hội Tiên tri ở Amazon: các thách thức và hy vọng”, được dành cho các vấn đề giáo hội học và mục vụ.

5. Do đó, một Giáo hội được mời gọi ngày một có tính đồng nghị hơn bắt đầu bằng cách lắng nghe các dân tộc và trái đất nhờ việc tiếp xúc với thực tại phong phú của một Amazon đầy sức sống và khôn ngoan nhưng cũng đầy tương phản. Nó tiếp tục với tiếng kêu được kích thích bởi các hoạt động phá rừng và khai khoáng có tính phá hoại và đòi phải có một sự hoán cải sinh thái toàn diện. Và nó kết thúc bằng cuộc gặp gỡ với các nền văn hóa biết linh hứng cho những nẻo đường, thách thức và hy vọng mới của một Giáo hội, khi chủ trương hoán cải mục vụ, ước muốn trở thành người Samaria nhân hậu và có tính tiên tri. Theo đề nghị của Mạng lưới Giáo hội Toàn-Amazon (REPAM), tài liệu này được cấu trúc trên cơ sở ba hoán cải mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô mời gọi chúng ta thực hiện: hoán cải mục vụ mà ngài gọi chúng ta trong Tông huấn *Evangelii Gaudium* (xem - nghe); hoán cải sinh thái mà Thông điệp *Laudato si'* thúc giục, thiết lập ra lộ trình (phán đoán - hành động); và hoán cải sang tính đồng nghị Giáo Hội được chi tiết hóa trong Tông hiến *Episcopalis Communio*, 1 tông hiến hướng dẫn việc cùng nhau bước đi (phán đoán - hành động). Tất cả những điều này diễn ra trong một diễn trình năng động lắng nghe và biện phân những nẻo đường mới, theo đó, Giáo hội tại Amazon sẽ công bố Tin mừng của Chúa Giêsu Kitô trong những năm tới.

## PHẦN I. TIẾNG NÓI AMAZON

*“Thật là tốt đẹp khi, giờ đây, chính các bạn là những người tự xác định chính mình và cho chúng tôi thấy bản sắc của các bạn. Chúng tôi cần lắng nghe các bạn” (Fr.PM)*





6. Truyền giảng Tin Mừng tại Châu Mỹ Latinh là một hồng ân Chúa Quan Phòng kêu gọi mọi người tới với sự cứu rỗi trong Chúa Kitô. Bất chấp việc thuộc địa hóa về quân sự, chính trị và văn hóa, và vượt quá tham vọng và lòng tham của những người thực dân, có nhiều nhà truyền giáo đã hy sinh mạng sống của mình để truyền bá Tin Mừng. Sự nhạy cảm truyền giáo này không chỉ linh hứng cho việc hình thành ra các cộng đồng Kitô hữu, mà cả việc ban hành luật lệ như các Đạo Luật của Vùng Indies nhằm bảo vệ phẩm giá các dân tộc bản địa chống lại sự lạm dụng dân số và lãnh thổ của họ. Những sự lạm dụng như vậy đã làm tổn thương cộng đồng và làm lu mờ thông điệp của Tin mừng; Chúa Kitô thường bị công bố đồng lõa với các thế lực khai thác tài nguyên và đàn áp dân chúng.

7. Ngày nay, để thực thi vai trò tiên tri của mình một cách trong sáng, Giáo hội có cơ hội lịch sử để tự làm cho mình khác biệt rõ ràng với các thế lực thực dân mới bằng cách lắng nghe các dân tộc Amazon. Cuộc khủng hoảng xã hội môi trường hiện nay mở ra những cơ hội mới để trình bày Chúa Kitô trong mọi quyền năng giải phóng và nhân bản hóa của Người. Chương đầu tiên này được cấu trúc quanh bốn khái niệm chủ chốt liên quan chặt chẽ với nhau: sự sống, lãnh thổ, thời gian và đối thoại, trong đó, Giáo hội nhập thể với một khuôn mặt Amazon và truyền giáo.

### **Chương I: Sự sống**

*“Tôi đến để chúng được sống và sống dồi dào” (Ga 10:10)*

*Amazon, nguồn sự sống*

8. Thượng Hội Đồng này xoay quanh sự sống: sự sống của lãnh thổ Amazon và của các dân

tộc của nó, sự sống của Giáo hội, sự sống của hành tinh. Như được phản ánh trong các cuộc tham khảo với các cộng đồng Amazon, sự sống ở Amazon được đồng hóa, trong số những thứ khác, với nước. Sông Amazon giống như một động mạch của lục địa và thế giới, nó chảy như những mạch máu cung cấp cho hệ thực vật và động vật của lãnh thổ, giống như một dòng suối cho các dân tộc, các nền văn hóa và những biểu thức linh đạo của nó. Như trong Vườn Địa Đàng (St 2: 6), nước là nguồn sự sống, nhưng cũng là mối liên hệ giữa các biểu hiện khác nhau của sự sống, trong đó mọi thứ đều được nối kết (xem LS, 16, 91, 117, 138, 240). “Dòng sông không phân cách chúng ta, nó hợp nhất chúng ta, nó giúp chúng ta cùng tồn tại giữa các nền văn hóa và ngôn ngữ khác nhau” (2).

9. Lưu vực sông Amazon và các khu rừng nhiệt đới bao quanh nuôi dưỡng đất đai và điều hòa các chu trình nước, năng lượng và thán khí ở cấp độ hành tinh, nhờ việc tái chế biến độ ẩm. Chỉ riêng sông Amazon đã chuyển 15% tổng lượng nước ngọt của hành tinh mỗi năm vào Đại Tây Dương [3]. Amazon rất cần thiết cho việc phân phối lượng nước mưa ở các khu vực xa xôi khác của Nam Mỹ và góp phần vào sự chuyển động lớn của không khí quanh khắp hành tinh. Hơn nữa, nó nuôi dưỡng thiên nhiên, sự sống và văn hóa của hàng ngàn cộng đồng bản địa, nông dân, hậu duệ da đen (afro-descendant), sông hồ và đô thị. Nhưng cần lưu ý rằng theo các chuyên gia quốc tế, Amazon là khu vực dễ bị tổn thương thứ hai của hành tinh, sau Bắc Cực, nếu nói đến sự thay đổi khí hậu do con người gây ra.

10. Lãnh thổ Amazon bao gồm một phần của Ba Tây, Bolivia, Peru, Ecuador, Colombia, Venezuela, Guyana, Suriname và French Guiana. Nó có tổng cộng 7.8 triệu kilô mét vuông ở trung tâm Nam Mỹ. Các khu rừng Amazon có diện tích khoảng 5.3 triệu kilô mét vuông, chiếm 40% diện tích rừng nhiệt đới hoàn cầu. Đây chỉ là 3.6% diện tích đất của trái đất, chiếm khoảng 149 triệu kilô mét vuông, tương đương khoảng 30% bề mặt hành tinh của chúng ta. Lãnh thổ Amazon chứa một trong những sinh quyển (biospheres) giàu nhất và phức tạp nhất về địa chất trên hành tinh. Sự phong phú tự nhiên của nó về nước, sức nóng và độ ẩm có nghĩa là hệ sinh thái của Amazon làm chủ khoảng 10% đến 15% sự đa dạng sinh học của mặt đất và lưu trữ từ 150 đến 200 tỷ tấn thán khí mỗi năm.

### *Sự sống dồi dào*

11. Chúa Giêsu ban sự sống viên mãn (x. Ga 10,10), một sự sống tràn đầy Thiên Chúa, một sự sống cứu rỗi (zōē), bắt đầu với sáng thế và tự biểu lộ ngay từ đầu trong chiều kích căn bản nhất của sự sống (bios). Ở Amazon, nó được phản ánh trong sự đa dạng sinh học và văn hóa phong phú của nó. Điều này có nghĩa, một sự sống trọn vẹn và toàn diện, một sự sống ca hát, một bài hát mừng sự sống, giống như những bài ca ngợi dòng sông. Đó là một sự sống nhảy múa và đại diện cho thiên tính và mối liên hệ của chúng ta với thần tính này. “Như các giám mục khẳng định tại Aparecida, việc phục vụ mục vụ của chúng ta là một việc phục vụ “sự sống viên mãn của các dân tộc bản địa [1 điều] đòi phải công bố Chúa Giêsu Kitô và Tin mừng của Nước Thiên Chúa, tố cáo các tình huống tội lỗi, các cơ cấu của chết chóc, bạo lực, và các bất công bên trong và bên ngoài, và cổ vũ đối thoại liên văn hóa, liên tôn giáo và đại kết (Dap 95). Việc công bố và tố cáo như vậy được chúng ta biện phân dưới ánh sáng của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Hằng Sống (Kh 1:18), “sự viên mãn của mọi mặt khía” (DV 2).

### *“Sống tốt” (buen vivir)*

12. Việc các dân tộc bản địa Amazon tìm kiếm sự sống dồi dào được phát biểu trong điều họ gọi là “sống tốt” (buen vivir) [4]. Tức là sống “hài hòa với bản thân, với thiên nhiên, với những con người nhân bản và với đấng tối cao, vì có sự thông đạt qua lại giữa toàn bộ vũ trụ,

nơi không có người loại trừ hay người bị loại trừ, và giữa mọi người chúng ta, chúng ta có thể khuôn đúc một dự án sống viên mãn” (5).

13. Một cái hiểu như vậy về sự sống có đặc trưng ở tính nối kết và hài hòa các mối liên hệ giữa nước, lãnh thổ và thiên nhiên, đời sống cộng đồng và văn hóa, Thiên Chúa và các lực lượng tâm linh khác nhau. “Sống tốt” nghĩa là hiểu được tính trung tâm của đặc tính tương quan - siêu việt của con người nhân bản và của sáng thế, và bao gồm việc “làm tốt” hay các hành động tốt. Các chiều kích vật chất và tinh thần không thể bị ngắt kết. Cách thức toàn diện này tự phát biểu ra trong việc tự tổ chức cách khác biệt, bắt đầu từ gia đình và cộng đồng, và chấp nhận việc sử dụng có trách nhiệm mọi của cải của sáng thế. Một số người nói đến việc bước tới “vùng đất không có sự ác”, hoặc đi tìm “ngọn đồi linh thánh”, những hình ảnh phản ánh các chuyển dịch cộng đồng và khái niệm hiện hữu của họ.

#### *Sự sống bị đe dọa*

14. Nhưng sự sống ở Amazon đang bị đe dọa bởi sự hủy hoại và khai thác môi trường và bởi sự vi phạm có hệ thống các nhân quyền căn bản của người Amazon. Cách riêng, việc vi phạm các quyền của các dân tộc bản địa, như quyền lãnh thổ, quyền tự quyết, quyền phân định lãnh thổ, được tham khảo và đồng ý trước. Theo các cộng đồng tham gia vào việc lắng nghe có tính đồng nghị này, mối đe dọa đối với sự sống xuất phát từ lợi ích kinh tế và chính trị của các nhóm thống trị trong xã hội ngày nay, đặc biệt là các công ty khai khoáng tài nguyên, thường có sự thông đồng hoặc được dung túng bởi chính quyền địa phương và quốc gia cũng như các nhà lãnh đạo bản địa truyền thống. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô khẳng định, những người theo đuổi những lợi ích như vậy dường như đã bị ngắt kết hoặc thờ ơ trước các tiếng kêu than của người nghèo và của trái đất (x. LS 49, 91).

15. Nhiều cuộc tham khảo được tổ chức khắp Amazon cho thấy các cộng đồng cho rằng sự sống ở Amazon bị đe dọa đặc biệt bởi: (a) kết tội và ám sát các nhà lãnh đạo và người bảo vệ lãnh thổ; (b) chiếm đoạt và tư nhân hóa các của cải tự nhiên, chẳng hạn như nước; (c) cả nhượng bộ khai thác gỗ hợp pháp và khai thác gỗ bất hợp pháp; (d) săn bắn và câu cá có tính trộm cắp, chủ yếu ở các dòng sông; (e) các siêu dự án: các nhượng quyền thủy điện và rừng, khai thác gỗ để sản xuất độc canh, xây dựng đường bộ và đường sắt, hoặc các dự án khai thác và dầu khí; (f) ô nhiễm do toàn bộ ngành công nghiệp khai khoáng gây ra, tạo nên nhiều vấn đề và bệnh tật, nhất là nơi trẻ em và thanh thiếu niên; (g) buôn bán ma túy; (h) các vấn đề xã hội do đó mà ra liên quan đến các mối đe dọa như nghiện rượu, bạo lực chống phụ nữ, mại dâm, buôn người, mất văn hóa và bản sắc gốc (ngôn ngữ, các thực hành và phong tục tâm linh), và mọi điều kiện nghèo đói mà người dân Amazon bị kết án (xem Fr.PM).

16. Hiện nay, biến đổi khí hậu và việc gia tăng sự can thiệp của con người (phá rừng, hỏa hoạn và thay đổi sử dụng đất) đang đẩy Amazon đến một điểm không thể quay trở lại, với tỷ lệ mất rừng cao, dân số bị buộc phải di dời và ô nhiễm. Chúng đang đặt các hệ sinh thái của nó vào nguy cơ và gây áp lực lên các nền văn hóa địa phương. Mức 4 độ bách phân của việc nóng lên hoặc 40% nạn phá rừng là “những điểm quá độ” (tipping points) của quần thể sinh vật Amazon theo hướng sa mạc hóa, nghĩa là một quá độ sang trạng thái sinh học mới thường là không thể đảo ngược. Và quả là điều đáng lo ngại khi nạn phá rừng hiện nay đã đạt tới từ 15 đến 20%.

#### *Bảo vệ sự sống, đối đầu với bóc lột*

17. Các cộng đồng được tham khảo ý kiến cũng nhấn mạnh mối liên hệ giữa sự đe dọa đối

với sự sống sinh học và sự sống tinh thần, nghĩa là mối đe dọa toàn diện tổng thể. Sự phá hủy nhiều mặt lưu vực sông Amazon tạo ra sự mất cân bằng: mất cân bằng về lãnh thổ địa phương và hoàn cầu, mất cân bằng trong các mùa, mất cân bằng về khí hậu. Một trong những điều bị điều này ảnh hưởng là năng động lực sinh sản và tái sinh động vật và thực vật, gây khốn khổ cho mọi cộng đồng Amazon. Ví dụ, việc phá hủy và ô nhiễm thiên nhiên ảnh hưởng đến sản xuất, tiếp cận và phẩm chất thực phẩm. Vì vậy, việc chăm sóc có trách nhiệm đối với sự sống và “sống tốt” gắn liền với việc khẩn trương đối đầu với các mối đe dọa, xâm lược và thờ ơ trong lĩnh vực này. Việc chăm sóc sự sống trái ngược với nền văn hóa vứt bỏ, với nền văn hóa bóc lột, áp bức và dối trá. Đồng thời, điều này có nghĩa là chống lại viễn kiến vô độ phải gia tăng không giới hạn, thờ ngẫu thần tiền bạc, một thế giới bị cắt rời khỏi cội nguồn và môi trường của nó, một nền văn hóa chết chóc. Nói tóm lại, việc bảo vệ sự sống ngụ ý bảo vệ lãnh thổ và các tài nguyên hoặc của cải tự nhiên của nó; nó cũng ngụ ý bảo vệ sự sống và nền văn hóa của các dân tộc của nó, củng cố các tổ chức của họ, khả năng thực thi đầy đủ các quyền của họ và khả thể được lắng nghe. Theo lời của chính người dân bản địa: “Chúng tôi, người bản địa Guaviare (Colombia), là một phần của thiên nhiên bởi vì chúng tôi là nước, không khí, trái đất và sự sống của môi trường do Thiên Chúa tạo dựng. Do đó, chúng tôi yêu cầu chấm dứt việc ngược đãi và hủy diệt ‘Mẹ Trái đất’. Trái đất có máu và đang chảy máu, các công ty đa quốc gia đã cắt đứt các tĩnh mạch của ‘Mẹ Trái đất’ của chúng tôi. Chúng tôi muốn tiếng khóc bản địa của chúng tôi được cả thế giới lắng nghe” (6).

### *Khóc cho sự sống*

18. Sự xâm lược và các mối đe dọa chống lại sự sống tạo ra các tiếng kêu khóc, cả từ người dân lẫn từ trái đất. Bắt đầu từ tiếng kêu khóc này như một chủ đề thần học (một nguồn cứ liệu [locus] để suy nghĩ về đức tin), người ta có thể khởi xướng các nẻo đường hoán cải, hiệp thông và đối thoại, những nẻo đường của Chúa Thánh Thần, của sự dòi dào và “sống tốt”. Hình ảnh sự sống và “sống tốt” như “cách lên đồi linh thánh”, ngụ ý hiệp thông với những người cùng hành hương và với thiên nhiên nói chung, nghĩa là một con đường hòa nhập với sự dòi dào sự sống, với lịch sử và với tương lai. Những nẻo đường mới này là điều cần thiết vì, từ góc độ mục vụ, khoảng cách địa dư lớn lao và sự đa dạng văn hóa phong phú của Amazon vẫn chưa được đề cập về phương diện mục vụ. Các nẻo đường mới đặt căn bản “trên các mối liên hệ liên văn hóa trong đó, sự đa dạng không có nghĩa đe dọa và không biện minh cho các phẩm trật quyền lực của một số người đối với những người khác, mà là đối thoại từ các viễn kiến văn hóa khác nhau, các cử hành, mối liên hệ qua lại và sự hồi sinh hy vọng” (DAp 97).

## **Chương II: Lãnh thổ**

*“Hãy cởi đôi dép của ngươi ra khỏi đôi chân của Ngươi, vì nơi ngươi bước lên là nơi thánh thiêng (Xh 3: 5)*

### *Lãnh thổ, sự sống và mặc khải Thiên Chúa*

19. Tại Amazon, sự sống được lòng, liên kết và tích hợp vào lãnh thổ. Không gian vật chất quan yếu và nuôi dưỡng này cung cấp khả thể, duy trì và giới hạn sự sống. Hơn nữa, chúng ta có thể nói rằng Amazon - hoặc một lãnh thổ hoặc cộng đồng bản địa khác - không chỉ là một *ubi* hoặc một nơi (một không gian địa dư), mà còn là một *quid* hay một điều gì đó, một nơi có ý nghĩa đối với đức tin hoặc kinh nghiệm về Thiên Chúa trong lịch sử. Do đó, lãnh thổ là một cứ liệu thần học nơi đức tin được sống, và cũng là một nguồn mặc khải đặc biệt của Thiên Chúa: những nơi hiển dung (epiphany) trong đó, dự trữ sự sống và sự khôn ngoan dành cho

hành tinh này được biểu lộ, một sự sống và sự khôn ngoan nói về Thiên Chúa. Ở Amazon, “những cái vuốt ve của Thiên Chúa” trở thành hiển hiện và nhập thể vào lịch sử (x. LS 84, “Đất, nước, núi non: mọi thứ đều như thể một sự vuốt ve của Thiên Chúa).

### *Một lãnh thổ trong đó mọi sự được nối kết*

20. Một cái nhìn chiêm niệm, chăm chú và tôn kính vào anh chị em của mình, và cả thiên nhiên nữa - anh cây, chị hoa, chị em chim, anh em cá, và thậm chí cả những chị em nhỏ nhất như kiến, ấu trùng, nấm hoặc côn trùng ( xem LS 233) - cho phép các cộng đồng Amazon khám phá ra mọi sự được nối kết với nhau ra sao, trân quý từng sinh vật, thấy màu nhiệm vẻ đẹp của Thiên Chúa được mặc khải trong chúng (xem LS 84, 88) và sống với nhau một cách thân thiện.

21. Không có phần nào của lãnh thổ Amazon có thể tự mình tồn tại. Các bộ phận không những liên hệ với nhau ở bên ngoài, đúng hơn, chúng là các chiều kích từ cơ cấu, vốn hiện hữu trong tương quan, tạo thành một tổng thể quan yếu. Do đó, lãnh thổ Amazon cung cấp một giáo lý quan yếu để ta hiểu một cách toàn diện các tương quan của chúng ta với những người khác, với thiên nhiên và với Thiên Chúa, như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã từng nói (xem LS 66).

### *Vẻ đẹp và mối đe dọa đối với lãnh thổ*

22. Khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của lãnh thổ Amazon, chúng ta khám phá ra một kiệt tác sáng tạo của Thiên Chúa Sự Sống. Các chân trời vô tận với vẻ đẹp vô biên là một bài ca, một bài thánh ca dâng lên Đấng Tạo Hóa. “Lạy Chúa là Thiên Chúa con thờ, Chúa muôn trùng cao cả! Áo Ngài mặc : toàn oai phong lẫm liệt, cẩm bào Ngài khoác : muôn vạn ánh hào quang” (Tv 104 (3): 1-2). Biểu thức muôn màu của sự sống là một bức tranh ghép của Thiên Chúa, Đấng ban cho chúng ta một “đi sản nhưng không mà chúng ta nhận được để bảo vệ, như một không gian quý giá dành cho cuộc sống chung của con người” và trách nhiệm chung “đối với lợi ích của mọi người” (DAp. 471). Lời mời gọi của Đức Giáo Hoàng Phanxicô tại Puerto Maldonado để bảo vệ khu vực bị đe dọa này, để bảo tồn và khôi phục nó vì lợi ích của mọi người, đem lại cho chúng ta niềm hy vọng vào khả năng của mình để xây dựng lợi ích chung và ngôi nhà chung của chúng ta.

23. Ngày nay, Amazon đang bị thương, vẻ đẹp của nó bị biến dạng, một nơi đau đớn và bạo lực, như các báo cáo của các Giáo hội địa phương đã chỉ ra một cách hùng hồn: “Rừng hoang không phải là một tài nguyên để khai thác, nó là một hữu thể hoặc nhiều hữu thể khác nhau để ta có tương quan với” [7]. “Chúng ta bị tổn thương bởi việc hủy hoại thiên nhiên, hủy hoại rừng nhiệt đới, sự sống, con cái chúng ta và các thế hệ tương lai” [8]. Sự hủy hoại đa dạng sự sống con người và môi trường, các bệnh tật và ô nhiễm sông ngòi và đất đai, đốn và đốt cây, mất đa dạng sinh học một cách ồ ạt, nhiều loài diệt chủng (hơn một triệu trong số tám triệu động vật và thực vật đang gặp nguy cơ) [9], tạo thành một thực tại tàn bạo thách thức mọi người chúng ta.

Bạo lực, hỗn loạn và tham nhũng tràn lan. Lãnh thổ đã trở thành một không gian bất hòa và hủy diệt các dân tộc, văn hóa và các thế hệ. Những người bị buộc phải rời khỏi đất đai của họ thường rơi vào bẫy của *mafias*, buôn bán ma túy và buôn người (chủ yếu là phụ nữ), lao động trẻ em và mãi dâm trẻ em [10]. Thực tại bi thảm và phức tạp này nằm bên ngoài giới hạn của luật pháp và nhân quyền. Tiếng khóc than đau đớn của Amazon vang vọng lại tiếng khóc than của dân bị làm nô lệ ở Ai Cập, những người không bị Thiên Chúa bỏ rơi: “Ta đã thấy rõ

cảnh khổ cực của dân Ta bên Aicập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết các nỗi đau khổ của chúng. Ta xuống giải thoát chúng khỏi tay người Ai-cập” (Xh 3: 7-8).

### *Lãnh thổ của hy vọng và “sống tốt”*

24. Amazon là nơi có khả thể “sống tốt”, và hứa hẹn cùng hy vọng có những nẻo đường mới cho sự sống. Sự sống ở Amazon được hòa nhập và hợp nhất với lãnh thổ; không có sự phân tách hoặc phân chia giữa các bộ phận. Sự hợp nhất này bao gồm trọn hiện sinh: việc làm, nghỉ ngơi, các liên hệ nhân bản, các nghi thức và cử hành. Mọi sự đều được chia sẻ; không gian tư riêng, rất đặc trưng của thời hiện đại, là điều tối thiểu. Sự sống diễn tiến trên nẻo đường cộng đồng nơi các nhiệm vụ và trách nhiệm được phân phối và chia sẻ vì lợi ích chung. Không có chỗ cho ý niệm cá nhân tách rời khỏi cộng đồng hoặc lãnh thổ của nó.

25. Cuộc sống của các cộng đồng Amazon chưa bị ảnh hưởng bởi nền văn minh phương Tây được phản ánh trong các niềm tin và nghi thức liên quan đến các hành động của các thần linh, của 1 thần tính được đặt bằng nhiều tên gọi khác nhau hành động với và trong lãnh thổ, với và trong tương quan với thiên nhiên. Thế giới quan này được nắm bắt trong ‘câu thần chú’ của Đức Phanxicô: “mọi sự được nối kết với nhau” (LS 16, 91, 117, 138, 240).

26. Sự hòa nhập của sáng thế, của sự sống được coi như một tổng thể bao trùm trọn hiện sinh, là nền tảng của nền văn hóa truyền thống được truyền từ thế hệ này sang thế hệ nọ qua việc lắng nghe túi khôn của tổ tiên - một kho dự trữ sống động của nền linh đạo và văn hóa bản địa. Sự khôn ngoan này linh hứng cho việc quan tâm và tôn trọng sáng thế, vì ý thức rõ ràng được các giới hạn của nó và ngăn cấm việc lạm dụng nó. Lạm dụng thiên nhiên là lạm dụng tổ tiên, anh chị em mình, sáng thế và Đấng Tạo hóa. Lạm dụng tất cả những điều này là thể chấp tương lai.

27. Vũ trụ quan của Amazon và thế giới quan Kitô giáo đều đang gặp khủng hoảng do việc áp đặt chủ nghĩa trọng thương, thế tục hóa, nền văn hóa vứt bỏ và việc thờ ngẫu thần tiền bạc (x. EG 54-55). Cuộc khủng hoảng này đặc biệt ảnh hưởng đến những người trẻ và bối cảnh đô thị vốn đánh mất gốc rễ vững chắc của truyền thống họ.

### **Chương III: Hoàng thời (Kairós)**

*“Ta đã nhậm lời người vào thời Ta thi ân” (Is 49: 8; 2 Cr 6: 2)*

#### *Thời ân sủng*

28. Amazon đang sống một thời ân sủng, một *kairós* (hoàng thời). Thượng Hội Đồng Amazon là một dấu chỉ thời đại khi Chúa Thánh Thần mở ra những nẻo đường mới mà chúng ta biện phân được nhờ một cuộc đối thoại hỗ tương giữa toàn thể Dân Thiên Chúa. Cuộc đối thoại đã bắt đầu một thời gian trước đây, từ những người nghèo nhất, bắt đầu từ dưới đi lên, vì giả thiết rằng, “mọi diễn trình xây dựng đều chậm và khó khăn. Nó bao gồm thử thách phá vỡ không gian và cởi mở chính mình để làm việc với nhau, sống nền văn hóa gặp gỡ, [...] xây dựng một giáo hội chị em (11).

29. Các dân tộc nguyên thủy của Amazon có nhiều điều để dạy chúng ta. Chúng ta nhìn nhận rằng trong hàng ngàn năm, họ đã chăm sóc đất đai, nước và rừng của họ và đã cố gắng bảo tồn chúng cho đến ngày hôm nay để nhân loại có thể hưởng lợi trong việc thưởng thức những

hồng phúc nhưng không trong sáng thể của Thiên Chúa. Các nẻo đường truyền giảng Tin Mừng mới phải được xây dựng trong cuộc đối thoại với sự khôn ngoan của tổ tiên, trong đó những hạt giống của Lời Chúa trở nên hiển hiện.



#### *Một thời để hội nhập văn hóa và tinh liên văn hóa*

30. Giáo hội tại Amazon đã đánh dấu sự hiện diện của nó trong khu vực bằng những kinh nghiệm đáng chú ý và theo những cách độc đáo, sáng tạo và hội nhập văn hóa. Phong cách truyền giảng Tin Mừng của nó không phải chỉ đơn thuần là một phản ứng chiến lược đối với thực tại hiện nay; đúng hơn, nó đi theo một nẻo đường tương ứng với các *kairós* (hoàng thời) có thể thúc đẩy dân Thiên Chúa đến chỗ chào đón Vương quốc của Người giữa tính đa dạng sinh học và xã hội của họ. Giáo hội trở nên xác thực bằng cách quyết định cư ngụ - dựng “tapiri” hay nhà mái rạ - ở Amazon [12]. Điều này phù hợp với một cuộc hành trình đã bắt đầu với Công đồng Vatican II cho toàn thể Giáo hội; đã được công nhận trong Huấn quyền Châu Mỹ Latinh kể từ Medellin (1968); và được giả định rõ ràng cho Amazon ở Santarém (1972) [13]. Kể từ đó, Giáo hội tiếp tục tìm cách hội nhập văn hóa Tin mừng trước các thách thức lãnh thổ và các dân tộc của nó, trong cuộc đối thoại liên văn hóa với họ. Sự đa dạng độc đáo của khu vực Amazon - sinh học, tôn giáo và văn hóa - gợi ý một Lễ Ngũ Tuần mới.

#### *Một thời của những thách thức nghiêm trọng và khẩn cấp*

31. Đẩy nhanh diễn trình đô thị hóa và mở rộng nông nghiệp được thực hiện bởi các doanh nghiệp nông nghiệp cộng với việc lạm dụng tài sản thiên nhiên bởi chính các dân tộc Amazon: Tất cả những điều này cộng với các than phiền lớn đã đề cập trước đó. Việc bóc lột thiên nhiên và các dân tộc Amazon (người bản địa, người *mestizos* (tạp chủng), người cạo mũ

cao su, dân sông nước và thậm chí cả cư dân thành phố) gây ra một cuộc khủng hoảng hy vọng.

32. Các cuộc di cư trong những năm gần đây cũng làm tăng các thay đổi về tôn giáo và văn hóa trong khu vực. Đối diện với các diễn trình biến đổi nhanh chóng, Giáo hội đã không còn là điểm tham chiếu duy nhất cho quyết định của người ta. Hơn nữa, cuộc sống mới tại thành phố không phải lúc nào cũng tử tế đối với các giấc mơ và khát vọng, nhưng thường làm mất phương hướng và mở cửa cho chủ nghĩa cứu thế (messianism) non yếu, bất nối kết, tha hóa và vô nghĩa.

#### *Một thời của hy vọng*

33. Trái ngược với thực tại trên, Thượng Hội Đồng Amazon vì thế trở thành một dấu hiệu hy vọng cho người dân Amazon và cho toàn nhân loại. Đó là một cơ hội lớn lao để Giáo hội khám phá sự hiện diện nhập thể và tích cực của Thiên Chúa: trong các biểu hiện đa dạng nhất của sáng thế; trong linh đạo của các dân tộc nguyên thủy; trong các biểu thức của lòng đạo bình dân; trong các tổ chức bình dân khác nhau nhằm chống lại các siêu dự án; và trong đề xuất một nền kinh tế liên đới, có năng suất và bền vững, tôn trọng thiên nhiên. Trong những năm gần đây, sứ mệnh của Giáo hội đã được thực hiện trong sự hợp tác với các khát vọng và đấu tranh vì sự sống và tôn trọng thiên nhiên của các dân tộc Amazon và các tổ chức của riêng họ.

34. Nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, Giáo hội, được nhận diện nhờ lịch sử thập giá và phục sinh này, muốn học hỏi, đối thoại và đáp ứng một cách đầy hy vọng và hân hoan các dấu chỉ thời đại cùng với các dân tộc của Amazon. Chúng ta hy vọng rằng việc học hỏi, đối thoại và đồng trách nhiệm như vậy cũng có thể mở rộng đến mọi ngõ ngách của hành tinh vốn mong muốn đạt tới sự viên mãn trọn vẹn của sự sống theo mọi ý nghĩa. Chúng ta tin rằng *kairós* (hoàng thời) này của Amazon, vốn là thời của Thiên Chúa, sẽ triệu tập và kích thích và là thời của ân sủng và giải phóng, của ký ức và hoán cải, của các thách thức và hy vọng.

### **Chương IV: Đối thoại**

*“Chúng có mắt mà không thấy, chúng có tai mà không nghe” (Mc 8:18)*

#### *Các nẻo đường đối thoại mới*

35. Đức Giáo Hoàng Phanxicô đưa ra cho chúng ta nhu cầu nhìn lại để mở ra những nẻo đường đối thoại sẽ giúp chúng ta thoát khỏi con đường tự hủy hoại của cuộc khủng hoảng xã hội môi trường hiện nay [14]. Đề cập đến các dân tộc Amazon, Đức Giáo Hoàng cho rằng điều chủ yếu là thực hiện “cuộc đối thoại liên văn hóa, trong đó chính anh chị em sẽ là ‘đối tác đối thoại chính, nhất là khi các dự án lớn ảnh hưởng đến vùng đất của anh chị em được đề xuất’. Việc nhìn nhận và đối thoại sẽ là cách tốt nhất để biến đổi các mối liên hệ lịch sử vốn có đặc điểm loại trừ và kỳ thị” (Fr.PM). Cuộc đối thoại địa phương trong đó Giáo hội muốn tham gia là để phục vụ sự sống và “trương lai của hành tinh chúng ta” (LS 14).

#### *Đối thoại và sứ mệnh*



36. Vì Amazon là một thế giới đa sắc tộc, đa văn hóa và đa tôn giáo (xem DAp 86), nên việc thông đạt, và do đó truyền giảng Tin Mừng, đòi hỏi những cách gặp gỡ và sống chung với nhau có thể cổ vũ đối thoại. Trái ngược với đối thoại là việc thiếu lắng nghe và áp đặt nhằm ngăn cản chúng ta gặp gỡ, thông đạt và do đó, sống với nhau. Chúa Giêsu là một người đối thoại và gặp gỡ. Vì vậy, chúng ta thấy Người “với người phụ nữ Samaria, tại chiếc giếng nơi cô ấy tìm cách làm dịu cơn khát của mình (x. Ga 4: 7-26)” (EG 72); Cô ấy “đã trở thành một nhà truyền giáo ngay sau khi nói chuyện với Chúa Giêsu”, và khi cô trở về làng của mình, “nhiều người Samaria đã tin vào Người ‘vì chứng từ của người phụ nữ’ (Ga 4:39)” (EG 120). Chúa Giêsu đã có thể đối thoại và yêu thương vượt ra ngoài tính đặc thù trong di sản tôn giáo Samaria của cô. Đây là cách truyền giảng Tin Mừng được thực hiện trong cuộc sống bình thường của Samaria, ở Amazon, trên toàn thế giới. Đối thoại là một cuộc thông đạt vui tươi giữa “những người bày tỏ tình yêu của họ cho nhau” (EG 142).

37. Kể từ biến cố Nhập thể, cuộc gặp gỡ với Chúa Giêsu Kitô luôn diễn ra trong phạm vi một cuộc đối thoại lịch sử và cánh chung của cõi lòng. Nó xảy ra trong các khung cảnh khác nhau của thế giới đa nguyên và đan kết qua lại với nhau của Amazon. Nó bao gồm các liên hệ chính trị với các quốc gia, các liên hệ xã hội với các cộng đồng, các liên hệ văn hóa với nhiều lối sống khác nhau và các liên hệ sinh thái với thiên nhiên và với chính mình. Đối thoại tìm kiếm sự trao đổi qua lại, đồng thuận và thông đạt, thỏa hiệp và liên minh, nhưng không đánh mất vấn đề căn bản, nghĩa là, mối quan tâm đối với “một xã hội công bằng, biết đáp ứng và bao gồm” (EG 239). Do đó, đối thoại luôn ưu tiên chọn người nghèo, người bị gạt bỏ và loại trừ. Chính nghĩa công lý và sự khác biệt là các chính nghĩa của Nước Thiên Chúa. Chúng ta không bảo vệ “các kế hoạch do một số ít dành cho một số ít, hoặc một nhóm thiểu số hiểu biết hoặc bạo ăn bạo nói phác thảo” (EG 239).

Đối thoại là về việc “đồng ý sống với nhau, một hiệp ước văn hóa và xã hội” (EG 239). Đối với hiệp ước này, Amazon đại diện cho một *pars pro toto*, một phần cho toàn bộ, một mô hình, một hy vọng cho thế giới. Đối thoại là phương pháp luôn phải được áp dụng để đạt được cuộc sống tốt [nếu *buen vivir*, thì sống tốt] cho mọi người. Những vấn đề lớn lao của nhân loại phát sinh ở Amazon sẽ không tìm được giải pháp qua bạo lực hoặc áp đặt, mà qua đối thoại và thông đạt.

#### *Đối thoại với các dân tộc Amazon*

38. Chính các dân tộc của Amazon, nhất là người nghèo và khác biệt về văn hóa, là những người đối thoại và nhân vật chủ đạo của cuộc đối thoại. Họ đối mặt với chúng ta bằng ký ức quá khứ và với những vết thương gây ra trong thời kỳ lâu dài của thực dân. Đó là lý do tại sao Đức Giáo Hoàng Phanxicô khiêm tốn xin sự tha thứ, không chỉ vì những vi phạm của chính Giáo hội mà còn vì những tội ác chống lại các dân tộc nguyên thủy trong cuộc được gọi là chinh phục Mỹ Châu (15). Đã có những khoảnh khắc lúc Giáo Hội đồng lõa với những người thực dân, và điều này đã bóp nghẹt tiếng nói tiên tri của Tin Mừng. Nhiều trở ngại đối với việc truyền giảng Tin Mừng theo lối đối thoại và việc cởi mở với sự khác biệt về văn hóa có tính lịch sử và ẩn khuất phía sau các học thuyết đã hóa đá. Đối thoại là một diễn trình học hỏi, được tạo điều kiện bởi “việc cởi mở hướng tới siêu việt” (EG 205) và bị cản trở bởi các ý thức hệ.

### *Đối thoại và học hỏi*

39. Nhiều người Amazon vốn cố hữu là những người đối thoại và thông đạt. Có một diễn đàn đối thoại rộng lớn và chủ yếu giữa các linh đạo, tín ngưỡng và tôn giáo của Amazon, đòi hỏi cách tiếp cận của trái tim đối với các nền văn hóa khác nhau. Tôn trọng không gian này không có nghĩa là tương đối hóa các xác tín riêng của người ta, mà là nhìn nhận những con đường / nẻo đường khác biệt tìm cách giải đoán mầu nhiệm khôn dò của Thiên Chúa. Sự cởi mở không thành thật với người khác, giống như thái độ phò những nhóm quyền lợi lớn (corporatist), vốn chỉ dành ơn cứu rỗi độc nhất cho tín ngưỡng riêng của họ, là phá hoại chính tín ngưỡng đó. Đây là điều Chúa Giêsu đã giải thích cho Luật sĩ trong dụ ngôn Người Samaria nhân hậu (Lc 10: 30-37). Tình yêu mang ra sống trong bất cứ tôn giáo nào cũng làm hài lòng Thiên Chúa. “Qua việc trao đổi các ơn phúc, Chúa Thánh Thần có thể dẫn chúng ta trọn vẹn hơn vào sự thật và sự thiện” (EG 246).

40. Một cuộc đối thoại có lợi cho sự sống là để phục vụ cho “tương lai của hành tinh chúng ta” (LS 14), của việc biến đổi các não trạng hẹp hòi, hoon cải các trái tim sắt đá và chia sẻ các sự thật với toàn thể nhân loại. Chúng ta có thể nói rằng đối thoại có tính Ngũ Tuần, cũng như sự ra đời của Giáo hội, một Giáo Hội đang hành trình tìm kiếm bản sắc mình hướng tới sự hiệp nhất trong Chúa Thánh Thần. Chúng ta khám phá ra bản sắc của chúng ta từ cuộc gặp gỡ với người khác, từ các khác biệt và sự trùng hợp cho chúng ta thấy sự khôn dò của thực tại và sự mầu nhiệm của việc Thiên Chúa hiện diện.

### *Đối thoại và kháng cự*

41. Sẵn lòng tham gia đối thoại thường gặp phải sự kháng cự. Các lợi ích kinh tế và mô hình kỹ trị (technocratic) bác bỏ bất cứ cố gắng thay đổi nào. Những người ủng hộ chúng sẵn lòng áp đặt bằng vũ lực, vi phạm các quyền căn bản của các dân tộc ở Amazon và các qui luật bảo đảm sự bền vững và bảo tồn nó. Trong tình huống như vậy, các khả thể đối thoại và gặp gỡ bị giảm thiểu rất nhiều và thậm chí biến mất trong một số trường hợp. Phải phản ứng với điều này ra sao? Một mặt, người ta nhất thiết sẽ trở nên phản nộ, không phải một cách bạo động, nhưng kiên quyết và có tính tiên tri. Đó là sự phản nộ của Chúa Giêsu chống lại người Biệt Phái (x. Mc 3: 5; Mt 23) hoặc chống lại chính Phêrô (Mt 16:23) - điều mà Thánh Tôma Aquinô gọi là “sự phản nộ thánh thiện”, bị kích động bởi các bất công [16], hoặc liên kết với các lời hứa chưa được thực hiện hoặc các phản bội đủ loại. Bước tiếp theo là tìm kiếm sự thỏa thuận, như chính Chúa Giêsu gợi ý (x. Lc 14: 31-32). Đây là vấn đề thiết lập ra một cuộc đối thoại khả hữu và không bao giờ thờ ơ với những bất công của khu vực hoặc của thế giới [17].

42. Một Giáo hội tiên tri là một Giáo Hội lắng nghe các tiếng khóc và bài ca về nỗi đau và niềm vui. Đồng thời khi chúng truyền cảm hứng, các bài hát dõng dạc các tình huống sống của người ta và trực giác được các giải pháp khả hữu và các thay đổi có tính biến đổi. Có những dân tộc hát lịch sử của họ và cả hiện tại của họ nữa, đến nỗi các người nghe các bài hát đó có thể thoáng thấy, có thể phác thảo tương lai của họ. Nói tóm lại, một Giáo hội tiên tri ở Amazon là một Giáo Hội đối thoại, biết cách tìm kiếm các thỏa thuận, và, từ việc chọn người nghèo và các chứng tử của họ về sự sống, biết tìm kiếm các đề xuất cụ thể có lợi cho một hệ

sinh thái toàn diện. Một Giáo hội có khả năng biện phân và táo bạo khi đối mặt với việc lạm dụng các dân tộc và việc phá hủy các lãnh thổ của họ, biết đáp ứng không chậm trễ tiếng kêu của trái đất và của người nghèo.

### *Kết luận*

43. Sự sống ở Amazon, nơi nước, lãnh thổ, và các bản sắc và linh đạo của các dân tộc được đan kết qua lại với nhau, mời gọi đối thoại và học hỏi về tính đa dạng sinh học và văn hóa của nó. Giáo hội tham dự và tạo ra các diễn trình học hỏi nhằm mở ra các nẻo đường đào tạo liên tục về ý nghĩa sự sống được hòa nhập vào lãnh thổ của nó và được làm giàu bằng túi khôn và kinh nghiệm của tổ tiên. Các diễn trình như vậy mời gọi chúng ta đáp ứng một cách trung thực và tiên tri tiếng kêu van sự sống của các dân tộc và vùng đất của Amazon. Điều này ngụ ý một cảm thức đổi mới về sứ mệnh của Giáo hội tại Amazon, bắt đầu từ cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, đi ra ngoài gặp gỡ người khác, khởi diễn các diễn trình hóa giải. Trong bối cảnh này, không gian hiện đang được mở rộng để tái tạo các thừa tác vụ phù hợp với thời điểm lịch sử này. Đây là thời điểm thích hợp để lắng nghe tiếng nói của Amazon và đáp ứng như một Giáo Hội có tính tiên tri và Samaria.

## **PHẦN II: HỆ SINH THÁI TOÀN DIỆN: TIẾNG KÊU CỦA TRÁI ĐẤT VÀ CỦA NGƯỜI NGHÈO**

*“Tôi đề nghị giờ đây chúng ta nên xem xét một số yếu tố của hệ sinh thái toàn diện ... các yếu tố môi trường, kinh tế và xã hội” (LS 137-8).*



44. Phần II đề cập đến các vấn đề nghiêm trọng do các cuộc tấn công chống lại sự sống trên lãnh thổ Amazon gây ra. Sự gây hấn đối với khu vực quan trọng này của Mẹ Đất và cư dân của Mẹ đe dọa sự tồn vong, nền văn hóa và linh đạo của

họ. Nó cũng ảnh hưởng đến sự sống của toàn thể nhân loại, nhất là người nghèo, người bị loại trừ, bị đẩy qua bên lề, bị đàn áp. Tình hình hiện nay đang khẩn thiết kêu gọi phải có một cuộc hóa giải sinh thái toàn diện.

## Chương I: Sự phá hủy của chính sách duy khai khoáng

“Ngày nay ... tội lỗi hiển hiện trong mọi sức mạnh hủy diệt của nó dưới ... các hình thức bạo lực và lạm dụng đa dạng, bỏ rơi những người dễ bị tổn thương nhất và tấn công vào thiên nhiên” (LS 66).

### *Tiếng kêu của Amazon*

45. “Các dân tộc bản địa Amazon có lẽ chưa bao giờ bị đe dọa như vậy trên chính lãnh thổ của họ như hiện nay” (Fr.PM). Các dự án khai khoáng và nông nghiệp nhằm khai thác lãnh thổ mà không hề xem xét bất cứ điều gì đang phá hủy lãnh thổ này (xem LS 4, 146), một lãnh thổ đang có nguy cơ biến thành một hoang mạc (savannah) [18]. Amazon đang bị giành giật ở một số trận tuyến. Một trong số này đáp ứng các lợi ích kinh tế to lớn chỉ muốn dầu hỏa, khí đốt, gỗ, vàng, độc canh công nông nghiệp, v.v. Một trận tuyến khác là chủ nghĩa duy bảo tồn sinh thái chỉ quan tâm đến sinh quần nhưng bỏ qua các dân tộc ở Amazon. Cả hai mối đe dọa làm tổn thương đất đai và các dân tộc: “Chúng tôi đang bị ảnh hưởng bởi những người khai thác gỗ, chủ trang trại và các bên thứ ba khác. Chúng tôi đang bị đe dọa bởi các tác nhân kinh tế đang thực thi một mô hình hoàn toàn xa lạ trong lãnh thổ của chúng tôi. Các công ty đốn gỗ vào lãnh thổ để khai thác rừng. Chúng tôi chăm sóc rừng cho con cái của chúng tôi. Chúng tôi có thịt, cá, cây dược liệu, cây ăn trái [...] Việc lấp đặt thủy điện và dự án đường thủy có tác động đến sông ngòi và các vùng lãnh thổ [...] Chúng tôi là một vùng lãnh thổ bị đánh cắp” (19).

46. Theo các cuộc tham khảo, tiếng kêu của Amazon phản ánh ba nguyên nhân chính gây đau đớn. (a) Việc thiếu sự công nhận, phân định ranh giới và quyền sở hữu các vùng đất bản địa vốn là một phần tạo ra cuộc sống của họ. (b) Cuộc xâm lược của các dự án gọi là “phát triển” vĩ đại, mà thực sự phá hủy cả các vùng đất lẫn các dân tộc. Ví dụ quan trọng là các dự án thủy điện; khai thác mỏ hợp pháp và bất hợp pháp liên kết với các *garimpeiros* bất hợp pháp (những thợ mỏ không chính thức khai khoáng vàng); các dự án đường thủy đe dọa các nhánh chính của sông Amazon; các hoạt động *hydrocarbon*, các hoạt động chăn nuôi, phá rừng, canh tác độc canh, kỹ nghệ nông nghiệp và *grilagem* (chiếm dụng đất đai bằng cách sử dụng tài liệu giả). Nhiều trong số các dự án phá hoại nhân danh sự tiến bộ này được hỗ trợ bởi chính quyền địa phương, quốc gia và nước ngoài. (c) Sự ô nhiễm sông ngòi, không khí, đất và rừng và sự suy giảm phẩm chất sự sống, các nền văn hóa và linh đạo. Do đó, ngày nay, “chúng ta phải nhận ra rằng một cách tiếp cận sinh thái thực sự luôn trở thành một cách tiếp cận xã hội; nó phải tích hợp các vấn đề công lý trong các cuộc tranh luận về môi trường, để nghe được “cả tiếng kêu của trái đất lẫn tiếng kêu của người nghèo” (LS 49). Đó là điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi là hệ sinh thái toàn diện.

### *Hệ sinh thái toàn diện*

47. Sinh thái toàn diện dựa trên việc thừa nhận ở trong các mối liên hệ là một phạm trù căn bản của con người. Điều này có nghĩa: chúng ta phát triển như những hữu thể nhân bản trên cơ sở các mối liên hệ của chúng ta với chính mình, với những người khác, với xã hội nói chung, với thiên nhiên / môi trường và với Thiên Chúa. Tính nối kết toàn diện này thường xuyên được nhấn mạnh trong các cuộc tham khảo với các cộng đồng Amazon.

48. Thông điệp *Laudato Si'* (các số 137-142) giới thiệu mô hình liên hệ này trong sinh thái toàn diện như là sự nối khớp căn bản các dây liên kết vốn làm cho sự phát triển thực sự nhân

bản trở thành khả hữu. Các hữu thể nhân bản là một phần của hệ sinh thái tạo điều kiện cho các mối liên hệ đem lại sự sống cho hành tinh của chúng ta; do đó việc chăm sóc các hệ sinh thái này là rất cần thiết. Và nó có tính nền tảng đối với cả việc cổ vũ nhân phẩm lẫn lợi ích chung của xã hội và đối với việc chăm sóc môi trường. Khái niệm sinh thái toàn diện đã và đang soi sáng cho các quan điểm khác nhau tìm cách giải quyết các tương tác phức tạp giữa môi trường và con người, giữa việc quản lý của cải của sáng thể và các đề xuất phát triển và truyền giảng Tin Mừng.

### *Sinh thái toàn diện tại Amazon*

49. Đối với sự chăm sóc vùng Amazon, các cộng đồng thổ dân là những người đối thoại không thể thiếu, vì chính họ là những người thường chăm sóc tốt nhất các lãnh thổ của họ (xem LS 149). Do đó, lúc bắt đầu diễn trình Thượng Hội Đồng, Đức Giáo Hoàng Phanxicô, trong chuyến viếng thăm đầu tiên một khu vực Amazon, đã nói với các nhà lãnh đạo thổ dân địa phương: “Tôi muốn đến thăm anh chị em và lắng nghe anh chị em, để được ở bên nhau giữa lòng Giáo hội, để hợp nhất chúng ta trong việc đối đầu với các thách thức của anh chị em và cùng anh chị em tái khẳng định việc chân thành lựa chọn bảo vệ sự sống, bảo vệ đất đai và bảo vệ các nền văn hóa” (Fr.PM). Các cộng đồng Amazon chia sẻ quan điểm này về hệ sinh thái toàn diện: “mọi hoạt động của Giáo Hội ở Amazon phải bắt đầu từ tính toàn diện của hữu thể nhân bản (sự sống, lãnh thổ và văn hóa)” [20].

50. Tuy nhiên, để cổ vũ hệ sinh thái toàn diện trong đời sống hàng ngày của Amazon, điều cũng cần là phải hiểu khái niệm thông đạt và công lý liên thể hệ, bao gồm việc truyền tải kinh nghiệm, vũ trụ học, linh đạo và thần học có tính tổ tiên của người bản địa trong việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta [21]. “Trong cuộc tranh đấu, chúng ta phải tín thác vào quyền năng của Thiên Chúa, vì sáng thể là của Thiên Chúa, vì Thiên Chúa tiếp tục công việc của Người. Cuộc tranh đấu của tổ tiên chúng ta là tranh đấu cho những dòng sông này, cho các lãnh thổ của chúng ta, tranh đấu cho một thế giới tốt đẹp hơn cho con cái chúng ta” (22).

### *Đừng phá hủy Amazon*

51. Nói một cách chuyên biệt, tiếng kêu của Amazon nói với chúng ta về những cuộc đấu tranh chống lại những kẻ muốn hủy diệt sự sống như được quan niệm một cách toàn diện. Các lực lượng như vậy được hướng dẫn bởi một mô hình kinh tế liên kết với sản xuất, thương mại và tiêu thụ, trong đó việc tối đa hóa lợi nhuận ưu tiên hơn nhu cầu con người và môi trường. Nói cách khác, các cuộc đấu tranh chống lại những người không tôn trọng nhân quyền và quyền thiên nhiên ở Amazon.

52. Một cuộc tấn công khác vào nhân quyền là việc qui thành tội phạm các cuộc biểu tình chống lại việc phá hủy lãnh thổ và các cộng đồng của nó, vì một số luật lệ trong khu vực mô tả chúng là bất hợp pháp [23]. Một sự lạm dụng nữa là phần lớn các quốc gia bác bỏ việc tôn trọng quyền tham khảo và chấp thuận trước của các nhóm bản địa và địa phương trước khi ban các nhượng quyền và hợp đồng khai thác lãnh thổ, mặc dù quyền như thế được Tổ chức Lao động Quốc tế công nhận rõ ràng: “những người có liên quan có quyền quyết định các ưu tiên của họ đối với diễn trình phát triển vì nó ảnh hưởng đến đời sống, các niềm tin, định chế và phúc lợi tinh thần của họ và vùng đất mà họ chiếm giữ hoặc sử dụng, và thi hành việc kiểm soát, tới mức có thể, trong phạm vi có thể, việc phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của riêng họ” [24]. Cũng những quyền này được các hiến pháp của một số quốc gia Amazon công nhận.

53. Bi kịch của cư dân Amazon xuất hiện không những ở việc mất đất do bị buộc phải di dời, mà còn chịu bị khuất phục trước sự dõ dặt của tiền bạc, hối lộ và tham nhũng của các tác nhân của mô hình kinh tế kỹ thuật của “nền văn hóa vút bỏ” (xem LS 22), đặc biệt là trong giới trẻ. Sự sống được liên kết và hòa nhập vào lãnh thổ, vì vậy bảo vệ sự sống là bảo vệ lãnh thổ, không có sự tách biệt giữa hai khía cạnh. Đây là thông điệp trong rất nhiều chứng từ: “Họ đang lấy mất đất đai của chúng tôi - chúng tôi sẽ đi đâu? Vì bị lấy mất quyền này là hết đường tự bảo vệ mình trước những kẻ đe dọa sự sống còn của họ.

54. Việc đốn cây ồ ạt, tận diệt rừng nhiệt đới bằng những vụ đốt rừng có chủ ý, việc mở rộng biên giới nông nghiệp và độc canh là nguyên nhân của sự mất cân bằng khí hậu tại khu vực hiện nay, với những hiệu quả rõ rệt đối với khí hậu toàn cầu, với kích thước hành tinh như hán lớn và lũ lụt ngày càng thường xuyên hơn. Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi các lưu vực sông Amazon và Congo là “những lá phổi của hành tinh chúng ta”, nhấn mạnh sự cấp bách phải bảo vệ chúng (LS 38).

55. Sáng thế được trình bày trong sách Sáng thế như một biểu hiện của sự sống, nuôi dưỡng, khả thể và giới hạn. Trong trình thuật đầu tiên (St 1: 1-2: 4a), con người được mời gọi liên hệ với sáng thế theo cùng một cách như Thiên Chúa. Trình thuật thứ hai (St 2: 4b-25) làm sâu sắc thêm quan điểm này với mệnh lệnh phải “canh tác” (trong tiếng Do Thái, nó cũng có nghĩa là “phục vụ”) và “giữ” (thái độ bảo vệ và yêu thương) khu vườn (St 2: 15). Điều này ngụ ý mỗi quan hệ chịu trách nhiệm lẫn nhau giữa con người và thiên nhiên” (LS 67), một quan hệ đòi hỏi phải thừa nhận một giới hạn thích hợp của thân phận tạo vật và do đó một thái độ khiêm nhường vì chúng ta không phải là chủ sở hữu hữu hoàn toàn (St 3: 3).

### Các gợi ý

56. Thách thức đưa ra rất lớn: Làm thế nào phục hồi được lãnh thổ Amazon, giải cứu nó khỏi sự suy thoái do chính sách tàn bạo của con người và khôi phục lại phúc lợi đích thực và lành mạnh của nó? Đối với các cộng đồng thổ dân, chúng ta nợ họ hàng ngàn năm chăm sóc và canh tác Amazon. Trong túi khôn tối tiên của họ, họ đã nuôi dưỡng xác tín rằng toàn bộ sáng thế đều được nối kết với nhau, và điều này đáng được chúng ta tôn trọng và chịu trách nhiệm. Nền văn hóa của Amazon, một nền văn hóa tích hợp con người với thiên nhiên, tạo nên một chuẩn mực để xây dựng một mô hình mới về sinh thái toàn diện. Trong sứ mệnh của mình, Giáo hội cần đảm nhận việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta:

a) Đề xuất các đường hướng hành động có tính định chế có thể cổ vũ sự tôn trọng môi trường.

b) Sắp đặt các chương trình huấn luyện chính thức và không chính thức về việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta cho các tác nhân mục vụ và tín hữu, và cởi mở đối với toàn thể cộng đồng, để “nâng cao ý thức của mọi người” (LS 214) như đã được yêu cầu bởi các chương V và VI của Thông điệp *Laudato Si'*.

c) Tố cáo việc vi phạm nhân quyền và sự hủy diệt gây ra bởi chủ nghĩa khai khoáng không hạn chế.

### **Chương II: Các dân tộc bản địa trong vùng Cô lập Tự nguyện (PIAV): Các mối đe dọa và việc bảo vệ**

*“Tôi nghĩ tới [...] các dân tộc bản địa trong vùng Cô lập Tự nguyện (PIAV). Chúng ta biết*

*rằng họ là những người dễ bị tổn thương nhất trong số những người dễ bị tổn thương”*  
(Fr.PM).

#### *Các dân tộc ở các vùng ngoại vi*

57. Trong lãnh thổ Amazon, theo các dữ kiện của các tổ chức Giáo hội chuyên ngành (ví dụ: CIMI) và các tổ chức khác, hiện có từ 110 đến 130 dân tộc bản địa khác nhau trong vùng Cô lập Tự nguyện hay “các dân tộc tự do”. Họ sống bên lề xã hội hoặc chỉ tiếp xúc lẻ tẻ với nó. Chúng ta không biết tên, ngôn ngữ hoặc văn hóa riêng của họ. Đó cũng là lý do tại sao chúng ta gọi họ là “những dân tộc cô lập”, “tự do”, “tự trị” hay “các dân tộc không có tiếp xúc”. Những dân tộc này sống trong mối liên hệ sâu sắc với thiên nhiên. Nhiều người trong số họ đã quyết định tự cô lập mình vì trước đây họ bị chấn thương; những người khác đã bị bạo lực gạt sang một bên bởi việc bóc lột kinh tế Amazon. Các dân tộc này chống lại mô hình phát triển kinh tế sẵn mồi, diệt chủng và diệt môi sinh hiện thời, lựa chọn sống giam hãm để sống tự do (xem Fr.PM).

56. Một số “các dân tộc cô lập” sống trên những vùng đất độc hữu bản địa, những người khác sống trên các vùng đất bản địa chung với các “dân tộc đã được tiếp xúc”, lại có những người sống trong khu vực bảo tồn và một số sống trong các vùng lãnh thổ biên giới.

#### *Những người dễ bị tổn thương*

59. Các dân tộc bản địa trong vùng Cô lập Tự nguyện dễ bị tổn thương trước các mối đe dọa của các doanh nghiệp kỹ nghệ nông nghiệp và của những người khai thác khoáng sản, gỗ và các tài nguyên thiên nhiên khác. Họ cũng là nạn nhân của nạn buôn bán ma túy, các siêu dự án về cơ sở hạ tầng như đập thủy điện và siêu lộ quốc tế, và các hoạt động bất hợp pháp liên quan đến mô hình phát triển khai khoáng.

60. Nguy cơ bạo lực đối với phụ nữ của những ngôi làng này gia tăng do sự hiện diện của những người lập cư, đồn gỗ, binh lính và nhân viên của các kỹ nghệ tài nguyên, hầu hết là đàn ông. Ở một số vùng của Amazon, 90% người bản địa bị sát hại tại các khu lập cư biệt lập là phụ nữ. Bạo lực và kỳ thị như vậy đe dọa nghiêm trọng sự sống còn về thể chất, tinh thần và văn hóa của các dân tộc bản địa này.

61. Thêm vào đó là sự thiếu công nhận quyền lãnh thổ của các dân tộc bản địa và của các dân tộc bản địa trong vùng Cô lập Tự nguyện. Việc qui kết là phạm tội các đồng minh của họ vì các cuộc biểu tình và việc cắt giảm ngân sách vốn dành để bảo vệ vùng đất của họ làm cho việc xâm chiếm lãnh thổ của họ trở nên dễ dàng hơn, do đó, đe dọa hơn nữa đến cuộc sống dễ bị tổn thương của họ.

#### **Các gợi ý**

62. Trước tình huống bi thảm này, và nghe thấy những tiếng kêu than của trái đất và của người nghèo (xem LS 49), quả là thích đáng để:

a) Yêu cầu các chính phủ liên hệ bảo đảm các nguồn lực cần thiết để bảo vệ hữu hiệu các dân tộc bản địa sống cô lập. Các chính phủ phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ sự toàn vẹn thể lý của họ và sự toàn vẹn của lãnh thổ họ, dựa trên nguyên tắc phòng ngừa hoặc các cơ chế bảo vệ khác theo luật pháp quốc tế, như các Khuyến cáo chuyên biệt được quy định bởi Ủy ban Nhân quyền Liên Mỹ (IACHR của OAS) và chứa trong chương cuối cùng

của báo cáo, các dân tộc bản địa trong vùng Cô lập Tự nguyện và việc tiếp xúc ban đầu ở châu Mỹ (2013). Cũng cần phải bảo đảm quyền tự do được từ bỏ sự cô lập của họ khi họ muốn.

b) Yêu cầu bảo vệ các khu vực / khu bảo tồn thiên nhiên tại nơi chúng tọa lạc, đặc biệt là về việc phân ranh giới / quyền sử dụng của chúng để ngăn chặn sự xâm chiếm của những nơi họ sống.

c) Cổ vũ việc cập nhật điều tra dân số và lập bản đồ các vùng lãnh thổ nơi những dân tộc này sinh sống.

d) Thành lập các nhóm chuyên biệt trong các giáo phận và giáo xứ và lên kế hoạch hành động mục vụ chung tại các vùng biên giới vì đó là nơi người chuyên di chuyển được tìm thấy.

e) Thông báo cho các dân tộc bản địa về các quyền lợi của họ và thông báo cho công chúng về tình hình của họ.

### Chương III: Di dân

“Cha tôi là một người Aram lang thang...” (Đnl 26: 5)

*Các dân tộc Amazon rời cư*



63. Ở Amazon, di cư để tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn là một hằng số lịch sử. Nó giống như một con lắc đến rồi đi [25], buộc phải di cư trong cùng một đất nước và ra nước ngoài, tự ý di cư từ khu vực nông thôn tới các thành phố cũng như di cư quốc tế. Sự chuyển dịch này [26] ở Amazon chưa được hiểu rõ hoặc giải quyết đầy đủ theo quan điểm mục vụ. Tại Puerto Maldonado, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã đề cập đến thực tại này: “Nhiều người đã di cư đến Amazon để tìm kiếm nhà ở, đất đai

và việc làm. Họ đến tìm kiếm một tương lai tốt hơn cho bản thân và gia đình. Họ từ bỏ cuộc sống nghèo khó, nhưng xứng đáng. Nhiều người trong số họ, vì hy vọng rằng một số công việc nào đó sẽ chấm dứt tình trạng bấp bênh của họ, được lôi kéo bởi sức hấp dẫn đầy hứa hẹn của việc khai thác vàng. Nhưng chúng ta đừng quên rằng vàng có thể biến thành một vị thần giả đòi hỏi sự hy sinh của con người” (27).

*Nguyên nhân của di cư*

64. Amazon là một trong những khu vực có mức độ di động quốc nội và quốc tế cao nhất ở Châu Mỹ Latinh. Các nguyên nhân của nó là chính trị xã hội, khí hậu và kinh tế cũng như đàn áp sắc tộc. Các nguyên nhân kinh tế chủ yếu được gây ra bởi các dự án chính trị, các siêu dự án và các công ty khai khoáng, thu hút công nhân nhưng đồng thời trục xuất cư dân của các khu vực bị ảnh hưởng. Sự xâm lấn đối với môi trường dưới danh nghĩa “phát triển” [28] đã làm giảm đáng kể phẩm chất cuộc sống của các dân tộc Amazon, cả dân cư thành thị lẫn nông thôn, do ô nhiễm lãnh thổ và mất khả năng sinh sản.

65. Do những nguyên nhân này, trên thực tế, khu vực đã trở thành một hành lang di cư.



Những cuộc di cư như vậy xảy ra giữa các quốc gia vùng Amazon (như làn sóng di cư đang gia tăng từ Venezuela) hoặc đến các khu vực khác (ví dụ: đến Chile và Argentina) [29].

### *Các hậu quả của việc di cư*

66. Hiện tượng di cư, bị lãng quên cả về chính trị lẫn mục vụ, đã góp phần gây bất ổn xã hội trong các cộng đồng Amazon. Các thành phố trong khu vực, nơi liên tục nhận được số lượng lớn người mới nhập cư, không thể cung cấp các dịch vụ căn bản mà người di cư cần. Điều này đã khiến nhiều người đi lang thang và ngủ ở các khu vực trung tâm thành phố, không có công ăn việc làm, không có thức ăn, không có nơi trú ẩn. Nhiều người trong số này thuộc các dân tộc bản địa buộc phải từ bỏ vùng đất của họ. “Các thành phố dường như là một vùng đất không có chủ sở hữu. Chúng là đích đến mà người ta thường hướng về sau khi bị đuổi khỏi lãnh thổ của họ. Thành phố phải được hiểu theo mô hình khai thác này: làm trống các vùng lãnh thổ để chiếm đoạt chúng, di dời dân cư và trục xuất họ vào thành phố” [30].

67. Hiện tượng này, trong nhiều điều khác, gây bất ổn cho các gia đình khi một trong hai cha mẹ đi xa tìm việc làm, để lại con cái và người trẻ lớn lên không có hình ảnh người cha và / hoặc người mẹ. Những người trẻ cũng di chuyển để tìm kiếm việc làm hoặc việc làm không đâu vào đâu miễn giúp duy trì những gì còn lại của gia đình, bỏ cả nền giáo dục tiểu học và chịu đựng đủ thứ lạm dụng và bóc lột. Ở nhiều vùng Amazon, những người trẻ này là nạn nhân của buôn bán ma túy, buôn người hoặc mại dâm (nam và nữ) [31].

68. Sự lơ là của các chính phủ liên quan đến việc thực thi các chính sách công có chất lượng trong nội địa, chủ yếu là giáo dục và y tế, cho phép diễn trình di động này tăng tốc mỗi ngày. Mặc dù Giáo hội đã đồng hành với dòng di cư này, những khoảng trống mục vụ vẫn còn trong khu vực Amazon cần được giải quyết.

### **Các gợi ý**

69. Người di cư mong đợi gì từ Giáo hội? Làm thế nào chúng ta có thể giúp họ cách hữu hiệu hơn? Làm thế nào chúng ta có thể cổ vũ việc hội nhập giữa người di cư và cộng đồng địa phương?

a) Cần có sự hiểu biết tốt hơn về các cơ chế dẫn đến sự tăng trưởng bất cân xứng của các trung tâm đô thị và việc bỏ các khu vực nội địa, bởi vì cả hai năng động tính đều là thành phần của cùng một hệ thống (mọi sự đều được nối kết). Mọi điều này đều đòi hỏi sự chuẩn bị của đầu và tim của các tác nhân mục vụ để đối diện với tình huống nguy cấp này.

b) Cần phải làm việc theo nhóm, thấm nhiễm lý tưởng truyền giáo mạnh mẽ và được phối hợp bởi những người có kỹ năng đa dạng và bổ túc cho nhau để hành động hữu hiệu. Vấn đề di cư cần được xử lý một cách có phối hợp, nhất là bởi các Giáo Hội ở biên giới.

c) Thiết lập một dịch vụ tiếp đón trong mỗi cộng đồng đô thị, có thể nhanh chóng chào đón những người đến bất ngờ có các nhu cầu khẩn cấp và cũng có thể cung cấp sự bảo vệ chống lại mối đe dọa của các tổ chức tội phạm.

d) Cổ vũ các dự án nông nghiệp-gia đình trong các cộng đồng nông thôn.

e) Làm cho cộng đồng giáo hội can dự vào việc áp lực các cơ quan công quyền đáp ứng các nhu cầu và quyền lợi của người di cư.

f) Cổ vũ sự hòa nhập giữa người di cư và cộng đồng địa phương trong khi tôn trọng bản sắc văn hóa của nhau, như Đức Giáo Hoàng Phanxicô từng tuyên bố:

“Hòa nhập, một điều không phải là đồng hóa hay sáp nhập, là một diễn trình hai chiều, bắt nguồn từ sự thừa nhận chung sự giàu có về văn hóa của người khác: đó không phải là sự áp đặt một nền văn hóa lên một nền văn hóa khác, cũng không phải là sự cô lập lẫn nhau, với rủi ro xảo quyệt và nguy hiểm tạo nên các khu ‘ghettos’ (biệt cư)” [32].

#### **Chương IV: Đô thị hóa**

*“Các thành phố tạo ra một lưỡng phân (ambivalence) vĩnh viễn vì, trong khi cung cấp cho các cư dân của chúng vô số khả năng, chúng cũng đem lại cho nhiều người đủ thứ trở ngại đối với việc phát triển toàn diện của cuộc sống của họ” (EG 74).*

##### *Đô thị hóa vùng Amazon*



70. Mặc dù ngày nay, người ta nói đến Amazon như lá phổi của hành tinh (xem LS 38) và là rổ bánh của thế giới, nhưng việc tàn phá khu vực và cảnh nghèo đói đã gây ra sự rời cư lớn lao của dân chúng nhằm tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn. Kết quả của cuộc “xuất hành này để đi tìm vùng đất hứa” là sự tăng trưởng của hiện tượng đô thị hóa trong khu vực [33], nơi các thành phố cấu thành một thực tại lưỡng phân. Kinh thánh miêu tả sự

mơ hồ này khi trình bày Cain như người sáng lập các thành phố sau tội lỗi của hắn (St 4:17), nhưng sau đó cũng trình bày nhân loại đang cố gắng hướng tới việc thực hiện lời hứa về Giêrusalem trên trời, nơi ở của Thiên Chúa với loài người (Kh 21 : 3).

71. Theo thống kê, dân số đô thị của Amazon đã tăng theo cấp số nhân; hiện có từ 70% đến 80% dân số cư trú tại các thành phố [34]. Nhiều người trong số họ thiếu cơ sở hạ tầng và các tài nguyên công cộng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của cuộc sống đô thị. Khi số lượng thành phố tăng lên, số lượng cư dân nông thôn giảm đi.

##### *Văn hóa đô thị*

72. Tuy nhiên, vấn đề đô thị hóa không chỉ bao gồm việc rời cư của người dân và sự phát triển của các thành phố, mà cả việc truyền tải lối sống đô thị đặc thù. Kiểu mẫu của nó đi vào thế giới nông thôn, thay đổi tập quán, phong tục và cách sống truyền thống. Văn hóa, tôn giáo, gia đình, giáo dục trẻ em và thanh thiếu niên, việc làm và các khía cạnh khác của cuộc sống thay đổi nhanh chóng để đáp ứng các lời mời gọi mới của thành phố.

##### *Các thách thức đô thị*

73. Đưa Amazon vào thị trường hoàn cầu hóa tạo ra nhiều loại trừ hơn, cũng như việc đô thị hóa nghèo đói. Theo các câu trả lời cho Bảng câu hỏi của Tài liệu chuẩn bị, các vấn đề chính nảy sinh với việc đô thị hóa là:

- a) Tăng bạo lực đủ loại.
- b) Lạm dụng và khai thác tình dục, mại dâm và buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ.
- c) Buôn bán và tiêu thụ ma túy.
- d) Buôn bán vũ khí.
- e) Di động tính nhân bản và khủng hoảng bản sắc.
- f) Gia đình tan vỡ [35].
- g) Các xung đột văn hóa và mất ý nghĩa trong cuộc sống.
- h) Sự không hữu hiệu của các dịch vụ y tế / vệ sinh. [36]
- i) Thiếu phẩm chất giáo dục và bỏ học [37].
- j) Thiếu đáp ứng của các cơ quan công quyền đối với cơ sở hạ tầng và việc cổ vũ nhân dụng.
- k) Thiếu tôn trọng quyền tự quyết và quyền tự chủ của dân chúng.
- l) Tham nhũng hành chính [38].

### **Các gợi ý**

74. Có đề nghị cho rằng :

- a) Phải cổ vũ một môi trường đô thị nơi các không gian công cộng được hồi sinh, với các quảng trường và trung tâm văn hóa được phân phối tốt.
- b) Phải cổ vũ việc tiếp cận phổ cập giáo dục và văn hóa.
- c) Phải cổ vũ ý thức về môi trường, tái chế rác và tránh đốt rác.
- d) Phải cổ vũ một hệ thống vệ sinh môi trường và tiếp cận y tế phổ quát.
- e) Phải biện pháp cách giúp cải thiện cuộc sống nông thôn, với các phương thế sinh tồn khác như nông nghiệp gia đình.
- f) Phải tạo các không gian để tương tác giữa túi khôn của người bản địa, sông ngòi và các dân tộc “quilombola” (nô lệ gốc Phi châu đã giải phóng ở Ba Tây) trong các khung cảnh đô thị và túi khôn của người dân thành thị, để tạo ra cuộc đối thoại và hòa nhập quanh việc chăm sóc cuộc sống.

### **Chương V: Gia đình và cộng đồng**

*“Chính Chúa Giêsu cũng được sinh ra trong một gia đình khiêm tốn, phải sớm chạy trốn đến một vùng đất xa lạ” (AL 21)*

## *Các gia đình Amazon*



75. Một chiều kích vũ trụ (cosmovivencia) của kinh nghiệm đang đập nhịp trong các gia đình. Nó dựa trên kiến thức và thực hành truyền thống lâu đời trong các lĩnh vực khác nhau như nông nghiệp, y học, săn bắn và câu cá, hài hòa với Thiên Chúa, thiên nhiên và cộng đồng. Cũng chính trong gia đình, các giá trị văn hóa được truyền tải, như tình yêu đất đai, tính hỗ tương, liên đới, sống trong hiện tại, cảm thức gia đình, sự đơn giản,

công việc cộng đồng, tự tổ chức, y học tổ tiên và giáo dục. Ngoài ra, văn hóa truyền khẩu (những câu chuyện, tín ngưỡng và bài hát) với màu sắc, quần áo, thức ăn, ngôn ngữ và nghi lễ của nó là một phần của di sản này được lưu truyền trong gia đình. Tóm lại, gia đình là nơi người ta học cách sống hòa hợp: giữa các dân tộc, giữa các thế hệ, với thiên nhiên, trong cuộc đối thoại với các vị thần [39].

### *Các thay đổi xã hội và tính dễ bị tổn thương của gia đình*

76. Gia đình ở vùng Amazon vốn đã là nạn nhân của chủ nghĩa thực dân trong quá khứ và chủ nghĩa tân thực dân trong hiện tại. Việc áp đặt mô hình văn hóa phương tây đã khắc sâu một sự khinh miệt nào đó đối với người dân và phong tục của lãnh thổ Amazon, thậm chí còn gọi họ là những kẻ man rợ. Ngày nay, việc áp đặt mô hình kinh tế khai khoáng phương Tây một lần nữa ảnh hưởng đến các gia đình bằng cách xâm chiếm và phá hủy đất đai, văn hóa và cuộc sống của họ, buộc họ phải di cư đến các thành phố và vùng ngoại vi.

77. Những thay đổi tăng tốc hiện tại ảnh hưởng đến gia đình ở vùng Amazon. Do đó, chúng ta tìm thấy nhiều cơ cấu gia đình mới: gia đình cha mẹ đơn thân do một người phụ nữ đứng đầu; sự gia tăng các gia đình ly thân, các cuộc kết hợp đồng thuận và các gia đình tập hợp; và ít hơn là các cuộc hôn nhân theo định chế. Ngoài ra, người ta vẫn thấy phụ nữ bị khuất phục trong gia đình, trong khi bạo lực gia đình, cha mẹ vắng mặt, mang thai ở tuổi thiếu niên và phá thai đang gia tăng.

78. Gia đình trong thành phố là nơi tổng hợp, trong đó, các nền văn hóa truyền thống và hiện đại gặp nhau. Tuy nhiên, các gia đình thường phải chịu cảnh nghèo đói, nhà cửa bấp bênh, thiếu việc làm, tăng tiêu thụ ma túy và rượu, kỳ thị và thiếu niên tự tử. Ngoài ra, thiếu đối thoại giữa các thế hệ trong gia đình; các truyền thống và ngôn ngữ bị đánh mất. Các gia đình cũng phải đối diện với các vấn đề mới về sức khỏe; cần có sự giáo dục đầy đủ về việc làm mẹ. Người ta cũng thấy thiếu chú ý đến phụ nữ trong lúc mang thai và các giai đoạn trước lúc sinh và sau khi sinh [40].

### **Các gợi ý**

79. Vùng Toàn Amazon rất đa văn hóa, do đó đóng góp lớn nhất là tiếp tục tranh đấu để bảo tồn vẻ đẹp của nó bằng cách củng cố cơ cấu gia đình-cộng đồng của các dân tộc của nó. Để đạt mục đích này, Giáo hội phải coi trọng và tôn trọng các bản sắc văn hóa. Cách riêng, nên:

a) Tôn trọng cách tổ chức cộng đồng riêng. Xét vì nhiều chính sách công ảnh hưởng đến bản

sắc gia đình và tập thể, cần phải khởi xướng và hỗ trợ các diễn trình bắt đầu từ gia đình / thị tộc / cộng đồng để cổ vũ lợi ích chung, giúp vượt qua các cơ cấu nhằm tha hoá: “chúng ta phải tự tổ chức từ gia đình của mình” [41].

b) Nghe những bài hát học được trong gia đình như một cách phát biểu lời tiên tri trong thế giới Amazon.

c) Phát huy vai trò của phụ nữ, nhìn nhận các chức năng căn bản của họ trong việc hình thành và liên tục tính của các nền văn hóa, trong linh đạo, trong các cộng đồng và gia đình. Phụ nữ phải đảm nhận vai trò lãnh đạo trong Giáo hội.

d) Nói rõ ràng các yếu tố của thừa tác vụ gia đình phản ánh lời khuyên của Tông huấn *Amoris laetitia*:

i. Một thừa tác mục vụ đồng hành toàn diện với gia đình, không loại trừ các gia đình bị thương tích.

ii. Một thừa tác mục vụ bí tích có thể củng cố và khuyến khích mọi người và không loại trừ ai.

iii. Đào tạo liên tục các tác nhân mục vụ, lưu ý tới Thượng Hội Đồng gần đây và các thực tại của các gia đình Amazon.

iv. Một thừa tác mục vụ gia đình trong đó gia đình vừa là chủ thể vừa là nhà chủ đạo.

## Chương VI: Tham nhũng

“Mọi điều này càng khiến những người bị thiệt thòi trở nên bức tức hơn trong bối cảnh tham nhũng tràn lan và có gốc rễ sâu xa ở nhiều quốc gia - trong chính phủ, doanh nghiệp và các định chế của họ - bất kể ý thức hệ chính trị nào của các nhà lãnh đạo của họ” (EG 60)

### *Tham nhũng ở Amazon*



80. Tham nhũng ở Amazon ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của các dân tộc và lãnh thổ của nó. Có ít nhất hai loại tham nhũng: một loại tồn tại bên ngoài luật pháp và loại kia được bảo vệ bởi luật pháp phản bội lợi ích chung.

81. Trong những thập niên gần đây, việc đầu tư vào việc khai thác các tài nguyên phong phú của khu vực Amazon bởi các công ty lớn đã tăng tốc. Nhiều công ty trong số này theo đuổi lợi nhuận bằng mọi giá mà không quan tâm đến sự thiệt hại xã hội - môi trường mà họ gây ra. Các chính phủ từng cho phép các thực hành như vậy, vì cần ngoại hối để thúc đẩy các chính sách công của họ, không phải lúc nào cũng chu toàn nghĩa vụ bảo vệ môi trường và quyền lợi người dân của họ. Do đó, tham nhũng chằng bầy các thẩm quyền chính trị, tư pháp, lập pháp, xã hội, giáo hội và tôn giáo, những người nhận được lợi ích, nhưng đổi lại, phải cho phép các hành động của các công ty này (xem DAp 77). Có những trường hợp trong đó các công ty lớn và chính phủ tạo ra các hệ thống tham nhũng. Một số cá nhân giữ chức vụ công cộng hiện đang bị xét xử, đang ở tù hoặc đã bỏ trốn. Như Tài liệu Aparecida nói: “Cũng báo động tương tự là mức độ tham nhũng trong các nền kinh tế, bao gồm các khu vực công và tư, gia trọng bởi sự thiếu minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với toàn thể công dân. Tham nhũng thường liên kết với tai họa buôn bán ma túy hoặc các doanh nghiệp ma túy được tài trợ là những doanh nghiệp thực sự đang phá hủy cơ cấu kinh tế

và xã hội trong toàn bộ khu vực” (DAP. 70).

*Một tai họa đạo đức thuộc cơ cấu*

82. Một nền văn hóa được tạo ra như thế để đầu độc nhà nước và các định chế của nó, thậm chí cả mọi tầng lớp xã hội, kể cả các cộng đồng bản địa. Đây thực sự là một tai họa đạo đức; kết quả là, niềm tin vào các định chế và đại diện của nó bị mất đi, chính trị và các tổ chức xã hội hoàn toàn mất uy tín. Các dân tộc Amazon không xa lạ gì với tham nhũng, và họ trở thành nạn nhân chính của nó.

### **Các gợi ý**

83. Xét vì rõ ràng thiếu các phương tiện kinh tế của các Giáo hội đặc thù ở Amazon, cần đặc biệt chú ý đến nguồn gốc của các quyền góp hoặc các loại phúc lợi khác, cũng như các khoản đầu tư của các định chế giáo hội hoặc Kitô giáo. Các Hội đồng Giám mục có thể cung cấp một dịch vụ tư vấn và đồng hành, tham vấn và cổ vũ các chiến lược chung khi đối diện với tham nhũng tràn lan và cũng để giải quyết nhu cầu tạo ra và đầu tư các nguồn lực để hỗ trợ công việc mục vụ. Một phân tích cẩn thận là điều cần thiết khi đối đầu với việc buôn bán ma túy.

a) Chuẩn bị hàng giáo sĩ đúng cách để đối đầu với sự phức tạp, tinh tế và trầm trọng của các vấn đề cấp bách liên kết với tham nhũng và thi hành quyền lực.

b) Cổ vũ nền văn hóa trung thực và tôn trọng người khác và lợi ích chung.

c) Đồng hành, cổ vũ và huấn luyện giáo dân, để họ hiện diện công khai và có ý nghĩa trong chính trị, kinh tế, đời sống học thuật và mọi hình thức lãnh đạo (xem DAP. 406).

d) Đồng hành cùng người dân trong cuộc tranh đấu của họ để chăm sóc các lãnh thổ của họ và tôn trọng quyền lợi của họ.

e) Điều tra cách tạo ra tiền bạc và cách đầu tư trong Giáo hội, vượt qua sự ngây thơ về vấn đề này qua một hệ thống quản trị và kiểm toán cộng đồng, lưu ý đến các quy tắc hiện hành của giáo hội.

f) Thiết lập các hình thức hùn hạp (partnership) của Giáo hội với các thực thể khác trong các sáng kiến đòi hỏi các công ty chịu trách nhiệm đối với các tác động xã hội - sinh thái trong hành động của họ, phù hợp với các thông số pháp lý của chính các quốc gia.

### **Chương VII: Vấn Đề Sức Khỏe Toàn Diện**

*“Nước này chảy về miền đất phía đông, xuống vùng Arava, rồi đổ ra biển Chết và làm cho nước biển hoá lành ... Trái dùng làm lương thực còn lá để làm thuốc” (Edk 47: 8,12).*

*Sức khỏe ở Amazon*

88. Khu vực Amazon ngày nay chứa đựng sự đa dạng lớn nhất của hệ thực vật và động vật trên thế giới, và dân số bản địa của nó có một ý thức toàn diện về sự sống không bị ô nhiễm bởi chủ nghĩa duy vật kinh tế. Amazon là một lãnh thổ lành mạnh trong lịch sử lâu dài và sinh hoa trái của nó, mặc dù không thiếu bệnh tật. Tuy nhiên, với tính di động của người dân,

với sự xâm lấn không kiểm soát của các ngành kỹ nghệ gây ô nhiễm, với các điều kiện biến đổi khí hậu, và trước sự thờ ơ của các cơ quan y tế công cộng, nhiều bệnh mới đã xuất hiện và các bệnh lý đã xuất hiện trở lại. Mô hình phát triển tập trung hoàn toàn vào khai thác kinh tế rừng, khai thác mỏ và sự phong phú *hydrocarbon* của Toàn Vùng Amazon ảnh hưởng đến sức khỏe của các sinh quần Amazon, cộng đồng của họ và toàn bộ hành tinh! Thiệt hại không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất mà còn cả văn hóa và linh đạo của người dân: nó gây thiệt hại tới “sức khỏe toàn diện” của họ. Người dân Amazon có quyền có sức khỏe và “sống khỏe mạnh”, có nghĩa là hài hòa với “những gì Mẹ Đất cung ứng cho chúng ta” [42].



### *Đánh giá và phát triển các loại thuốc truyền thống*

85. Đáp lại “nền văn hóa vứt bỏ” (xem LS 22), các môn đệ của Chúa Kitô được kêu gọi cổ vũ nền văn hóa chăm sóc và sức khỏe. Do đó, cam kết chăm sóc sức khỏe đòi hỏi các thay đổi khẩn cấp trong lối sống bản thân và trong các cơ cấu.

86. Sự phong phú của hệ thực vật và động vật của rừng nhiệt đới chứa “dược điển (pharmacopoeias) sống động” chân chính và các nguyên tắc di truyền chưa được khám phá. Nạn phá rừng ở Amazon sẽ ngăn chúng ta chia sẻ những phong phú như vậy, làm nghèo nàn các thế hệ tương lai. Hiện tại, tỷ lệ tuyệt chủng của các loài ở Amazon do các hoạt động của con người lớn hơn hàng ngàn lần so với các diễn trình tự nhiên. Cách duy nhất để bảo tồn sự phong phú này là chăm sóc lãnh thổ và rừng nhiệt đới Amazon và trao quyền cho người dân và công dân bản địa.

87. Các nghi thức và nghi lễ bản địa rất chủ yếu đối với sức khỏe toàn diện vì chúng tích hợp các chu kỳ khác nhau của sự sống con người và thiên nhiên. Chúng tạo ra sự hài hòa và cân

bằng giữa con người và vũ trụ. Chúng bảo vệ sự sống khỏi những tội ác có thể gây ra bởi cả con người lẫn các sinh vật khác. Chúng giúp chữa các bệnh gây hại cho môi trường, sự sống con người và các sinh vật khác.

### **Các gợi ý**

88. Chăm sóc sức khỏe của các cư dân bao gồm kiến thức chi tiết về cây thuốc và các yếu tố truyền thống khác vốn là thành phần của diễn trình chữa bệnh. Để đạt mục tiêu này, người dân bản địa dựa vào những người, trong suốt cuộc đời của họ, chuyên quan sát thiên nhiên và lắng nghe cùng thu thập kiến thức của người cao niên, đặc biệt là phụ nữ. Nhưng vì ô nhiễm môi trường, cả thiên nhiên lẫn cơ thể của người dân ở Amazon đang xấu đi. Việc tiếp xúc với các yếu tố độc hại mới như thủy ngân làm cho các bệnh mới xuất hiện mà cho đến nay, các thầy lang cao tuổi chưa biết đến. Tất cả những điều này đặt túi khôn của tổ tiên vào nguy cơ. Đó là lý do tại sao các câu trả lời cho Tài liệu Chuẩn bị nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo tồn và truyền đạt kiến thức về y học cổ truyền [43]. Có đề nghị cho rằng phải giúp các dân tộc của Amazon duy trì, phục hồi, hệ thống hóa và phổ biến kiến thức này để củng cố sức khỏe toàn diện.

89. Đương đầu với những căn bệnh mới này, cư dân buộc phải mua thuốc từ các công ty dược phẩm sử dụng cùng loại cây cỏ từ Amazon. Sau khi được tung ra thị trường, các loại thuốc này nằm ngoài khả năng tài chính của họ vì những lý do bao gồm bằng sáng chế thuốc và giá quá cao. Do đó, có đề nghị phải coi trọng y học cổ truyền, sự khôn ngoan của người cao niên và các nghi thức bản địa, và đồng thời tạo điều kiện để tiếp cận với các loại thuốc chữa các bệnh mới.

90. Nhưng không phải chỉ có dược liệu và thuốc hỗ trợ chữa bệnh. Nước và không khí sạch, và thực phẩm lành mạnh, trái cây của chính họ trồng trọt, hái lượm, săn bắn và đánh cá, đều là các điều kiện cần thiết cho sức khỏe toàn diện của các dân tộc bản địa [44]. Do đó, có đề nghị yêu cầu các chính phủ ra qui định nghiêm ngặt cho các ngành kỹ nghệ và tố cáo những kỹ nghệ làm ô nhiễm môi trường. Mặt khác, có đề nghị phải tạo ra các không gian để tương tác và đồng hành giáo dục để phục hồi các thói quen “sống tốt”, nhờ thế, tạo ra một nền văn hóa chăm sóc và phòng ngừa.

91. Cuối cùng, có đề nghị phải đánh giá các cơ cấu y tế của Giáo hội, như các bệnh viện và trung tâm y tế, về mặt sức khỏe toàn diện sẵn sàng có đó cho mọi cư dân vốn cậy nhờ y học cổ truyền như một thành phần trong các chương trình sức khỏe của họ.

### **Chương VIII: Giáo dục toàn diện**





*“Những người trẻ chúng tôi đã và đang đánh mất bản sắc văn hóa và ngôn ngữ của chúng tôi nói riêng. Chúng tôi quên rằng chúng tôi có nguồn gốc của mình, rằng chúng tôi thuộc về một dân tộc nguyên thủy và chúng tôi đang để bản thân mình bị kỹ nghệ kéo đi. Không phải là điều tệ hại khi đi bằng cả hai chân, vừa biết hiện đại vừa chăm sóc truyền thống. Luôn luôn ở nơi bạn có cả hai thứ này hiện diện, ghi nhớ nguồn gốc của bạn, nơi bạn phát xuất và đừng quên đi” (Slendy Grefa, Doc. Consulta, Ecuador)*

*Một Giáo hội Đồng nghị: Trò và Thầy*

92. Thông qua việc lắng nghe hỗ trợ các dân tộc và thiên nhiên, Giáo hội biến thành một Giáo hội đi ra ngoài cả về phương diện địa lý lẫn cơ cấu, và một Giáo hội là chị em và môn đệ thông qua tính Đồng nghị (synodality). Đây là điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nói rõ trong Tông Hiến *Episcopalis Communio*: “Do đó, Giám mục vừa là thầy vừa là trò ... Ngài là trò khi, nhờ biết rằng Chúa Thánh Thần đã được ban cho mọi người đã được rửa tội, ngài lắng nghe tiếng Chúa Kitô nói qua toàn thể dân Chúa” (EC 5). Chính Đức Phanxicô đã trở thành học trò ở Puerto Maldonado bằng cách bày tỏ sự sẵn lòng lắng nghe tiếng nói của Amazon.

*Giáo dục như một cuộc gặp gỡ*

93. Giáo dục hàm ý một cuộc gặp gỡ và trao đổi trong đó các giá trị được thẩm hóa. Mỗi nền văn hóa đều giàu và nghèo cùng một lúc. Vì có tính lịch sử, văn hóa luôn có một chiều kích sự phạm học tập và cải tiến. “Khi các phạm trù nào đó của lý trí và khoa học được tiếp nhận vào việc công bố sứ điệp, các phạm trù này sẽ trở thành công cụ truyền giảng Tin Mừng; nước được đổi thành rượu. Bất cứ điều gì được tiếp nhận không chỉ được cứu chuộc, mà còn trở thành một công cụ của Chúa Thánh Thần để khai sáng và làm mới thế giới” (EG 132). Cuộc gặp gỡ “là việc mở lòng ra làm thành khả hữu sự gần gũi đó” (EG 171) của Chúa Thánh Thần, một sự gần gũi có thể dẫn đến nhiều học hỏi đa dạng.

94. Nền giáo dục này, một nền giáo dục phát triển qua sự gặp gỡ, khác với nền giáo dục tìm cách áp đặt lên người khác (và đặc biệt là người nghèo và dễ bị tổn thương) chính các thể giới quan vốn là chính nguyên nhân gây ra sự nghèo đói và dễ bị tổn thương của họ. Giáo dục ở Amazon không có nghĩa là áp đặt các thông số văn hóa, triết học, thần học, phụng vụ và các phong tục xa lạ lên các dân tộc Amazon. Ngày nay, “một số người chỉ đơn giản tự hài lòng với việc đổ lỗi cho người nghèo và các nước nghèo hơn vì đã gây rắc rối cho họ; tự cho phép mình tổng quát hóa không chính đáng, họ cho rằng giải pháp là một nền ‘giáo dục’ làm cho họ trầm lắng, khiến họ thuần hóa và vô hại” (EG 60). “Để đáp lại, chúng ta cần cung cấp một nền giáo dục dạy suy tư có phê phán và khuyến khích sự phát triển các giá trị đạo đức trưởng thành” (EG 64), một nền giáo dục cởi mở đối với tính liên văn hóa.

*Giáo dục trong một hệ sinh thái toàn diện*

95. Thế giới quan của các dân tộc bản địa Amazon bao gồm lời kêu gọi tự giải thoát khỏi một tầm nhìn rời rạc về thực tại, không có khả năng tri nhận các nối kết đa dạng, các liên hệ lẫn nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Giáo dục trong một hệ sinh thái toàn diện bao gồm mọi mối liên hệ cấu thành của các cá nhân và các dân tộc. Để hiểu viên kiến giáo dục này, điều đáng làm là áp dụng cùng một nguyên tắc như trong vấn đề sức khỏe: mục tiêu là quan sát toàn bộ cơ thể và các nguyên nhân gây bệnh chứ không chỉ các triệu chứng mà thôi. Một hệ sinh thái lâu

bền cho các thế hệ tương lai “không thể bị giản lược thành một loạt các giải đáp khẩn cấp và phiên diện cho các vấn đề tức thời như ô nhiễm, suy thoái môi trường và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Cần phải có một cách nhìn sự vật khác biệt, cách suy nghĩ, các chính sách, một chương trình giáo dục...” (LS 111). Một nền giáo dục chỉ dựa trên các giải pháp kỹ thuật cho các vấn đề môi trường phức tạp đã che giấu “các vấn đề thực sự và sâu sắc nhất của hệ thống hoàn cầu” (LS 111).

96. Như thế, đây là một nền giáo dục về sự liên đới phát sinh từ việc “ý thức được nguồn gốc chung của chúng ta” và “tương lai chung của mọi người” (LS 202). Các dân tộc bản địa có một phương pháp dạy-học dựa trên truyền thống truyền khẩu và thực hành kinh nghiệm với một diễn trình sự phạm được bối cảnh hóa trong từng giai đoạn. Thách thức là tích hợp phương pháp này trong cuộc đối thoại với các đề xuất giáo dục khác. Điều này đòi hỏi “một cuộc phát triển một nền đạo đức sinh thái và giúp người ta, qua nền sự phạm hữu hiệu, phát triển trong tinh liên đới, trách nhiệm và chăm sóc cảm thương” (LS 210). Amazon mời chúng ta khám phá ra nhiệm vụ giáo dục như một dịch vụ toàn diện đối với toàn nhân loại nhằm một nền công dân có tinh thần sinh thái” (LS 211).

97. Giáo dục như vậy kết hợp cam kết chăm sóc trái đất với cam kết đối với người nghèo, và kích thích thái độ điều độ và tôn trọng mang ra sống qua “lối sống đơn giản có trách nhiệm, trong chiêm niệm một cách biết ơn thế giới của Thiên Chúa và quan tâm đến các nhu cầu của người nghèo và bảo vệ môi trường” (LS 214). Nền giáo dục như vậy “phải được diễn dịch thành các thói quen mới” (LS 209) lưu ý đến các giá trị văn hóa. Giáo dục, theo quan điểm sinh thái và Amazon, cổ vũ việc ‘sống tốt’, việc ‘sống tốt với nhau’ và ‘các hành động tốt’; các điều này phải có thể tri nhận được và bền bỉ để có tác động đáng kể đối với ngôi nhà chung của chúng ta.

### **Các gợi ý**

98. Các điều sau đây đã được gợi ý:

a) Đào tạo các tác nhân mục vụ giáo dân trưởng thành để giúp họ phát triển về tinh thần trách nhiệm và óc sáng tạo.

b) Đào tạo các thừa tác viên được phong chức:

1. Các kế hoạch đào tạo phải phản ánh một nền văn hóa thần và triết học thích nghi với các nền văn hóa của Amazon, có khả năng được hiểu rõ và do đó nuôi dưỡng được đời sống Kitô hữu. Nền thần học và sinh thái học bản địa nên được tích hợp vì chính lý do này: điều này sẽ chuẩn bị cho họ biết lắng nghe và mở ra cuộc đối thoại trong đó việc truyền giảng Tin Mừng diễn ra.

2. Có đề nghị cải cách các cơ cấu chủng viện để tạo điều kiện cho việc tích nhập các ứng cử viên chức linh mục trong cộng đồng.

c) Các trung tâm đào tạo:

1. Các trường học: các kế hoạch giáo dục cần thiết để tập chú vào nền giáo dục có thể phản ánh nền văn hóa của chính người ta và tôn trọng ngôn ngữ bản địa, một nền giáo dục toàn diện tương ứng với thực tại của chính người ta, để đối phó với tình trạng bỏ học và mù chữ, đặc biệt là nơi phụ nữ.

2. Đại học: cần cố vũ không những định hướng liên khoa mà còn giải quyết các vấn đề theo cách thức liên khoa, nghĩa là, ủng hộ một cách tiếp cận có thể khôi phục sự thống nhất trong đa dạng đối với kiến thức con người, dọc theo đường hướng nghiên cứu một hệ sinh thái toàn diện theo lời mở đầu của Tông Hiến *Veritatis Gaudium*.

3. Việc giảng dạy nền thần học bản địa Toàn-Amazon được yêu cầu trong mọi định chế giáo dục.

d) Nền thần học thổ dân vùng Amazon:

1. Điều đáng ước ao là làm sâu sắc hơn nền thần học thổ dân của người Amazon hiện nay, một điều sẽ giúp hiểu rõ hơn và nhiều hơn về nền linh đạo bản địa và do đó tránh phạm các sai lầm lịch sử từng xúc phạm nền văn hóa nguyên thủy.

2. Chẳng hạn, có yêu cầu phải lưu ý đến các huyền thoại, truyền thống, biểu tượng, kiến thức, nghi thức và các cử hành nguyên thủy, những điều vốn bao gồm các chiều kích siêu việt, cộng đồng và sinh thái.

## **Chương IX: Hoán cải sinh thái**

*"Vì vậy, điều mọi người cần là một sự hoán cải sinh thái, nhờ đó, các hiệu quả của việc họ gặp gỡ Chúa Giêsu Kitô trở nên rõ ràng trong mối liên hệ của họ với thế giới xung quanh"* (LS 217).

*Chúa Kitô kêu gọi chúng ta hoán cải* (x. Mc 1:15)

99. Một khía cạnh căn bản của gốc rễ tội lỗi con người là tách mình ra khỏi thiên nhiên và không nhìn nhận nó như một phần của con người và khai thác thiên nhiên không giới hạn, do đó phá vỡ giao ước nguyên thủy với sáng thể và với Thiên Chúa (St 3: 5). "Sự hài hòa giữa Tạo hóa, nhân loại và sáng thể như một toàn bộ đã bị phá vỡ bởi sự cao ngạo của chúng ta muốn thay thế Thiên Chúa và từ chối thừa nhận các hạn chế trong thân phận tạo vật của chúng ta" (LS 66).

Sau các gián đoạn do tội lỗi và trận lụt hoàn cầu, Thiên Chúa lập lại giao ước với chính con người và với sáng thể (St 9: 9-17), kêu gọi loài người chăm sóc nó.

100. Sự hòa giải với sáng thể mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô mời gọi chúng ta (xem LS 218) trước nhất hàm ý chúng ta phải vượt qua sự thụ động - như thái độ thụ động của Vua David từ chối nhận sứ mệnh của mình (x. 2 Sm 11: 1). Diễn trình phạm tội của Vua David bắt đầu với việc đích thân bỏ sót (ngài ở lại cung điện của mình khi quân đội xông pha ngoài chiến trận) và sau đó mang hình thức tích cực vi phạm các hành vi đáng trách dưới con mắt Thiên Chúa (ngoại tình, nói dối và giết người) liên quan đến những người khác, tạo ra một mạng lưới đồng lõa (2 Sm 11: 3-25). Tương tự như vậy, Giáo hội có thể bị cám dỗ cứ mãi khép kín trong chính mình, từ bỏ sứ mệnh loan báo Tin Mừng và làm cho Nước Thiên Chúa hiện diện. Trái lại, một Giáo hội hướng ngoại là một giáo hội đối đầu với tội lỗi của thế giới này mà mình không hề xa lạ (x. EG 20-24). Tội lỗi này, như thánh Gioan Phaolô II đã nói, không chỉ mang tính bản thân mà còn có tính xã hội và cơ cấu nữa (Xem RP 16; SRS 36; SD 243; DAp. 92). "Mọi sự đều được nối kết", Đức Phanxicô vốn cho biết (LS 138); "một khi con người tuyên bố độc lập khỏi thực tại và hành xử một cách thống trị tuyệt đối, thì chính các nền tảng

của cuộc sống chúng ta bắt đầu sụp đổ” (LS 117). Chúa Kitô cứu chuộc toàn bộ sáng thể vốn bị nhân loại quy phục vào tội lỗi (Rm 8: 19-22).

### *Hoán cải toàn diện*

101. Do đó, hoán cải cũng phải có cùng những bình diện cụ thể: bản thân, xã hội và cơ cấu, lưu ý các khía cạnh khác nhau của tính tương quan. Đó là “một sự hoán cải bản thân toàn diện” xuất phát từ trái tim và mở ra “một sự hoán cải cộng đồng” nhìn nhận các liên kết xã hội và môi trường của nó, nghĩa là, một “hoán cải sinh thái” (xem LS 216-221). Việc hoán cải này ngụ ý nhìn nhận sự đồng lõa của bản thân và xã hội trong các cơ cấu tội lỗi, vạch mặt những ý thức hệ chuyên biện minh cho một lối sống tấn công sáng thể. Chúng ta thường nghe những câu chuyện nhằm biện minh cho hành động phá hoại của các nhóm quyền lực chuyên khai thác thiên nhiên, thống trị cư dân của nó một cách chuyên chế (x. LS 56, 200) và phớt lờ tiếng khóc đau đớn của trái đất và của người nghèo (x. LS 49).

### *Hoán cải Giáo Hội ở Amazon*

102. Diễn trình hoán cải mà Giáo hội được kêu gọi thực hiện liên quan đến việc học bỏ (unlearning), học hỏi và học lại. Con đường này đòi một sự quan tâm phê phán và tự phê giúp chúng ta xác định được điều chúng ta cần phải học bỏ, điều gây hại cho ngôi nhà chung của chúng ta và cư dân của nó. Chúng ta cần thực hiện một hành trình nội tâm để tìm ra thái độ và não trạng ngăn cản chúng ta nối kết với chính mình, với người khác và với thiên nhiên. Như Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI đã nói, “các sa mạc bên ngoài trên thế giới đang phát triển, vì các sa mạc bên trong đã trở nên quá rộng lớn” [45]. Diễn trình này tiếp diễn khi người ta bắt đầu thán phục túi khôn của các dân tộc bản địa. Cuộc sống hàng ngày của họ cho chúng ta nhiều chứng từ cho thấy họ từng chiêm niệm, chăm sóc và liên hệ với thiên nhiên. Họ dạy chúng ta nhận ra chính mình như một phần của sinh quần và như những người đồng trách nhiệm cho việc chăm sóc nó trong hiện tại và tương lai. Do đó, chúng ta phải học lại cách dệt các mối dây nhằm nối kết mọi chiều kích của cuộc sống và thực hiện một cuộc khổ hạnh bản thân và cộng đồng giúp chúng ta “vun sợi một cuộc sống điều độ và thỏa mãn” (LS 225).

103. Hoán cải được trình bày trong Sách Thánh như một chuyển động từ tội lỗi bước sang tình bạn với Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô; đó là lý do tại sao nó thuộc về tiến trình đức tin (Mc 1:15). Nhìn vào thực tại của Amazon bằng con mắt đức tin giúp chúng ta đánh giá cao công việc của Thiên Chúa trong sáng thể và các dân tộc của nó, nhưng chúng ta cũng thấy sự hiện diện của cái ác ở nhiều bình diện khác nhau: chủ nghĩa thực dân (thống trị), một não trạng duy kinh tế - duy thương mại, chủ nghĩa duy tiêu thụ, chủ nghĩa duy cá nhân, kỹ trị, văn hóa vứt bỏ.

- Một não trạng đã được phát biểu trong lịch sử trong một hệ thống thống trị lãnh thổ, chính trị, kinh tế và văn hóa vẫn tồn tại cho đến ngày nay theo nhiều cách khác nhau nhằm kéo dài chủ nghĩa thực dân.
- Một nền kinh tế chỉ độc nhất dựa vào lợi nhuận như mục tiêu duy nhất của nó, loại trừ và chà đạp lên kẻ yếu nhất và lên thiên nhiên, tạo thành một ngẫu thần gieo rắc hủy diệt và chết chóc (x. EG 53-56).
- Một não trạng thực dụng quan niệm thiên nhiên như một nguồn tài nguyên đơn thuần và con người như những người sản xuất- tiêu dùng đơn thuần, xóa bỏ giá trị nội tại và đặc tính tương quan của tạo vật.

- “Chủ nghĩa duy cá nhân làm suy yếu các dây nối kết cộng đồng” (DAp. 44), làm lu mờ trách nhiệm đối với người hàng xóm, cộng đồng và thiên nhiên của ta.
- Sự phát triển kỹ thuật đã mang lại nhiều lợi ích to lớn cho nhân loại, nhưng nó cũng đã trở thành một tuyệt đối và một công cụ để sở hữu, thống trị và thao túng (xem LS 106) thiên nhiên và con người. Tất cả những điều này tạo ra một nền văn hóa hoàn cầu chiếm ưu thế mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã gọi là “mô hình kỹ trị” (LS 109).
- Kết quả là sự mất đi một chân trời siêu việt và nhân đạo và sự tràn lan của luận lý học “sử dụng rồi vứt đi” (LS 123), tạo ra “một nền văn hóa vứt bỏ” (LS 22) tấn công chính sáng thế.

### Các gợi ý

104. Đã có các gợi ý sau đây:

- Vạch mặt các hình thức mới của chủ nghĩa thực dân hiện diện ở Amazon.
- Nhận diện và phân tích có phê phán các ý thức hệ mới chuyên biện minh cho nạn diệt chủng ở Amazon.
- Tổ cáo các cơ cấu tội lỗi tại nơi làm việc trong lãnh thổ Amazon.
- Nhận diện các lý do mà chúng ta thường dùng để biện minh cho sự tham gia của chúng ta vào các cơ cấu tội lỗi để phân tích chúng một cách có phê phán.
- Ủng hộ một giáo hội như một định chế phục vụ (chứ không phải một định chế tự qui chiếu vào chính mình) biết chia sẻ trách nhiệm chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta và bảo vệ các quyền của các dân tộc.
- Cổ vũ các thị trường liên đới sinh thái (eco-solidarity), tiêu thụ hợp tình hợp lý và “điều độ hạnh phúc” (LS 224, 225) biết tôn trọng thiên nhiên và các quyền lợi của người lao động. “Mua hàng luôn luôn là một hành động đạo đức – chứ không chỉ đơn giản kinh tế” (CV 66; LS 206).
- Cổ vũ thói quen về tác phong, sản xuất và tiêu thụ, tái chế biến và tái sử dụng chất thải.
- Cứu các huyền thoại và cập nhật các nghi thức và cử hành cộng đồng có khả năng góp phần đáng kể vào diễn trình hoán cải sinh thái.
- Cảm ơn các dân tộc bản địa đã chăm sóc lãnh thổ suốt thời gian qua và nhận ra trong đó túi khôn tổ tiên từng tạo cơ sở cho cách hiểu tốt đẹp về sinh thái toàn diện.
- Tạo nên các hành trình mục vụ hữu cơ trên cơ sở nền sinh thái toàn diện để bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta, với sự hướng dẫn của chương 5 và 6 trong thông điệp *Laudato Si'*.
- Giáo hội địa phương chính thức công nhận thừa tác vụ đặc biệt của các tác nhân mục vụ, nhằm cổ vũ việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta.

### PHẦN III: MỘT GIÁO HỘI TIÊN TRI TẠI AMAZON: CÁC THÁCH THỨC VÀ HY VỌNG

*“Phải chi toàn dân của Chúa đều được làm tiên tri! Ước chi Chúa ban Thần khí của Người xuống trên họ” (Ds 11:29)*

105. Việc tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô và việc được gặp gỡ sâu sắc với Người qua hoán cải và kinh nghiệm đức tin giả định một Giáo hội biết chào đón và có tinh thần truyền giáo được nhập thể vào các nền văn hóa. Giáo Hội này phải lưu ý các bước đã thực hiện để đáp ứng các chủ đề đầy thách thức về tính trung tâm của sứ điệp sơ truyền (kerygma) và của sứ mệnh trong khu vực Amazon. Mô hình này của hành động Giáo Hội truyền cảm hứng cho các thừa tác vụ, giáo lý, phụng vụ và thừa tác mục vụ xã hội ở cả nông thôn lẫn thành thị.

106. Những nẻo đường mới cho thừa tác mục vụ ở Amazon đòi hỏi “phải tái phát động ... một cách trung thành và táo bạo” sứ mệnh của Giáo Hội (Dap. 11) tại lãnh thổ và làm sâu sắc thêm “diễn trình hội nhập văn hóa” (EG 126) và tính liên văn hóa (x. LS 63, 143, 146). Điều này đòi hỏi những đề xuất “mạnh bạo” của Giáo hội tại Amazon; ngược lại, Giáo Hội này giả thiết phải có can đảm và đam mê, như Đức Giáo Hoàng Phanxicô yêu cầu chúng ta. Truyền giảng Tin Mừng tại Amazon là một tập hợp các thử nghiệm cho Giáo hội và cho xã hội [46].



#### Chương I: Một Giáo Hội với khuôn mặt Amazon và truyền giáo

*“Hãy để khuôn mặt Ngài tỏa sáng trên tôi tớ Ngài” (Tv 31 [30]: 17)*

*Một khuôn mặt biểu cảm phong phú*

107. Bộ mặt Amazon của Giáo hội được biểu lộ rõ qua sự đa dạng của các dân tộc, nền văn hóa và hệ sinh thái của nó. Sự đa dạng này đòi hỏi Giáo hội phải quyết định trở thành một Giáo hội đi ra ngoài và truyền giáo, được nhập thể vào mọi hoạt động, cách diễn đạt và ngôn ngữ của nó. Các Giám mục ở Santo Domingo đề nghị với chúng ta mục tiêu của một việc truyền giảng Tin Mừng hội nhập văn hóa “sẽ luôn là sự cứu rỗi và giải thoát toàn diện một dân tộc hoặc một nhóm người đặc thù; nó cũng sẽ củng cố bản sắc và niềm tin của họ vào tương lai chuyên biệt, chống lại quyền lực sự chết” (DSD, Kết luận 243). Và Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã phát biểu rõ ràng nhu cầu phải có một Giáo hội hội nhập văn hóa và liên văn hóa này: “chúng ta cần các dân tộc bản địa lên khuôn nền văn hóa của các Giáo hội địa phương ở Amazon” (Fr.PM).

108. Sự hòa nhập và tính liên văn hóa không đối nghịch lẫn nhau; chúng bổ túc cho nhau. Như Chúa Giêsu nhập thể vào một nền văn hóa đặc thù (hội nhập văn hóa) thế nào, các môn đệ truyền giáo của Người cũng dần bước theo chân Người như vậy. Vì lý do này, các Kitô hữu từ một nền văn hóa này đi ra ngoài để gặp gỡ những người từ các nền văn hóa khác (tính liên văn hóa). Điều này xảy ra từ buổi đầu của Giáo hội khi các Tông đồ người Do Thái mang Tin mừng đến các nền văn hóa khác nhau, chẳng hạn như văn hóa Hy Lạp, phát hiện ở đó “nhiều hạt giống của Lời Chúa” [47]. Những nẻo đường mới của Chúa Thánh Thần xuất hiện từ cuộc gặp gỡ và đối thoại ấy giữa các nền văn hóa. Ngày nay, trong cuộc gặp gỡ và đối thoại với các nền văn hóa Amazon, Giáo hội tiếp tục tìm kiếm những nẻo đường mới.

109. Theo Tài liệu Aparecida, việc ưu tiên chọn người nghèo là tiêu chuẩn giải thích để phân tích các đề nghị xây dựng xã hội (501, 537, 474, 475) và tiêu chuẩn để Giáo hội tự hiệu chỉnh mình. Đây cũng là một trong những đặc điểm theo qui luật tự nhiên rất đặc trưng cho Giáo hội Châu Mỹ Latinh và vùng Caribbean (391, 524, 533) và mọi cơ cấu của nó, từ giáo xứ đến các trung tâm giáo dục và xã hội (176, 179, 199, 334, 337, 338, 446, 550). Khuôn mặt Amazon là khuôn mặt của một Giáo hội với việc rõ ràng lựa chọn người nghèo (và với người nghèo) [48] và sự chăm sóc sáng thế. Từ người nghèo, và từ thái độ chăm sóc của cải Thiên Chúa ban, những nẻo đường mới được mở ra cho Giáo hội địa phương và từ đó hướng tới Giáo hội hoàn vũ.

*Một khuôn mặt địa phương với chiều kích hoàn vũ*

110. Một Giáo Hội với khuôn mặt Amazon cố gắng trở thành một Giáo Hội “đi ra ngoài” (EG 20-23), bác bỏ truyền thống chỉ có một nền văn hóa, giáo sĩ trị và thực dân tự áp đặt lên chính mình, và biết cách biện phân và không sợ hãi ủng hộ các biểu thức văn hóa đa dạng của các dân tộc. Khuôn mặt này cảnh cáo rằng quả thật là nguy hiểm “khi chúng ta phải thốt ra một thông điệp thống nhất và đưa ra một giải pháp có giá trị phổ quát” (x. OA 4; EG 184). Chắc chắn thực tại xã hội văn hóa phức tạp, đa nguyên, mâu thuẫn và mờ đục ngăn cản việc áp dụng “một bộ học thuyết độc khối được bảo vệ bởi mọi người và không chừa chỗ nào cho các sắc thái” (EG 40). Do đó, tính phổ quát hay Công Giáo của Giáo hội được làm phong phú “bởi vẻ đẹp trên khuôn mặt đa dạng của Giáo hội” (NMI 40) trên đó các biểu hiện khác nhau của các giáo hội đặc thù và các nền văn hóa của họ tạo nên một Giáo hội đa diện (xem EG 236).

*Một khuôn mặt thách thức đối đầu với các bất công*

111. Lên khuôn một Giáo hội với khuôn mặt Amazon bao gồm một chiều kích giáo hội, xã hội, sinh thái và mục vụ, thường xung đột nhau. Thực thể, tổ chức chính trị và pháp lý không



phải lúc nào cũng lưu ý đến bộ mặt văn hóa của nền công lý riêng của các dân tộc và định chế của họ. Giáo hội không xa lạ gì với sự căng thẳng này. Đôi khi nó có xu hướng áp đặt một nền văn hóa xa lạ đối với Amazon khiến chúng ta không thể hiểu được các dân tộc của nó và đánh giá được thế giới quan của họ.

112. Thực tại của các giáo hội địa phương đòi một Giáo hội biết tham gia tự làm cho mình hiện diện trong đời sống xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa và sinh thái của cư dân; một Giáo hội biết chào đón hiếu khách đối với sự đa dạng văn hóa, xã hội và sinh thái để có thể phục vụ các cá nhân hoặc các nhóm mà không kỳ thị; một Giáo hội có óc sáng tạo biết đồng hành cùng người dân của mình trong việc đưa ra các đáp ứng cho những nhu cầu mới mẻ; và một Giáo hội hòa hợp biết phát huy các giá trị hòa bình, thương xót và hiệp thông.

### *Một khuôn mặt hội nhập văn hóa và truyền giáo*

113. Sự đa dạng về văn hóa đòi hỏi một sự nhập thể mạnh mẽ hơn để đón nhận những cách sống và các nền văn hóa khác nhau. “Nguyên tắc nhập thể được Thánh Irênê phát biểu vẫn còn hiệu lực trong trật tự mục vụ: ‘Điều gì không được tiếp nhận thì không được cứu chuộc’”[49]. Những thúc đẩy và cảm hứng quan trọng cho việc hội nhập văn hóa hằng mong muốn này được tìm thấy trong huấn quyền Giáo hội và trong tiến trình của các Hội đồng Giám mục của Giáo Hội Châu Mỹ Latinh (Medellín, 1968, Puebla, 1979, Santo Domingo, 1992, Aparecida, 2007), của các cộng đồng, các vị thánh và các vị tử đạo của nó [50]. Một thực tại quan trọng của diễn trình này là sự xuất hiện của nền thần học Mỹ Latinh, nhất là nền thần học Thổ dân.

114. Xây dựng một Giáo hội truyền giáo với khuôn mặt địa phương có nghĩa là tiên bộ trong việc xây dựng một Giáo hội hội nhập văn hóa, biết cách làm việc và ăn khớp (như các dòng sông trong lưu vực sông Amazon) với những gì có sẵn về mặt văn hóa, trong mọi lĩnh vực nơi nó hiện diện và hoạt động. “Làm Giáo Hội có nghĩa làm dân Thiên Chúa” (EG 114), được nhập thể “vào các dân tộc trên trái đất” và vào nền văn hóa của họ (EG 115).

## **Chương II: Những thách thức của việc hội nhập văn hóa và tính liên văn hóa [51]**

*“Trong sự đa dạng của các dân tộc đang trải nghiệm ơn phúc của Thiên Chúa, mỗi dân tộc theo văn hóa riêng của mình, Giáo hội phát biểu tính Công Giáo chân chính của mình và cho thấy ‘vẻ đẹp khuôn mặt đa dạng của mình’” (EG 116).*

### *Trên nẻo đường dẫn đến một Giáo Hội với khuôn mặt Amazon và bản địa*

115. Sứ mệnh của Giáo hội là loan báo Tin Mừng của Chúa Giêsu thành Nadarét, Người Samaria nhân hậu (Lc 10: 25-36), Đấng có lòng cảm thương đối với nhân loại bị thương và bị bỏ rơi. Giáo hội công bố mầu nhiệm sự chết và sự phục sinh của Người cho mọi nền văn hóa và mọi dân tộc, rửa tội cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần (Mt 28:19). Theo gương của Thánh Phaolô, người đã muốn trở thành người Hy Lạp với người Hy Lạp, cố gắng tự thích nghi: “để giành chiến thắng càng nhiều càng tốt ... Tôi đã trở thành mọi mọi thứ cho mọi người (xem 1 Cr 9: 19- 22), Giáo hội đã làm một cố gắng lớn để truyền giảng Tin Mừng cho mọi dân tộc trong suốt lịch sử. Giáo Hội đã cố gắng thi hành mệnh lệnh truyền giáo này bằng cách nhập thân và phiên dịch sứ điệp Tin Mừng trong các nền văn hóa khác nhau, giữa những khó khăn đủ loại - chính trị, văn hóa, địa lý. Nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm.

116. Giáo hội đã cố gắng trong nhiều thế kỷ để chia sẻ Tin Mừng với các dân tộc Amazon,

nhiều dân tộc trong số này đã tham gia cộng đồng Giáo Hội. Các người đàn ông và đàn bà truyền giáo có một lịch sử liên hệ sâu xa với khu vực này. Họ đã để lại dấu vết sâu thẳm trong tâm hồn của người Công Giáo Amazon. Giáo hội đã đi một chặng đường dài, nhưng việc đào sâu và cập nhật vẫn cần thiết để trở thành một Giáo hội vô khuôn mặt bản địa và Amazon.

117. Tuy nhiên, như đã được tiết lộ trong các cuộc tham khảo khu vực của chúng ta, vẫn còn một vết thương toang hoác do các lạm dụng trong quá khứ. Thực tế, vào năm 1912, Đức Giáo Hoàng Piô X đã nhìn nhận ra sự tàn ác mà người dân bản địa bị đối xử trong Thông điệp *Lacrimabili Statu Indorum* (tình thế đầy nước mắt của người thổ dân). Các giám mục Châu Mỹ Latinh ở Puebla đã chấp nhận sự hiện hữu của “một diễn trình thống trị khổng lồ”, đầy “các mâu thuẫn và nước mắt” (DP 6). Ở Aparecida, các giám mục kêu gọi “phi thực dân hóa các tâm trí” (DAp 96). Trong cuộc gặp gỡ với các dân tộc Amazon ở Puerto Maldonado, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhắc lại những lời của Thánh Toribio de Mogrovejo: “không những trong thời quá khứ, các sai lầm lớn và các hành động cưỡng chế đã được thực hiện đối với những người khốn khổ này, mà trong chính thời đại của chúng ta, nhiều người tìm cách làm điều y hệt” [52]. Xét vì não trạng thuộc địa và cha chú vẫn còn tồn tại, một diễn trình hoán cải và hòa giải sâu sắc hơn là điều cần thiết [53].

### Các gợi ý

118. Các cộng đồng được hỏi ý kiến mong muốn Giáo hội cam kết chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta và cư dân của nó, “[...] bảo vệ các lãnh thổ, giúp các dân tộc bản địa tố cáo những gì gây ra chết chóc và đe dọa các lãnh thổ” [54]. Một Giáo hội tiên tri không thể ngừng biện hộ cho những người bị vứt bỏ và cho những người đau khổ (xem Fr.PM).

119. Lắng nghe tiếng nói của Chúa Thánh Thần trong tiếng khóc than của các dân tộc Amazon và trong huấn quyền của Đức Giáo Hoàng Phanxicô đòi hỏi một diễn trình hoán cải mục vụ và truyền giáo (x. EG 25). Để đạt được mục đích này, có những gợi ý sau đây:

a) Tránh đồng nhất hóa văn hóa để nhìn nhận và phát huy giá trị của các nền văn hóa ở Amazon.

b) Bác bỏ liên minh với nền văn hóa thống trị và với quyền lực chính trị và kinh tế để cổ vũ các nền văn hóa và quyền lợi của người bản địa, của người nghèo và của lãnh thổ.

c) Vượt qua mọi hình thức giáo sĩ trị; sống tình huynh đệ và phục vụ như các giá trị Tin Mừng vốn làm sinh động mối liên hệ giữa thẩm quyền và các thành viên của cộng đồng.

d) Loại bỏ các chủ trương cứng nhắc không lưu ý đến cuộc sống cụ thể của con người và thực tại mục vụ, để thay vào đó thỏa mãn các nhu cầu thực sự của các dân tộc và văn hóa bản địa.

### *Truyền giảng Tin Mừng trong các nền văn hóa [55]*

120. Thánh Thần Tạo Dựng, Đấng lấp đầy vũ trụ (Kn 7: 1), là Đấng đã nuôi dưỡng nền linh đạo của các dân tộc này trong nhiều thế kỷ, trước cả lúc công bố Tin Mừng, và đã thúc đẩy họ chấp nhận nó từ bên trong các nền văn hóa và truyền thống của họ. Việc công bố này phải lưu ý đến các “hạt giống Lời Chúa” [56] hiện diện trong chúng. Nó cũng nhìn nhận rằng hạt giống đã mọc lên và sinh hoa trái ở nhiều nền văn hóa và truyền thống này. Nó giả định việc lắng nghe đầy tôn trọng, không áp đặt các công thức đức tin đã được phát biểu với các tham

chiều (referents) văn hóa khác, những công thức không đáp ứng với thực tại sống của họ. Trái lại, hãy lắng nghe “tiếng Chúa Kitô nói qua toàn thể dân Chúa” (EC 5).

121. Điều cần thiết là phải nắm bắt những gì Thánh Thần của Chúa đã dạy cho các dân tộc này trong suốt nhiều thế kỷ: đức tin vào Thiên Chúa Cha-Mẹ Tạo Dựng; hiệp thông và hòa hợp với trái đất; liên đới với các bạn đồng hành của mình; phấn đấu để ‘sống tốt’; túi khôn của các nền văn minh đã tồn tại hàng ngàn năm mà người cao niên vốn sở hữu và ảnh hưởng đến sức khỏe, cuộc sống chung, giáo dục, canh tác đất đai, mối liên hệ sống động với thiên nhiên và “Mẹ Đất”, các khả năng đề kháng và phục hồi nữ giới nói riêng, các nghi thức và biểu thức tôn giáo, các mối liên hệ với tổ tiên, thái độ chiêm niệm, cảm thức cho không, cử hành và lễ hội, và ý nghĩa thánh thiêng của lãnh thổ.

122. Việc hội nhập văn hóa của đức tin không phải là một diễn trình từ trên xuống dưới hay một áp đặt từ bên ngoài, mà là việc làm phong phú lẫn nhau của các nền văn hóa trong đối thoại (liên văn hóa) [57]. Các chủ thể tích cực của việc hội nhập văn hóa chính là các dân tộc bản địa. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã khẳng định, “ơn thánh giả thiết văn hóa” (EG 115).

### **Các gợi ý**

123. Điều thích đáng là:

- a) Bắt đầu từ nền linh đạo được sống bởi những các dân tộc bản địa khi tiếp xúc với thiên nhiên và văn hóa của họ, để chúng được soi sáng bởi tính mới mẻ của Chúa Kitô đã chết và sống lại và đạt được sự nên trọn nơi Người.
- b) Nhìn nhận nền linh đạo bản địa như nguồn phong phú cho kinh nghiệm Kitô giáo.
- c) Xét vì tính tự sự là một đặc điểm của các dân tộc nguyên thủy và là các phương tiện để họ truyền đạt túi khôn lâu đời của họ, nên hãy thực hiện một thứ giáo lý mang ngôn ngữ và ý nghĩa của các câu chuyện trong các nền văn hóa bản địa và hậu duệ Châu Phi hòa hợp với các trình thuật Kinh Thánh.
- d) Theo cùng một đường hướng trên, cách giảng các bài giảng phải đáp ứng các kinh nghiệm sống và với thực tại xã hội môi trường của người ta (EG 135-144) trong một văn phong kể chuyện thích hợp. Hy vọng rằng điều này sẽ khơi dậy sự quan tâm và tham gia của các tín hữu và ăn khớp với thế giới quan bản địa toàn diện, kích thích một sự hóan cải mục vụ ủng hộ hệ sinh thái toàn diện.
- e) Trước sự xâm chiếm thực dân của các phương tiện truyền thông đại chúng, các cộng đồng đã kiên quyết yêu cầu các lối truyền thông thay thế, đặt cơ sở trên các ngôn ngữ và nền văn hóa của chính họ. Để đạt mục đích này, chính các chủ thể bản địa nên có mặt trên các phương tiện truyền thông đương thời [58].
- f) Cũng sẽ thuận lợi khi tạo ra các đài phát thanh mới của Giáo hội nhằm cổ vũ Tin Mừng và các nền văn hóa, truyền thống và ngôn ngữ nguyên thủy [59].

### **Chương III: Cử hành đức tin, một phụng vụ hội nhập văn hóa**

*“Việc truyền giảng Tin Mừng trong niềm vui trở thành vẻ đẹp trong phụng vụ, như một phần*

trong quan tâm hàng ngày của chúng ta muốn truyền bá sự tốt lành” (Evangelii Gaudium, 24).



124. Hiến chế *Sacrosanctum Concilium* (37-40, 65, 77, 81) đề nghị rằng phụng vụ nên được hội nhập văn hóa nơi các dân tộc bản địa. Tính đa dạng văn hóa chắc chắn không đe dọa tính hợp nhất của Giáo Hội; đúng hơn, Giáo Hội phát biểu tính Công Giáo chân thực của mình bằng cách trưng bày “vẻ đẹp trên khuôn mặt đa dạng của mình” (Evangelii Gaudium 116). Đó là lý do tại sao “chúng ta phải bạo dạn đủ để khám phá ra các dấu chỉ mới và các biểu tượng mới, các xương thịt mới để hiện thân và thông truyền lời Chúa, và các hình thức khác của vẻ đẹp vốn được trân quý trong các khung cảnh văn hóa khác...” (Evangelii Gaudium 167). Không có sự hội nhập văn hóa này, phụng vụ có thể bị giản lược thành “món đồ ở viện bảo tàng” hay “tài sản của một ít người ưu tuyển” (Evangelii Gaudium 95).

125. Việc cử hành đức tin phải được tiến hành một cách hội nhập văn hóa để nó trở thành một biểu thức cho kinh nghiệm tôn giáo của riêng người ta và trở thành sợi dây hiệp thông trong cộng đoàn cử hành. Một nền phụng vụ hội nhập văn hóa cũng sẽ là một bằng chứng đối với các tranh đấu và hoài vọng của các cộng đồng và là một lực đẩy có tính biến đổi hướng tới một “lãnh thổ không có sự ác”.

### Các Gợi Ý

126. Nên lưu ý các điều sau đây:

a) Một diễn trình biện phân là điều cần thiết liên quan đến các nghi lễ, biểu tượng, và phong thái cử hành các nền văn hóa bản địa khi tiếp xúc với thiên nhiên, những điều cần được tích nhập vào các nghi thức phụng vụ và bí tích. Điều cần là chú ý để nắm bắt ý nghĩa đích thực của các biểu tượng, một ý nghĩa vượt lên trên thẩm mỹ và văn hóa dân gian, đặc biệt trong bí tích khai tâm Kitô Giáo và Hôn Phối. Có gợi ý cho rằng các cử hành nên có tính lễ hội, với âm nhạc và điệu múa của riêng họ, sử dụng ngôn ngữ và trang phục bản địa, trong hiệp thông với thiên nhiên và cộng đồng. Một phụng vụ biết đáp ứng nền văn hóa riêng của họ để trở thành nguồn cội và đỉnh cao đời sống Kitô hữu của họ (xem Sacrosanctum Concilium 10) và liên kết với các tranh đấu, đau khổ và niềm vui của họ.

b) Các bí tích nên là nguồn sống và thuốc chữa ai cũng với tới được (xem Evangelii Gaudium 47), nhất là người nghèo (xem Evangelii Gaudium 200). Chúng ta được yêu cầu vượt quá các cứng nhắc về kỷ luật vốn có tính loại trừ và tha hóa, và thực hành một nhạy cảm mục vụ biết đồng hành và tích nhập (Amoris Laetitia 297, 312).

c) Các cộng đồng thấy khó có thể cử hành bí tích Thánh Thể vì thiếu linh mục. “Giáo Hội rút tía sự sống của mình từ Thánh Thể” và Thánh Thể xây dựng Giáo Hội (60). Do đó, thay vì để các cộng đồng không có Thánh Thể, cần phải có sự thay đổi trong các tiêu chuẩn lựa chọn và chuẩn bị các thừa tác viên được phép cử hành bí tích Thánh Thể.

d) Phù hợp với việc “tân quyền lành mạnh” trong Giáo Hội (Evangelii Gaudium 16), các cộng đồng yêu cầu các Hội Đồng Giám Mục thích ứng các nghi thức của bí tích Thánh Thể theo nền văn hóa của họ.

e) Các cộng đồng yêu cầu đánh giá cao hơn, đồng hành và cổ vũ lòng đạo đức mà người nghèo và những người đơn sơ vốn dùng để phát biểu đức tin của họ qua hình ảnh, biểu tượng, truyền thống, nghi lễ và các á bí tích khác. Tất cả các điều này diễn ra nhờ các hiệp hội của cộng đồng biết tổ chức các biến cố như cầu nguyện, hành hương, thăm viếng các đền thánh, và rước kiệu cũng như các lễ hội mừng thánh quan thầy. Đây là bằng chứng của túi khôn và nền linh đạo từng tạo nên một nguồn cứ liệu thần học (theological locus) thực sự có tiềm năng truyền giảng Tin Mừng (xem Evangelii Gaudium 122-126).

#### **Chương IV: Tổ chức các cộng đồng**

*“Việc đúng là phải thừa nhận sự hiện hữu của các sáng kiến đầy hứa hẹn phát xuất từ các cộng đồng và tổ chức của riêng anh chị em” (Fr.PM).*

*Thế giới quan của người bản địa*

127. Giáo hội phải được nhập thể vào các nền văn hóa Amazon vốn có cảm thức cộng đồng, bình đẳng và liên đới rõ rệt - và đó là lý do tại sao chủ nghĩa giáo sĩ trị không được chấp nhận dưới mọi chiêu bài của nó. Các dân tộc bản địa có một truyền thống tổ chức xã hội phong phú, nơi thẩm quyền có tính luân phiên và có cảm thức phụng vụ sâu sắc. Vì kinh nghiệm tổ chức này, điều thích hợp là xem xét lại ý niệm cho rằng việc thực thi quyền tài phán (quyền cai trị) phải được liên kết trong mọi lĩnh vực (bí tích, tư pháp, hành chính) và theo cách vĩnh viễn với Bí tích Truyền Chức Thánh.

*Các khoảng cách địa dư và mục vụ*

128. Ngoài tính đa nguyên văn hóa tại Amazon, các khoảng cách cũng tạo ra một thách thức

mục vụ nghiêm trọng không thể giải quyết bằng các phương thế máy móc và kỹ thuật mà thôi. Các khoảng cách địa dư làm xuất hiện cả các khoảng cách văn hóa và mục vụ nữa; thành thử “thừa tác mục vụ thăm viếng” cần nhường bước cho “thừa tác mục vụ hiện diện”. Điều này đòi giáo hội địa phương tái cấu hình mọi chiều kích của nó: các thừa tác vụ, các bí tích, thần học và các dịch vụ xã hội.

## Các Gợi Ý

129. Các gợi ý sau đây từ các cộng đồng gợi nhớ các khía cạnh của Giáo Hội sơ khai khi đáp ứng các nhu cầu của mình bằng cách tạo ra các thừa tác vụ thích đáng (Cv 6:1-7; 1 Tm 3:1-13):

a) Các thừa tác vụ mới để đáp ứng hữu hiệu hơn các nhu cầu của các dân tộc vùng Amazon:

1. Cổ vũ các ơn gọi nơi các đàn ông và đàn bà bản địa để đáp ứng nhu cầu chăm sóc mục vụ và bí tích. Việc đóng góp chủ yếu của họ nằm trong phong trào hướng tới một việc truyền giảng Tin Mừng chân chính theo quan điểm bản địa phù hợp với các thói quen và phong tục của họ. Đây sẽ là việc người bản địa truyền giảng cho người bản địa theo một nhận thức sâu sắc nền văn hóa và ngôn ngữ của họ, có khả năng thông đạt sứ điệp Tin Mừng bằng sức mạnh và sự hữu hiệu của những người có chung một bối cảnh văn hóa với họ. Điều cần là chuyển dịch từ một “Giáo Hội thăm viếng” sang một “Giáo Hội hiện diện”, một Giáo Hội biết đồng hành và hiện diện qua các thừa tác viên xuất phát từ chính các cộng đồng của họ.

2. Trong khi quả quyết rằng sống độc thân là một hồng phúc đối với Giáo Hội, có yêu cầu cho rằng, đối với các khu vực xa xôi hẻo lánh nhất trong vùng, nên nghiên cứu khả thể truyền chức linh mục cho các người cao niên, ưu tiên là người bản địa, được cộng đồng của họ kính trọng và chấp nhận, dù họ đang có một gia đình vững ổn, để bảo đảm có sẵn các bí tích để đồng hành và nâng đỡ đời sống Kitô hữu.

3. Nhận diện loại thừa tác vụ chính thức có thể trao cho phụ nữ, lưu ý đến vai trò trung tâm mà ngày nay họ đang đóng trong Giáo hội ở Amazon.

b) Vai trò của giáo dân:

1. Các cộng đồng bản địa có tính tham gia với một cảm thức đồng trách nhiệm cao. Với suy nghĩ này, có yêu cầu đặt giá trị đúng đắn vào vai trò chủ động của những người đàn ông và đàn bà Kitô hữu và nhìn nhận vị trí của họ như các chủ thể trong Giáo hội biết vươn tay ra.

2. Cung cấp các giải pháp đào tạo toàn diện để đảm nhận vai trò của họ như những người cổ vũ đáng tin cậy và đồng trách nhiệm của các cộng đồng.

3. Tạo ra các hành trình đào tạo dưới ánh sáng của Học thuyết xã hội của Giáo hội với tập chú Amazon cho các người nam nữ làm việc trong các lãnh thổ của Amazon, đặc biệt là trong các lĩnh vực công dân và chính trị.

4. Mở các kênh mới của các diễn trình đồng nghị, với sự tham gia của mọi tín hữu, nhằm hướng tới việc tổ chức cộng đồng Kitô giáo để thông truyền đức tin.

c) Vai trò của phụ nữ:

1. Trong lĩnh vực giáo hội, sự hiện diện của phụ nữ trong các cộng đồng không phải lúc nào cũng được coi trọng. Việc công nhận phụ nữ được tìm kiếm vì các đặc sủng và tài năng của họ. Họ yêu cầu lấy lại vị trí mà Chúa Giêsu đã ban cho phụ nữ, “trong đó tất cả chúng ta, đàn ông và đàn bà, tất cả chúng ta đều thích đáng” [61].

2. Cũng có đề nghị cho rằng phụ nữ được bảo đảm có cơ hội lãnh đạo, cũng như phạm vi ngày càng rộng và thích hợp trong lĩnh vực đào tạo: thần học, giáo lý, phụng vụ và các trường phái đức tin và chính trị.

3. Cũng có lời yêu cầu phải lắng nghe tiếng nói của phụ nữ, họ được tham khảo và tham gia vào việc ra quyết định, và do đó có thể đóng góp với sự nhạy cảm của họ vào tính đồng nghị trong Giáo hội.

4. Mong sao Giáo hội đón nhận ngày càng nhiều phong cách nữ trong hành động và hiểu các biến cố.

d) Vai trò của đời sống thánh hiến:

1. “Các dân tộc Châu Mỹ Latinh và vùng Caribê rất mong đợi nơi đời sống thánh hiến [...một đời sống cho thấy] khuôn mặt mẫu thân của Giáo Hội. Lòng khao khát lắng nghe, chào đón và phục vụ của họ, và chứng tá của họ đối với các giá trị thay thế của Nước Chúa, cho ta thấy rằng một xã hội Châu Mỹ Latinh và vùng Caribê mới, được đặt nền tảng trên Chúa Kitô, là điều khả hữu” (Dap. 224). Do đó, có đề nghị phải cổ vũ một đời sống thánh hiến thay thế và có tính tiên tri, liên hội dòng và liên định chế, chuyên đề hiện diện ở những nơi không ai muốn hiện diện và với những người không ai muốn trở thành.

2. Hỗ trợ những người đàn ông và đàn bà thánh hiến trong việc họ đi tới và hiện diện với những người nghèo khổ và bị loại trừ nhất, và vào việc vận động chính trị, để biến đổi thực tại.

3. Khuyến khích các tu sĩ nam nữ đến từ nước ngoài sẵn lòng chia sẻ cuộc sống địa phương với hết trái tim, đầu óc và tay chân của họ để học bỏ các mô hình, công thức, kế sách và cơ cấu đã thiết lập trước; và để học hỏi các ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống khôn ngoan, vũ trụ học và thần thoại học của các dân tộc bản địa.

4. Vì các cấp bách mục vụ và cơn cám dỗ muốn làm việc ngay tức khắc, nên có khuyến cáo phải dành thời gian để học ngôn ngữ và văn hóa nhằm tạo ra các dây nối kết và phát triển một thừa tác mục vụ toàn diện.

5. Có khuyến cáo nên bao gồm vào việc đào tạo đời sống tu trì các diễn trình đào tạo tập chú vào tính liên văn hóa, hội nhập văn hóa và đối thoại giữa các nền linh đạo và thế giới quan của Amazon.

6. Có gợi ý phải dành ưu tiên cho các nhu cầu của người dân địa phương hơn là các hội dòng.

e) Vai trò của người trẻ:

1. Có một nhu cầu cấp thiết là đối thoại với những người trẻ để lắng nghe các nhu cầu của họ.

2. Cần phải đồng hành với các diễn trình trong gia đình để truyền tải và tiếp nhận di sản văn

hóa và ngôn ngữ [62] để vượt qua các khó khăn trong thông đạt liên thế hệ.

3. Những người trẻ tuổi thấy mình ở giữa hai thế giới, giữa não trạng bản địa và sự lôi cuốn của não trạng hiện đại, đặc biệt khi họ di cư đến các thành phố. Một mặt, cần có các chương trình để củng cố bản sắc văn hóa của họ trước sự mất mát các giá trị, ngôn ngữ và mối liên hệ với thiên nhiên; mặt khác, các chương trình giúp họ bước vào cuộc đối thoại với văn hóa đô thị hiện đại.

4. Việc giải quyết vấn đề di cư của người trẻ đến các thành phố là điều rất cấp bách [63].

5. Cần nhấn mạnh hơn vào việc bảo vệ và phục hồi các nạn nhân của các mạng lưới buôn bán ma túy và buôn người, cũng như nghiện ma túy và rượu.

f) Các giáo phận ở khu vực biên giới:

1. Biên giới là một nhân tố căn bản trong cuộc sống của các dân tộc Amazon. Đây là vị trí rất tốt cho các xung đột và bạo lực trở nên tồi tệ hơn; và là nơi luật pháp không được tôn trọng và tham nhũng làm suy yếu việc kiểm soát của Nhà nước, khiến nhiều công ty tự do khai thác bừa bãi. Vì tất cả những lý do này, cần phải làm việc để biến Amazon thành ngôi nhà cho mọi người và đáng được sự chăm sóc của mọi người. Các Giáo hội biên giới nên tham gia với nhau vào hành động mục vụ để đối phó với các vấn đề chung như khai thác lãnh thổ, phạm pháp, buôn bán ma túy, buôn bán người, mại dâm, v.v.

2. Các mạng lưới mục vụ tại các khu vực biên giới nên được khuyến khích và củng cố như một nẻo đường dẫn đến hành động mục vụ xã hội và sinh thái hữu hiệu hơn, tiếp tục dịch vụ của Mạng Lưới Giáo Hội Toàn Amazon (REPAM).

3. Vì các đặc điểm chuyên biệt của lãnh thổ Amazon, nên phải xem xét cơ cấu giám mục của Amazon để thực thi Thượng Hội Đồng.

4. Có lời yêu cầu phải tạo ra một quỹ kinh tế để hỗ trợ việc truyền giảng Tin Mừng, cổ vũ nhân bản và sinh thái toàn vẹn, nhất là việc thi hành các đề nghị của Thượng Hội Đồng.

## Chương V: Truyền giảng Tin Mừng trong các thành phố [64]



*“Một nền văn hóa hoàn toàn mới đã đi vào cuộc sống và tiếp tục lớn mạnh ở các thành phố” (EG 73).*

*Sứ mệnh đô thị*

130. Thánh Gioan Phaolô II từng cảnh báo chúng ta: “Ngày nay hình ảnh của sứ mệnh *ad gentes* (đi tới các dân tộc, truyền giáo) có lẽ đang thay đổi: nên tập trung

các cố gắng vào các thành phố lớn, nơi các phong tục và phong cách sống mới cùng phát sinh với các hình thức văn hóa và truyền thông mới, là các hình thức sau đó ảnh hưởng đến dân số rộng lớn hơn” (RM, 37b). Giáo hội cần phải đối thoại thường trực với thực tại đô thị, một thực tại đòi hỏi những phản ứng khác nhau và sáng tạo. Đối với điều này, điều cần thiết là các linh mục, nam và nữ tu sĩ, và giáo dân của các thừa tác vụ, phong trào, cộng đồng và các nhóm khác nhau trong cùng một thành phố hoặc giáo phận, nên ngày càng hợp nhất trong



việc thực hiện các hoạt động truyền giáo chung, thông minh và có khả năng tham gia các lực lượng. Sứ mệnh đô thị sẽ chỉ tiến triển chừng nào còn có sự hiệp thông lớn lao giữa những người làm vườn nho của Chúa, vì, đối diện với sự phức tạp của thành phố, hành động mục vụ cá nhân và biệt lập sẽ mất hiệu quả.

### *Các thách thức đô thị*

131. Thành phố, dù có những thách thức của nó, có thể chứng kiến một vụ bùng nổ cuộc sống. Các thành phố là một phần của lãnh thổ, vì vậy chúng phải chăm sóc rừng và tôn trọng người dân bản địa. Tuy nhiên, nhiều cư dân của các thành phố Amazon, coi người bản địa như một trở ngại cho sự tiến bộ của họ và sống quay lưng đối với rừng.

132. Các cá nhân bản địa trong thành phố là những người di cư, những con người không có đất đai, những kẻ sống sót trận chiến lịch sử để phân định đất đai của họ, với bản sắc văn hóa của họ rơi vào khủng hoảng. Ở các trung tâm đô thị, các cơ quan chính phủ thường né tránh trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm quyền lợi của họ, bác bỏ căn tính của họ và buộc họ phải vô hình. Về phần họ, một số giáo xứ, vẫn chưa nhận trách nhiệm hoàn toàn trong thế giới đa văn hóa vốn đang chờ một thừa tác mục vụ mục vụ chuyên biệt, truyền giáo và có tính tiên tri.

133. Một hiện tượng quan trọng cần được lưu ý là sự tăng trưởng nhanh chóng của các nhà thờ Phúc Âm mới được thành lập gần đây có nguồn gốc Ngũ Tuần, đặc biệt ở các vùng ngoại vi [65].

134. Tất cả những điều đó khiến chúng ta phải tự hỏi: cơ cấu giáo xứ nào có thể đáp ứng tốt nhất với thế giới đô thị, nơi việc ẩn danh, ảnh hưởng của truyền thông và sự bất bình đẳng xã hội rõ rệt đang ngự trị một cách tối cao? Các định chế Công Giáo có thể cổ vũ nền giáo dục nào ở các bình diện chính thức và không chính thức?

### **Các gợi ý**

135. Những điều có thể thích đáng là:

a. Cổ vũ một thừa tác mục vụ chuyên biệt cho những người bản địa sống ở các thành phố, với việc họ tham gia như các nhân vật chủ động.

b. Cổ vũ sự hòa nhập người dân bản địa vào các hoạt động mục vụ khác nhau của giáo xứ với sự theo dõi và đào tạo, biết đánh giá sự đóng góp của họ ngày càng nhiều hơn.

c. Phát triển một chiến lược chung cho công việc mục vụ tại các thành phố [66].

d. Suy nghĩ lại về cơ cấu Giáo Hội, khắc phục các hình thức văn hóa lỗi thời đã thu lượm được trong nhiều thế kỷ qua [67].

e. Cổ vũ các cơ hội cho một sự đào tạo toàn diện [68].

f. Nâng cao ý thức về tầm quan trọng sống còn của vị trí thành phố trong lãnh thổ và đánh giá cao khu rừng và cư dân của nó. Cổ vũ các thay đổi cần thiết trong cơ cấu kinh tế và xã hội để sự phát triển của các thành phố không là một mối đe dọa.

g. Nhạy cảm hóa cộng đồng về các cuộc đấu tranh xã hội, hỗ trợ các phong trào xã hội khác nhau để cổ vũ nền công dân sinh thái và bảo vệ các nhân quyền [69].

h. Cổ vũ một Giáo hội truyền giáo và truyền giảng Tin Mừng, thăm viếng và lắng nghe thực tại hiện nay trong các khu phố mới.

i. Cập nhật giải pháp dành cho những người trẻ [70], lên khuôn một thừa tác mục vụ trong đó chính họ là các nhân vật chủ chốt [71].

j. Có mặt trên các phương tiện truyền thông và chính truyền thông để truyền giảng Tin Mừng và cổ vũ các nền văn hóa nguyên thủy [72].

## **Chương VI: Đối thoại đại kết và liên tôn**

*“Bây giờ chúng ta sẽ cố gắng phá vỡ những nẻo đường chính của cuộc đối thoại có thể giúp chúng ta thoát khỏi vòng xoáy tự hủy diệt hiện đang nhấn chìm chúng ta” (LS 163)*

136. Cuộc đối thoại đại kết diễn ra giữa những người có chung niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô như Con Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế, và dựa vào Kinh thánh, tìm cách làm chứng chung. Cuộc đối thoại liên tôn diễn ra giữa những tín đồ chia sẻ cuộc sống, cuộc đấu tranh, các mối quan tâm và kinh nghiệm của họ về Thiên Chúa, làm cho sự khác biệt của họ trở thành một sự kích thích để phát triển và đào sâu đức tin của chính họ.

137. Một số nhóm truyền bá một nền thần học thịnh vượng và hạnh phúc dựa trên cách họ đọc Kinh thánh. Cũng có những xu hướng định mệnh thuyết tìm cách làm bối rối người nghe; sau đó, trả lời cho cái nhìn tiêu cực về thế giới, họ đưa ra một câu nổi dẫn đến sự một sự cứu rỗi nào đó. Những xu hướng này có tác động tiêu cực đến các nhóm tại Amazon, một số bằng sợ hãi và số khác bằng cách tìm kiếm thành công.

138. Tuy nhiên, ở giữa rừng nhiệt đới Amazon cùng với những người nghèo nhất, các nhóm khác có mặt, truyền giảng Tin Mừng và giáo dục; họ duy trì được một sức hấp dẫn lớn đối với người dân mặc dù không đánh giá tích cực nền văn hóa của họ. Sự hiện diện của họ đã cho phép họ phổ biến và dạy Kinh Thánh được dịch sang các ngôn ngữ nguyên thủy. Phần lớn các phong trào này đã lan rộng do sự vắng mặt của các thừa tác viên Công Giáo. Các mục sư của họ đã tạo ra các cộng đồng nhỏ với khuôn mặt người, nơi người ta đích thân cảm thấy mình có giá trị. Một yếu tố tích cực khác là sự hiện diện địa phương, gần gũi và cụ thể của các mục sư đến thăm viếng, đồng hành, an ủi, biết và cầu nguyện cho các nhu cầu chuyên biệt của các gia đình. Họ là những người giống như những người khác, dễ gặp gỡ, sống cùng những vấn đề và trở nên “gần gũi hơn” và ít “khác biệt” hơn với các thành viên khác trong cộng đồng. Họ đang chỉ cho chúng ta một cách khác để làm Giáo Hội nơi người ta cảm thấy họ là những nhân vật chủ động và là nơi tín hữu có thể tự do tự phát biểu mà không bị kiểm duyệt hay giáo điều hay kỷ luật nghi lễ.

### **Các gợi ý**

139. Những điều có thể thích đáng là:

a. Tìm kiếm cơ sở chung qua các cuộc gặp gỡ định kỳ với đại diện của các tôn giáo khác để cùng làm việc với nhau chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta và cùng nhau đấu tranh vì lợi ích chung trước sự xâm lấn từ bên ngoài.

b. Hãy xem xét những khía cạnh nào của việc làm Giáo Hội mà các tôn giáo khác có thể dạy chúng ta và những khía cạnh nào cần được kết hợp vào những nẻo đường mới cho Giáo hội ở Amazon.

c. Khuyến khích dịch Kinh thánh sang các ngôn ngữ nguyên thủy của Amazon.

d. Cổ vũ các cuộc gặp gỡ với các nhà thần học Kitô giáo Phúc Âm.

## Chương VII: Sứ mệnh của Các Phương Tiện Truyền thông và của chính Truyền Thông



*“Giáo hội sẽ dành tầm quan trọng lớn hơn cho các phương tiện truyền thông xã hội và sẽ sử dụng chúng để truyền giảng Tin Mừng” (DP 158)*

*Các phương tiện truyền thông, các ý thức hệ và các nền văn*

*hóa*

140. Một trong những thách thức lớn đối với Giáo hội là suy nghĩ về việc làm cách nào tự định vị mình trong thế giới liên nối kết này. Các phương tiện truyền thông xã hội đại chúng truyền tải các mẫu mực tác phong, lối sống, các giá trị và náo trạng nhằm truyền bá một nền văn hóa có xu hướng tự áp đặt và tiêu chuẩn hóa thế giới nối kết qua lại của chúng ta. Vấn đề là sự quyến rũ về ý thức hệ bởi náo trạng duy tiêu thụ, chủ yếu ảnh hưởng đến giới trẻ. Trong nhiều trường hợp, người trẻ bị dẫn đến chỗ không còn quý chuộng - và thậm chí bác bỏ - nền văn hóa và truyền thống riêng của chính họ, chấp nhận một cách không phê phán mô hình văn hóa đương thịnh. Điều này gây ra việc bứng gốc và mất bản sắc.

### *Các phương tiện truyền thông của Giáo Hội*

141. Giáo hội có một cơ sở hạ tầng các phương tiện truyền thông, đặc biệt là các đài phát thanh, vốn là phương tiện truyền thông chính của mình. Các phương tiện truyền thông có thể là một dụng cụ rất quan trọng để truyền tải lối sống Tin Mừng, các giá trị và tiêu chuẩn của nó. Chúng cũng là một phương tiện để cung cấp thông tin về những gì đang xảy ra ở Amazon, đặc biệt liên quan đến các hậu quả của một lối sống nhằm hủy hoại - được truyền thông che giấu trong tay các tập đoàn lớn. Đã có một số trung tâm truyền thông xã hội được điều hành bởi chính người dân bản địa; họ trải nghiệm niềm vui khi có thể phát biểu lời lẽ và tiếng nói của chính họ không những với các cộng đồng của chính họ mà còn với cả thế giới bên ngoài nữa. Thế giới bản địa cho thấy các giá trị không được thế giới hiện đại chia sẻ. Đó là lý do tại sao điều quan trọng là chính các người bản địa được trao quyền sử dụng các phương tiện truyền thông. Việc đóng góp của họ có thể cộng hưởng với và hỗ trợ cho việc hoán cải sinh thái của Giáo hội và hành tinh. Đây là về thực tại Amazon phát sinh từ Amazon và có các hậu quả hành tinh.

### **Các gợi ý (xem DAp. 486)**

142. Những điều sau đây được đề nghị:

a. Huấn luyện toàn diện các nhà truyền thông bản địa, đặc biệt là người bản địa, để tăng cường các trình thuật chuyên biệt đối với lãnh thổ.

- b. Sự hiện diện của các tác nhân mục vụ trong các phương tiện truyền thông đại chúng.
- c. Tạo ra, cổ vũ và củng cố các đài phát thanh và các đài truyền hình mới với các nội dung phù hợp với thực tại Amazon.
- d. Sự hiện diện của Giáo hội trên Internet và các mạng truyền thông khác để nâng cao ý thức về thực tại của Amazon ở các phần khác của thế giới.
- e. Một kế hoạch mục vụ chuyên biệt bao gồm các phương tiện truyền thông khác nhau trong tay của Giáo hội và những người làm việc trong các phương tiện truyền thông khác.
- f. Phải cổ vũ trong các cơ cấu và máng chuyển của Giáo hội hoàn vũ việc tạo ra và phổ biến nội dung về tính liên quan của Amazon, các dân tộc và các nền văn hóa của nó đối với thế giới.

### **Chương VIII: Vai trò tiên tri của Giáo hội và việc cổ vũ nhân bản toàn diện**

*“Từ tâm điểm của Tin Mừng, chúng ta thấy mối nối kết sâu sắc giữa việc truyền giảng Tin Mừng và sự tiến bộ của con người, một điều nhất thiết phải tìm được biểu thức và phát triển trong mọi công việc truyền giảng Tin Mừng” (EG 178)*

*Giáo hội vươn tay ra*

143. Giáo hội có sứ mệnh truyền giảng Tin Mừng, một điều cũng ngụ ý cam kết cổ vũ việc thi hành trọn vẹn các quyền của các dân tộc bản địa. Thực tế, khi những dân tộc này họp nhau, họ nói về linh đạo cũng như về những gì đang xảy ra với họ và các vấn đề xã hội của họ. Giáo hội không thể từ bỏ mối quan tâm của mình đối với sự cứu rỗi toàn diện con người, một điều đòi phải ủng hộ nền văn hóa của các dân tộc bản địa, nói đến các nhu cầu sống còn của họ, đồng hành với các cuộc di chuyển của họ và tham gia các lực lượng để đấu tranh cho quyền lợi của họ.

*Giáo hội lắng nghe*



144. Chúa Thánh Thần nói trong tiếng nói của người nghèo; Giáo hội phải lắng nghe họ vì họ là nguồn cứ liệu tư tưởng thần học. Khi lắng nghe nỗ lực, sự im lặng trở nên cần thiết để có thể nghe được tiếng nói của Chúa Thánh Thần.

Giọng nói tiên tri ngụ ý một ánh mắt chiêm niệm mới có khả năng thương xót và cam kết. Là thành phần của người dân Amazon, Giáo hội làm mới lời tiên tri từ truyền thống bản địa và Kitô giáo. Nhưng nó cũng có nghĩa là nhìn bằng một lương tâm có phê phán một loạt các tác phong và thực tại của các dân tộc bản địa đi ngược lại Tin Mừng. Thế giới Amazon yêu cầu Giáo hội làm đồng minh của nó.

*Giáo hội và quyền lực*

145. Làm Giáo hội ở Amazon một cách thực tế có nghĩa là nêu vấn đề về quyền lực một cách tiên tri, vì ở khu vực này, người dân không thể khẳng định quyền của họ chống lại các lợi ích kinh tế và định chế chính trị to lớn. Ngày nay, đặt vấn đề quyền lực trong việc bảo vệ lãnh

thỏ và các nhân quyền là liều mạng sống của mình, là bước lên con đường thập giá và tử đạo. Số các tử đạo ở Amazon rất đáng báo động (ví dụ, chỉ riêng ở Brazil, 1,119 người bản địa đã bị sát hại từ năm 2003 đến năm 2017 vì bảo vệ lãnh thổ của họ) [73]. Giáo hội không thể thờ ơ; ngược lại, nó phải giúp bảo vệ những người nam nữ đang bảo vệ nhân quyền và tưởng nhớ các vị tử đạo của họ, trong số đó có các nhà lãnh đạo như Nữ tu Dorothy Stang.



### Các gợi ý

146. Là một cộng đồng liên đới khắp thế giới, Giáo hội phản ứng có trách nhiệm đối với tình hình hoàn cầu về bất công, nghèo đói, bất bình đẳng, bạo lực và loại trừ ở Amazon. Giả định căn bản của Giáo Hội là thừa nhận các mối liên hệ bất công. Do đó, điều cần là phải:

- a. Tố cáo các mô hình khai khoáng gây thiệt hại cho lãnh thổ và vi phạm quyền lợi của các cộng đồng. Cất cao tiếng nói chống lại các dự án ảnh hưởng đến môi trường và cổ vũ chết chóc.
- b. Tham gia các phong trào xã hội cơ sở, để công bố cách tiên tri một chương trình nghị sự về công lý nông nghiệp nhằm cổ vũ việc cải cách nông nghiệp sâu sắc, hỗ trợ nông nghiệp và nông lâm hữu cơ. Tiếp nhận chính nghĩa nền sinh thái nông nghiệp bằng cách lồng nó vào các hoạt động huấn luyện của họ nhằm phát triển một ý thức lớn hơn đối với chính người dân bản địa [74].
- c. Cổ vũ việc đào tạo, bảo vệ và tính có thể chấp pháp các nhân quyền của các dân tộc Amazon, của các sắc dân khác và của thiên nhiên. Bảo vệ các nhóm thiểu số và những người dễ bị tổn thương nhất.
- d. Lắng nghe tiếng khóc của “Mẹ Đất” đang bị tấn công và bị tổn thương nghiêm trọng bởi mô hình kinh tế của việc phát triển sản môi và tiêu diệt sinh thái, vốn được hình thành và áp đặt từ bên ngoài để phục vụ các lợi ích bên ngoài hết sức mạnh mẽ, và là những lợi ích sát hại, cướp bóc, tiêu diệt và tàn phá, trục xuất và vứt bỏ.
- e. Cổ vũ phẩm giá và sự bình đẳng của phụ nữ ở nơi công cộng, tư riêng và Giáo hội, bằng cách bảo đảm có cơ hội để tham gia; bằng cách chống lại bạo lực thể xác, gia đình và tâm lý, sát hại con gái, phá thai, khai thác và buôn bán tình dục; và bằng cách cam kết đấu tranh để bảo đảm quyền lợi của họ và vượt qua bất cứ loại tiền mẫu nào.
- f. Cổ vũ một ý thức sinh thái mới có thể dẫn chúng ta đến chỗ thay đổi thói quen tiêu thụ, cổ vũ việc sử dụng năng lượng tái tạo, tránh các vật liệu có hại và thực thi các nẻo đường hành động khác được nêu bật bởi thông điệp *Laudato Si*” [75]. Cổ vũ các liên minh để chống phá rừng và cổ vũ việc tái trồng rừng.
- g. Tiếp nhận một cách không sợ hãi và cụ thể việc ưu tiên chọn người nghèo trong cuộc đấu tranh của các dân tộc bản địa, các cộng đồng truyền thống, các di dân và người trẻ để hình thành đặc tính của Giáo hội ở Amazon.
- h. Tạo ra các mạng lưới hợp tác trong các lĩnh vực vận động khu vực, toàn cầu và quốc tế, trong đó Giáo hội tham gia một cách hữu cơ, để chính các dân tộc có thể tố cáo sự vi phạm

các nhân quyền của họ.

## Kết luận

147. Trong suốt hành trình dài của nó, Tài liệu Làm việc này đã lắng nghe tiếng nói của Amazon dưới ánh sáng đức tin (Phần I); và nó đã cố gắng đáp lại tiếng kêu của người dân và lãnh thổ Amazon về nền sinh thái toàn diện (Phần II) và tìm kiếm những nẻo đường mới cho một Giáo hội tiên tri ở Amazon (Phần III). Những tiếng nói của Amazon này kêu gọi một đáp ứng mới cho các thách thức đa dạng; họ yêu cầu những nẻo đường mới để làm một “kairós” (hoàng thời) trở thành khả hữu, một thời của ơn thánh và hy vọng trong Giáo hội và cho thế giới. Chúng ta kết luận dưới sự che chở của Mẹ Maria, đáng được tôn kính dưới nhiều tước hiệu khác nhau khắp Amazon. Chúng ta hy vọng rằng Thượng Hội Đồng này sẽ là một biểu thức cụ thể của tính đồng nghị của một Giáo hội đang vươn tay ra ngoài, để sự sống viên mãn mà Chúa Giêsu đã mang đến cho thế giới (Ga 10:10) có thể đến tay mọi người, nhất là người nghèo.

\*\*\*

[1] Ngoài diễn trình chính thức này, nhiều cuộc hội thảo đã được tổ chức tại Washington D.C., Rome và Bogotá, với các chuyên viên thuộc nhiều khu vực và đại diện các dân tộc Amazon, để suy tư về các vấn đề được phân tích ở đây.

[2] Tài liệu *Eje de Fronteras*, p. 3.

[3] Xem Nobre, C. A., Sampaio, G., Borma, L. S., Castilla-Rubio, J. C., Silva, J. S., Cardoso, M., et al., “The Fate of the Amazon Forests: land-use and climate change risks and the need of a novel sustainable development paradigm”, *Proceedings of the National Academy of Sciences U.S.A.*, 113(39), September 2016.

[4] Có một số kiểu phát biểu khác nhau về điều này trong ngôn ngữ của họ như *Sumak Kawsay* trong tiếng Quechua, hay *Suma Qamaña* trong tiếng Aymara, hay *Teko Porã* trong tiếng Guaraní. Trong triết học Châu Phi, chữ *ubuntu* có nghĩa tương tự như *sumak kawsay* của tiếng quechua: đại lượng, liên đới, cảm thương đối với những người thiếu thốn, và thành thực mong muốn hạnh phúc và hoà hợp giữa mọi người.

[5] Xem “The cry of *sumak kawsay* in the Amazon,” Tuyên ngôn của các dân tộc và quốc tịch bản địa các vùng Mesoamerican, Andean, Caribbean, Southern Cone và Amazon, tụ họp tại thành phố Pujili-Cotopaxi nhằm mục đích đào sâu ý nghĩa chân thực của *sumak kawsay*, trong: trang nhà của Tòa Đại diện Aguarico; Acosta, A., *Good living, an opportunity to build, Ecuador Debate*: Quito, 2008; xem “Sumak Kawsa, Suma Qamaña, Teko Porã. O Bem-Viver” (Year X, n. 340, 23.08.2010), in: *IHUOnlineEdicao 340.pdf*.

[6] Giáo phận San José del Guaviare và Tổng giáo phận Villavicencio và Granada (Colombia, Biên giới Brazil, Colombia và Peru).

[7] Tài liệu *Bolivia*, 36.

[8] Tài liệu *Venezuela*, 1.

[9] IPBES, *Nature’s Dangerous Decline ‘Unprecedented’ Species Extinction Rates*

‘Accelerating’; [https://www.ipbes.net/news/Media-Release-Global-Assessment#\\_Indigenous\\_Peoples,\\_Local](https://www.ipbes.net/news/Media-Release-Global-Assessment#_Indigenous_Peoples,_Local)

[10] Xem Phần II, Chương III của Tài liệu này: *Di Dân*.

[11] Tài liệu *Eje de Fronteras*, 1.

[12] Tài liệu của Assembleia dos Regionais Norte 1 e 2 da CNBB, “A Igreja e faz carne e arma sua tenda na Amazônia”, Manaus, 1997, trong: CNBB, *Desafio missionário: Các Văn kiện của Giáo Hội vùng Amazonia*. Coletânea, Ed. CNBB, Brasília, 2014, 67-84.

[13] Santarém (1972) và Manaus (1997) trong CNBB, *Desafio missionário: Các Văn kiện của Giáo Hội vùng Amazonia*. Coletânea, Ed. CNBB, Brasília, 2014, 9-28 và 67-84.

[14] Xem LS 163, và Tài liệu Chuẩn bị số 13.

[15] Đức Phanxicô, *Diễn văn Nhân Cuộc Gặp gỡ Các Phong trào Bình dân Thế giới Lần II*, Santa Cruz de la Sierra, Bolivia, 9 Tháng Bảy 2015. Xem Phần II, Ch. I: *Sự hủy diệt của duy khai khoáng*.

[16] Xem *Summa Theologiae* II-II, q. 158, art. 1.

[17] Xem *Sint. REPAM*, 135.

[18] Một chữ Tây Ban Nha mới, “sabanizarse”, đặt tên cho diễn trình qua đó 1 cánh rừng hay 1 cánh rừng nhiệt đới bị biến thành thảo nguyên.

[19] Xem *Sint. REPAM – Brazil*, 120.

[20] Xem *Sint. REPAM*, 43.

[21] Xem *Sint. REPAM*, 86.

[22] Xem *Sint. REPAM*, Antonio, Brazil, 57.

[23] Xem Phần II, Ch. II: *Các dân tộc bản địa trong vùng Cô lập Tự nguyện (PIAV): Các mối đe dọa và việc bảo vệ*.

[24] Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công Ước 169: Về Các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa*, 1989, điều 7.

[25] Một số người di cư tới các thành phố để mua bán các nhu yếu phẩm hay để làm việc tạm bợ kiếm tiền nuôi sống gia đình (thí dụ việc di cư đu đưa nội địa để làm việc với các người đốn cây).

[26] Thói quen chuyên lên núi dựa vào hai hiện tượng tự nhiên có liên hệ qua lại với nhau: sự khác biệt về mùa trong sản xuất nông nghiệp và việc rời cư của thú vật. Như thế, việc chuyên người lên núi được liên kết với nền sinh thái toàn diện: con người cần sản xuất, và với tình hình sinh thái khiến một số nhóm người phải di cư.

[27] Đức Phanxicô, *Gặp mặt Dân chúng*, Viện Jorge Basadre (Puerto Maldonado), 19 tháng

Giêng 2018.

[28] Xem Phần I, Ch. I, số 14; Phần II, Ch. I, số 48.

[29] Các Môn Đệ Truyền Giáo vùng Amazônia, 2007. Tài liệu IX, Phiên họp các Giám mục vùng Amazônia, Manaus (2007), trong: CNBB, *Desafio missionário: Các Văn kiện của Giáo Hội vùng Amazônia*, Coletânea, Ed. CNBB, Brasília, 2014, 161-216 (269).

[30] Xem *REPAM Synthesis*, 124.

[31] Xem *Tài liệu Venezuela*, Tóm tắt Cuối cùng, 4.

[32] Đức Phanxicô, *Diễn văn với các Tham dự viên Diễn đàn Quốc tế “Di dân và Hòa bình”* 21 tháng Hai 2017.

[33] Xem Phần II, Ch. III: *Di dân*.

[34] Xem *Tài liệu Chuẩn bị*, 6.

[35] Xem Phần II, Ch. V: *Gia đình và Cộng đồng*.

[36] Xem Phần II, Ch. VII: *Vấn đề Sức khỏe Toàn diện*.

[37] Xem Phần II, Ch. VIII: *Giáo dục Tòa điện*.

[38] Xem Phần II, Ch. VI: *Tham nhũng*.

[39] *Sint. REPAM*, 42.

[40] Xem *Sint. REPAM*, 71, và Phần II, Ch. VII: *Vấn đề Sức khỏe Toàn diện*.

[41] *Sint. REPAM*, 57.

[42] Xem *Sint. REPAM*, 161.

[43] Xem *Sint. REPAM*, 125.

[44] Xem *Sint. REPAM*, 125.

[45] Đức Bênêđictô XVI, *Bài giảng trong Thánh lễ Khai mạc Thừa tác vụ Phêrô* (24 tháng Tư 2005).

[46] Đức Phanxicô, *Diễn văn trước Hội Nghị các Giám mục Ba tây* (27 tháng Bảy 2013).

[47] Xem Thánh Justinô, *II Apologia*, 7,3; 8,1; 13, 2-3; 13, 6; AG 11; DP 401, 403.

[48] Xem Huấn quyền châu Mỹ Latinh trong các Phiên họp Toàn thể của CELAM; Thánh Gioan Phaolô II, *Sollicitudo Rei Socialis* 42 và *Centesimus annus* 11, 57; Đức Bênêđictô XVI, *Diễn văn trước Phiên Khai mạc Hội Nghị Toàn thể lần Thứ 5 các Giám mục châu Mỹ Latinh và vùng Caribê* (2007); EG 197-201.



[49] DP 400; xem Thánh Irênê thành Lyon, *Contra Herejes*, V, praef; I, 6, 1.

[50] Trong số những người khác, ta có thể kể: Rodolfo Lunkenbein SDB và Simão Bororo (1976), Marçal de Souza Tupã-i (1983, Guaraní), Ezequiel Ramin (1985, Comboniano), Sr. Cleusa Carolina Rody (1985, nhà truyền giáo thuộc Dòng Cải Cách Thánh Augustinô), Josimo Moraes Tavavares (1986, linh mục triều), Vicente Cañas SJ (1987), Đức Cha Alejandro Labaka và Nữ tu Inés Arango (1987, cả hai thuộc dòng Capuchins), Chico Mendes (1988, nhà sinh thái học), Galdino Jesus dos Santos (1997, Pataxó Hã-Hã-Hãe), Ademir Federici (2001), Sr. Dorothy Mae Stang (2005, Dòng N.S. de Namur).

[51] Xem *EG* 68-70, 116, 122, 126, 129.

[52] *Ibid.*

[53] *Ibid.*

[54] Xem *Tài liệu Chuẩn bị*, 4; Phần I, Ch. IV: *Đối thoại*.

[55] Sint. REPAM, 58.

[56] Xem Phần I, Ch. III: *Hoàng thời* (kairós), số 30; Phần III, Ch. I: *Một Giáo hội với Khuôn mặt Amazon và Truyền giáo*, các số 106-107, 113.

[57] Xem Thánh Justinô, *Apología* II, 8; AG 11.

[58] Xem Phần III, Ch. I: *Một Giáo hội với Khuôn mặt Amazon và Truyền giáo*, số 107.

[59] Xem Phần III, Ch. VI: *Sứ mệnh của các Phương tiện Truyền thông*.

[60] Đức Gioan Phaolô II, *Ecclesia de Eucharistia* (2003), 1, Ch. II.

[61] Xem *Sint. REPAM*, 78.

[62] Xem Phần II, Ch. V: *Gia đình và Cộng đồng*.

[63] Xem Phần II, Ch. III: *Di dân*.

[64] Xem Phần II, Ch. IV: *Đô thị hóa*.

[65] Xem Phần III, Ch. V: *Đối thoại Đại kết và Liên tôn*.

[66] Xem Phần II, Ch. IV: *Đô thị hóa*.

[67] Xem Phần III, Ch. IV: *Việc Tổ chức các cộng đồng*.

[68] Xem Phần III, Ch. IV: *Việc Tổ chức các cộng đồng*.

[69] Xem Phần III, Ch. VII: *Vai trò Tiên tri của Giáo Hội và việc Cổ Vũ Con người Toàn diện*.

[70] Xem DP 1166-1205; Tài liệu Sau cùng của Khóa Họp Thường Lệ lần thứ XV của Thượng Hội Đồng Giám mục về Người trẻ, *Đức tin và việc Biện phân Ôn gọi*; Đức Phanxicô, Tông huấn Hậu-Thượng Hội Đồng *Christus Vivit* (25 tháng Ba 2019).

[71] Xem Phần III, Ch. IV: *Việc Tổ chức các cộng đồng*.

[72] Xem Phần III, Ch. II: *Các Thách đố Hội nhập Văn hóa và Tính Liên Văn hóa*.

[73] Xem CIMI, “Relatório de violência contra os Povos Indígenas no Brasil”.

[74] Xem *Sint. REPAM*, 142, 146.

[75] Xem Phần II, Ch. IX, *Hoán cải Sinh thái*.

## 5. CÁC BÀI BÁO ĐỀ ĐỌC THÊM

### A. Analysis: The Amazon synod and the English language



Pope Francis in the gateway to Peru's Madre de Dios region in the Amazon January 19, 2018.  
Credit: Vatican Media/CNA

By [JD Flynn](#)

Vatican City, Jul 4, 2019 / 01:00 pm ([CNA](#)).- Three months from now, the bishops of the Amazonian region will meet for a regional synod that has already garnered international attention. The synod is controversial because it has become to some theologians and Churchmen a kind of “proving ground” for theological and canonical agendas that are not

directly connected to the Amazon.

The recent history of Church synods suggests that the results of the meeting will likely not match the intensity of the rhetoric preceding it. But the rhetoric- and what it can teach us about the state of the Church - matters.

The needs of Catholics in the Amazonian region are abundant. The region is poor: indigenous persons face discrimination and cultural disintegration, deforestation and strip mining threaten ancient ways of life. Between far-flung villages and sometimes negligible infrastructure, priests face the challenge of ministry across very broad territories. Catholics in some places have very little catechesis and few opportunities for Mass and confession, and they face temptations to abandon the faith. A meeting to discuss these realities, and to develop pastoral plans, could do real good.

But the meeting has garnered interest from some German theologians and ecclesiastics who seem to see it as an opportunity to reinvigorate support for an ecclesiology that takes a sort-of “federal” approach to Church doctrine and discipline, with tolerance for a considerable degree of regional variability on moral and disciplinary issues.

Such an approach, some have said, is the approach of “synodality.”

Pope Francis has said frequently there are limits to synodality, and even while debate smolders about his controversial footnotes in the 2015 exhortation *Amoris laetitia*, the pope has said on several recent occasions that neither doctrine nor significant disciplinary matters can or should be subject to regional preferences.

Last week, the pope reemphasized to the bishops of Germany that he will not abide an approach that prioritizes the judgment of a “national” Church over the teachings or norms of the universal Church.

But throughout his papacy, a cadre of mostly European clerics and intellectuals, taking up the sort of “federated” ecclesiological approach advanced by Cardinal Walter Kasper, have attempted to curry favor or support for their position from Pope Francis. It seems clear to most observers that the Amazon synod will be another front in that campaign.

In fact, one synod issue that has generated a great deal of controversy- the possible ordination of married men to the priesthood - is likely best seen through the lens of that controversy.

There may be genuine interest among some Amazonian bishops in ordaining older, married men to the priesthood to accommodate pastoral realities. But much support for the “*viri probati*” proposal comes from those who perceive that decentralizing universal rules about clerical celibacy will be a precedent for the decentralization of other governance and doctrinal matters, especially those concerning how the Church engages with a secular sexual ethos.

In short, the issue of clerical celibacy in the Amazon could be mostly a stalking horse for the debate about decentralization.

But will the pan-Amazonian synod produce the kind of results its interested observers hope for? Will the synod lead to a new way of thinking about the Church itself? That seems unlikely.

On June 30, Vatican Media published a commentary on the upcoming synod by Mauricio Lopez Oropeza, a layman who oversees a Church-sponsored advocacy network for Catholics in the Amazon. He was recently president of the World Christian Life Community, a lay movement of Ignatian spirituality associated with the Jesuits.

Oropeza wrote that the upcoming meeting “is increasingly becoming a Synod which goes far beyond the territory upon which it is based,” adding that the synod “can, and should, contribute enlightenment in a universal overview.”

The rest of Oropeza’s commentary gives indication of what kind of contribution the pan-Amazonian synod might be intended to make to any such “enlightenment.”

Noting the issues defining the synod, Oropeza discussed a tension “between the Kairos of the ‘new paths for the Church’ and the cronos of the urgency to respond to the socio-environmental crisis through an ‘integral ecology.’”

“Will a Synod be able to interpret this ‘Kairos’ moment to embrace the revelation of God who demands a progressive but inevitable pastoral conversion and at the same time, able to make a prophetic and effective call for a conversion at a material level and in relationships, in the face of the enormous planetary socio-environmental crisis in a ‘cronos?’ One without the other will be insufficient, and incomplete,” Oropeza wrote.

Even those who have read a great deal of theology could be forgiven for not understanding what any of that means. Indeed, much of the commentary, published by the Vatican’s official media outlet, is stilted, jargon-laden, and difficult to understand. The official synod preparatory document, by most estimates, is much the same.

In 1946, George Orwell wrote that modern English prose, especially when produced by politicians or bureaucracies, “consists less and less of words chosen for the sake of their meaning, and more and more of phrases tacked together like the sections of a prefabricated hen-house.”

“The whole tendency of modern prose is away from concreteness,” Orwell wrote, adding that “modern writing at its worst does not consist in picking out words for the sake of their meaning and inventing images in order to make the meaning clearer. It consists in gumming together long strips of words which have already been set in order by someone else, and making the results presentable by sheer humbug.”

Modern ecclesial prose, especially when it is written by committee, fits some of that description.

Observers have long lamented the tendency of contemporary Vatican documents to read more like text produced in Brussels committee rooms or Washington, DC think tanks than like the clear, prophetic, and direct language that might be expected from religious leaders. There are notable exceptions, but finding the point in Vatican prose can sometimes seem a Herculean labor.

Synodal documents are especially susceptible to the modern tendency toward vagueness and imprecision, because they are designed to accommodate, or at least give nod to, the particular agendas of all those who have spoken into their creation.

As a result, Vatican synods are often very long meetings, sometimes quite controversial during their proceedings, leading to final documents soon shelved. It is infrequent that a document produced by a synod becomes a major point of reference for the Church.

When that does happen, it is because of the decisions of the pope, not the deliberations of the synod. Francis, like Pope Benedict and Pope St. John Paul II before him, has on some occasions used the opportunity of a post-synodal apostolic exhortation to say something with significant impact on the life of the Church. But a post-synodal apostolic exhortation that generates as much conversation as did *Amoris laetitia*, or, less controversially, *Christifidelis laici*, is the exception, rather than the rule.

Synods are meant to be conversations. They have no power to effect policy, or proclaim doctrine. The outcome of the conversation does not bind the pope. Their documents, even if taken up as official texts of the Church, bind neither will nor intellect. The synod is not an ecumenical council.

And when the language of a synod - even before it has begun - is laden with slogans, maxims, and ambiguity, it is all the more likely that the outcome of the meeting will be similar. For those wishing to usher in major changes to the Church, a synod is likely the wrong place to expend energy. The effort required is significant, and the return on that effort is not.

The Amazonian synod will be a matter of controversy. During the meeting, journalists, myself included, will raise issues and concerns, especially if procedural law seems to be shaded in order to produce a predetermined outcome. Given the terms of the debate, the final synod document may well contain serious theological issues. But, after the synod, if history is a reliable guide, very little is likely to happen that is not already - right now - likely to happen.

The synod's best value, perhaps, is as a kind of barometer. During the meeting, there is a great deal to be learned about the state of the Church. The debate around the synod is worth watching. The politics may well become fierce. But the practical stakes of a synod - which has neither power nor authority - remain, by design, exceedingly low.

## **B. U.S. bishops at odds over Amazon synod's married priest proposal**

- [Christopher White](#), Jul 9, 2019, Crux



Spanish Augustinian Father Miguel Angel Cadenas baptizes an infant in an Urarina indigenous community on Peru's Urituyacu River June 6, 2014. While the upcoming Synod of Bishops on the Amazon aims to highlight the damage wrought by climate change and exploitation, the possibility of ordaining married men to minister in remote areas of the rainforest continues to garner more attention. (Credit: CNS.)

NEW YORK - While the upcoming Vatican meeting of bishops from the Amazon is focused on pastoral needs for that Phànicular region, two U.S. bishops have weighed in on one of its central proposals - offering starkly different takes.

Bishop Joseph Strickland of Tyler, Texas and Bishop Richard Stika of Knoxville, Tennessee have taken to Twitter in recent days to comment on the Pan-Amazonian Synod's working document, which raises the option of ordaining married men in order to provide greater access to the sacraments, Phànicularly in the remote areas of the region.

**RELATED: Married priests officially on the agenda during Amazon synod**

While both U.S. prelates are considered to be theologically conservative, their responses reflect a wider divide over the issue, which is likely to be one of the most divisive issues debated when the Synod convenes in October.

In a series of Tweets over two days, Stika defended the proposal of allowing married priests, noting that he assented to the authority and wisdom of the pope on the matter.

In his first message, he wrote that “Since the Church already has married priests in the world, I see no reason not to. To deny the Eucharist because of Church discipline to a remote area is wrong.”



“Most likely the ones who may complain are folks who can easily go to Mass,” he added, noting that he has traveled in the region and recognized its remoteness.

After sparking a range of replies, he added: “For those who have attacked my position of ordaining married elders in the Amazon. You live in the United States where Mass is readily available.”

“You live in comfort and in many places people are begging for the Sacraments and in other places they are dying because of their desire. Your comfort makes you blind to those who are not so blessed. It is shameful. You are spoiled. You have an ignorance of the missionary world,” he added.

“If the Amazon Synod sees a need, and with the permission of the Vicar of Christ and the successor of Peter gives his assent then it is correct,” he wrote in another message.

Meanwhile, Strickland - whose commentary was less extensive, but more direct - wrote on Twitter: “China and Amazonia are half a world aPhân but the Vatican seems to have both regions on the same path to apostasy,” an apparent effort to compare the Amazon Synod to the Holy See’s recent deal with China which has caused controversy for allowing state input on the appointment of local bishops.



Strickland then linked to an article from *LifeSite News*, a right-wing website known for its criticism of Pope Francis and of the proposal to ordain married priests.

Both Strickland and Stika are among the most actively engaged U.S. prelates on social media.

While critics of the proposal have made sweeping claims that it could lead to the end of the celibate male priesthood, the language of the Synod working document is quite limited.

“Affirming that celibacy is a gift for the Church, it is requested that, for the most remote areas of the region, the possibility of priestly ordination for elderly people is studied,” says the 60-page document, which was released last month.

The document goes on to note that the elderly ordained in remote areas should “preferably [be] indigenous people, respected and accepted by their community, even if they already have a family that is established and stable, in order to ensure the Sacraments that accompany and sustain the Christian life.”

Pope Francis, an Argentine native who has spent time in the region, has been particularly attentive to the argument that married priests, particularly the ordination of what are known as the *virī probati*, married men of proven virtue, many of whom already serve as permanent deacons, could offer an immediate benefit to Catholics in areas that often go months without seeing a priest or receiving the sacraments.

The issue of priestly celibacy remains one of Church discipline, rather than doctrine, and should he authorize the proposal, this would not mark the first time a pastoral accommodation has been made.

Many eastern rite Catholic Churches allow married men to be ordained, and the Catholic Church allows some married Protestant clergy who convert to remain in priestly ministry, most recently with Pope Benedict XVI’s establishment of the Anglican Ordinariate in 2009.



The Synod on the Amazon will take place in Rome October 6-27 and will cover a range of issues, including that of the environment, urbanization of the region, poverty, and indigenous theology.

### **C. Cardinal Gerhard Muller: ‘True Reform of the Church Is About Her Renewal in Christ’**

In a wide-ranging interview that discusses the Pan-Amazon synod and the Church in his home country of Germany, the cardinal says Western Christianity is experiencing a crisis of faith and spiritual leadership.

**Edward Pentin**

The thinking behind the much-debated working document for the Synod of Bishops for the Pan-Amazon Region is a “projection” of European theological thought not in accord with Catholic theology and needs to be corrected “in a more Catholic way,” Cardinal Gerhard Müller has said.

In comments to the Register to be broadcast on EWTN Poland, the prefect emeritus of the Congregation for the Doctrine of the Faith also said priestly celibacy cannot be changed (some involved with organizing the synod wish to ordain married men in the Amazon region) “as if it were only an external discipline, as it is deeply connected with the spirituality of the priesthood.”

Furthermore, the German cardinal sees an obvious “connection” between the agenda for the Oct. 6-27 synod and the “synodal path” proposed by some German bishops as a means to modify the Church’s teaching on sexual morality. He also discusses Pope Francis’ recent letter to German bishops, why he wrote his “Manifesto of Faith” in February, and why Pope St. John Paul II’s teachings appear to be given less attention during this pontificate.

*Your Eminence, what are your views on the instrumentum laboris for the Pan-Amazon synod?*

It’s only a working document, it’s not a document of the magisterium of the Church, and everybody is free to give his opinions about the quality of the preparation of this document. I think there isn’t a big theological horizon behind it. It has been written mostly by a group of German descendants and not by people who are living there. It has a very European perspective, and I think it is more of a projection of European theological thinking upon the people of the Amazonian region because we heard all these ideas 30 years ago.

Not all of the ideas accord with basic elements of Catholic theology, especially the conception of religion. We have the conception of a revealed faith, historically realized in the Incarnation of the Word of the Father in Jesus Christ, infused by the Holy Spirit. But the Catholic Church is not a religion as a natural relation to transcendence. We cannot understand

the Catholic Church only within the frame of a concept of religion. Religions are made by man, they are impressions, means, rites of anthropological desires and thinking about the world, but our faith is based on the revelation of God in the Old and New Testament, in Jesus Christ. We, therefore, have to correct this thinking in this document in a more Catholic way.

*Critics have said this document takes its starting point from the trials and sufferings of the people of the Amazon and not Revelation and Christ himself.*

It can start with suffering of the people, but this is not the starting point of the Catholic faith. We begin with baptism, and we confess our faith to God, Father, Son and Holy Spirit. Christ himself came into the world, and his cross takes on all the suffering of the world. But it's another thing to begin with people and then to relativize revelation only as an expression of European culture. That is absolutely wrong.

*There is also a focus on theology that some critics believe is basically a "cultural recycling of liberation theology." Do you agree this document possibly represents a push to pass liberation theology through the back door?*

Liberation theology is a wide concept, but liberty is the basic element of our faith because we are saved, we've been freed by Jesus Christ from sin, liberated from distance from God. This [liberty] also contains the healing of worldly elements and dimensions, but we cannot convert the approach of Christ and his cross and his taking all the suffering and sins of the world on himself to an immanent approach, as then, in the end, we relativize Revelation as only one expression of the Greek-Roman culture. It's the wrong approach.

Liberation theology is a Catholic theology that begins with Revelation, that begins in Holy Scripture, in the Tradition, the magisterial life of the Church, and we cannot put the stress on a new hermeneutic that is alien to the Catholic faith.

*So you would argue that liberation theology per se is okay, but it can be used in different, unorthodox ways?*

It can be understood as Christians taking over responsibility for society, integral development. We are not only interested in the world, but in the center of Revelation, which is communion with God, beginning in this life, and also the radiance of the good works that God made for us.

But we cannot convert Christianity, the Church, to being an NGO only for a worldly development, so that immanent development is the center of our faith. Our faith is in relation to the Triune and personal God.

*Do you think this document leads to a more immanent perspective (that the divine is manifested in the material world), rather than a Catholic one?*

Yes, this is the danger because behind this document are not great theologians, and there is this more practical, rather ideological approach to the questions.

*The other aspect some are concerned about is priestly celibacy, and that the document raises the possibility of ordaining married men, or mature men with families, to the Catholic priesthood in the Amazon. Are you concerned this could lead to an undermining of clerical celibacy universally, as some critics have said?*

Well, on the one hand, they are pushing for this [an end to mandatory priestly celibacy] and saying it openly, and, on the other hand, saying when asked that they won't undermine priestly celibacy. The discipline is rooted in the spirituality of the priesthood in the Western and Latin Church. We cannot change it as if it were only an external discipline, as it is deeply connected with the spirituality of the priesthood, as the Second Vatican Council said (*Presbyterorum Ordinis*, 16).

We accept married priests in the Eastern Churches where there's this tradition, but the Latin Church will continue with celibacy in the priesthood in this way. I think this isn't the great solution they expect which will resolve all the problems, because the crisis in Christianity in the Western world is nothing to do with the celibacy of the priesthood and religious vows. It is a crisis of faith and also of the spiritual leadership.

*Many of the people involved in this synod are of a German background. It was said in Vatican II that the Rhine flows into the Tiber. Would you say this is similar, a case of the Rhine flowing into the Amazon?*

We see it's not a good influence because the Catholic Church is going down in Germany. Look at the results. They [German Church leaders] are not aware of the real problems [in the Church today], and they are speaking about sexual morality, celibacy and women priests. But they don't speak about God, Jesus Christ, grace, the sacraments, and faith, hope and love, the theological virtues, and the responsibility Christians and the Church have for the development of the society in which there's a deep legalism and desperation — like the Pope said, of a new Gnosticism and a new Pelagianism.

We are not able to promote the Gospel for people in Germany and other Phàns of Europe, such as Belgium and the Netherlands. And you see the consequences of this progressive wave.

*Why is there this German influence on this synod — is it because they want to use the meeting to perhaps coincide with this “synodal path” that’s being proposed by Cardinal Reinhard Marx? Is there a connection with this?*

There is obviously a connection. They dealt with sexual abuse in absolutely the wrong way. They were not able and could not see the real causes and reasons of this crisis, and they’re speaking all the time about other things that have nothing to do with it.

We also don’t learn from the decline of Protestantism in Europe. You have all these married pastors, their acceptance of same-sex “marriage,” and they don’t have celibacy. But in spite of this, the situation of the Protestant church in Europe is worse than in the Catholic Church. So this cannot be the medicine to overcome the deep crisis, the crisis of faith. It’s a misunderstanding of the apostolic mission of bishops, who are not political leaders. In the end, it will be useless.

*What do you think of synodality and this “synodal path” as a means of governing the Church? Do you think there’s a danger, as some believe, that it could bring alien ideas into the Church?*

I think it’s very idealistic. There’s no biblical foundation for it. We speak of collegiality of the bishops, but we now see in the so-called reform of the Curia that the Curia is in danger of turning into any other secular institution. All power is concentrated in the Secretariat of State. They don’t speak about the Participation of the Roman Church or the Petrine authority of the Pope. They’re suppressing the word “congregation” [used for Vatican departments with executive authority], which is a translation of *synodus* in Greek.

So, on the one hand, they’re suppressing the synodality of the Holy Roman Church, the College of Cardinals, and, on the other hand, they’re converting the institution of the Curia into simply a bureaucracy, into only functionalism and not an ecclesiastical institute. We have a common responsibility to be involved in the life of the Church, that is true, but we have had this universal Participation since the beginning of the Church, for 2,000 years.

We cannot now invent the Church as if the Church is old-fashioned and now to be refashioned according to those calling themselves progressives, who want to build the Church according to their ideas.

*In February you wrote a “Manifesto of Faith.” Why did you write it?*

I was asked by many people to say something because of a certain chaos in the Church and much misunderstanding about the essentials of Christianity: What is matrimony, what is the

priesthood, for example? We cannot deny all that is said in the Old and New Testament and in the Tradition of the Church.

We have a deep theology about the seven sacraments, and this cannot be dominated by doubts over these essential elements, which are leading us to eternal life. Therefore, I just underlined the essential points of our Christian faith, the Trinity, the Incarnation, the sacramentality of the Church, the identity of our faith and our life, and our hope for eternal life.

The reaction was not always very intelligent, and I could not understand it; in fact, nobody could understand why pointing out these basic elements of the faith could be interpreted as a criticism of the Pope, the Successor of St. Peter, as he has the highest responsibility for the expression of our faith. This is given in our Creed — it begins with: ‘I believe in’ God the Father, Son and Holy Spirit, creation, redemption and the ultimate perfection of sacraments, and hope for eternal life. We are baptized in the name of the Triune God, and we express our belief in the works of creation, redemption and the gift of eternal life.

*Did you support the recent “Declaration of Truths of the Faith” issued by Cardinal Raymond Burke and four bishops?*

It is all true what they said, no?

*Cardinal Rainer Maria Woelki of Cologne has thanked Pope Francis for his letter to the German Church for “fearlessly” calling on Catholics in Germany to be a missionary Church in the face of the Church’s decline there. But others have warned that it can be read in different ways and that it speaks of the Church in Germany being “before a fundamental transformation process.” What is your own view of the letter, and how important is it for the German Church?*

In his letter to German Catholics, the Pope has set the standard for Church unity in the truth of Revelation. We believe in the Triune God and his Church as a sacrament of the salvation of the world. Therefore, the process of transforming the Church into a secular organization with spiritual and social services is nothing more than a contradiction of her divine foundation and mission.

The mental abandonment of the whole undertaking is reflected in loss of reality in the analysis of the causes of sexual abuse of young persons. Its causes lie in individual violation of the Lord’s commandments and in the hedonistic atmosphere in the Western world.

The redirection of sexual impulses to adults of both sexes, which is disguised as a reassessment of sexual morals, does not eliminate a contradiction of God’s commandments.

The seduction of men and women over the age of 18 is also a mortal sin, “which excludes from the Kingdom of God” (1 Corinthians 6:9) and a “dishonoring of one's own body” through behavior against the nature given by God, male and female (Romans 1:24-27). Sexual relationships have a legitimate, morally impeccable and graceful place only in the marriage of a man and a woman. I also hope that on the question of connecting the priesthood with celibacy, one does not fall short of the teaching of the Second Vatican Council (*Presbyterorum Ordinis*, 16) and the encyclical *Sacerdotalis Caelibatus*.

True reform of the Church is about her renewal in Christ and the revival of apostolic zeal for man's eternal salvation. Among the loud and officious protagonists arrogantly calling themselves reformers are a few who shine with the sanctity of life, the readiness for sacrifice and renunciation, and for complete surrender to Christ and the Church, his beloved Bride and our mother in faith. The very terms just mentioned only elicit an ironic smile from them for so much lack of enlightenment and proximity to the modern reality of life.

The great reform movements in Church history have produced saints and have been promoted by scholars in the sacred sciences and by clergy and religious who related themselves to the word of the Lord: “The zeal for your house consumes me” (John 4:17).

*We recently celebrated the 40th anniversary of Pope St. John Paul II's election, but why do you think his teaching is being marginalized during this pontificate and not upheld like it used to be?*

Because in the background there is this strange idea that Vatican II and its reforms were stopped by John Paul II and Benedict and now we must overcome this “block” and begin anew when Vatican II ended. But this is not a valid Catholic idea.

We believe in the continuity of the Church and every pope, council and bishop. Every time period has special importance, as does every pope and bishop within the context they are living — but always in continuity with all the councils and all the popes of the past.

We cannot contradict the councils, saying “I am for the Council of Trent,” another saying, “I am for the First Vatican Council,” someone else saying, “I am for the Second Vatican Council,” and a third wanting a Third Vatican Council. The Councils are not a re-foundation of the Church; they have only the authority to express and confess the Catholic faith at that time. Never will we receive a new revelation (II.V, *Dei Verbum*, 10), because “grace and truth have come through Jesus Christ” (John 1:17).

*Edward Pentin is the Register's Rome correspondent*

#### **D. In the Amazon, the Karipuna people fight to defend their land**

"If we allow our territory to be occupied by mining companies, it will create a precedent for them to enter any community. And that would mean death for us".

### **By Cristiane Murray**

Simone is one of the Karipuna people who live in the indigenous territories of Uaçá, Juminã and Galibi, in Oiapoque, Brazil. The territory is located in the extreme north of the state of Amapá and borders on French Guyana. The municipalities of Calçoene, Serra do Navio and Pedra Branca do Amapari lie to the south. To the west lies Laranjal do Jari and to the east the Atlantic Ocean.

Simone was interviewed by "Voice of the Amazon", a project of the communication team of the Pan-Amazonian Ecclesial Network, Repam, in collaboration with Verbo Filmes, a Catholic production company linked to the Congregation of the Divine Word Missionaries, and the Jesuit-run UNICAP Humanitas Institute.

Simone insists that, whatever plan or project the government intends developing in the indigenous territories, the local people must be "consulted and listened to".

Simone Karipuna

#### [A decree that would mean death](#)

According to Simone, and to the Galibi Marworno, Palikur, Galibi Oiapoque and Karipuna people, a recent Federal Government decree authorizing mining in the National Reserve of Copper and Associates (RENCA), would mean the death of the local indigenous people. The RENCA covers an area of over 46,000 square kilometres, home to a variety of communities.

"If we let these companies enter a region", says Simone, "we create a precedent for them to enter any community. For us that would mean death".

#### [The impact of mining companies](#)

Simone explains how all the people of the region have come together to discuss how to prevent the implementation of the decree. They are concerned about mining companies settling in the region and fear contamination of rivers and streams, as well as the general environmental and social consequences of the project.

#### [Our unity is our defence](#)

Simone is critical of the decisions taken vertically by the government: "When we see such projects arriving so suddenly, from the top down... we, who are guardians of our territories, must simply take note. So we decided to join forces to defend ourselves: when one of us is affected, we are all affected". Simone points out how eleven indigenous peoples live in the area covered by the RENCA, in Amapá and in the north of Pará, and others have yet to be recorded. "We want to be consulted and respected", she says. "The authorities must listen to us before making any decision, before sending any companies onto our land".

### **[E. Cardinal Mueller criticizes 'false teaching' on revelation in Amazon synod doc](#)**



Cardinal Gerhard Ludwig Mueller. Credit: Daniel Ibanez/CNA.

Vatican City, Jul 16, 2019 / 08:27 am ([CNA](#)).- That the working document for October's Synod of Bishops calls the Amazon region a source of revelation is a "false teaching," Cardinal Gerhard Mueller said Tuesday.

If in the *Instrumentum laboris* of the Amazon synod, "a certain territory is being declared to be a 'Particular source of God's Revelation,' then one has to state that this is a false teaching," the German cardinal said.

"For 2,000 years, the Catholic Church has infallibly taught that Holy Scripture and Apostolic Tradition are the only sources of Revelation and that no further Revelation can be added in the course of history," he clarified.

[Mueller's analysis](#) was simultaneously provided to CNA's sister agency CNA Deutsch and several other news outlets, July 16. [The working document](#) for the special assembly of the Synod of Bishops for the Pan-Amazonian region, which will take place in October, was published June 17.

In his seven-page response, Mueller said he believes in the goodwill and intention to promote the Catholic faith of those who prepared the *Instrumentum laboris*, but underlined what he sees as weaknesses in both form and content.

He referenced paragraph 19 of the document, which says the Amazon, or another indigenous territory, is not only a geographical space, but "a *quid* or a *what*, a place of meaning for faith or the experience of God in history."



“Thus,” the paragraph continues, “territory is a theological place where faith is lived, and also a Phànicular source of God’s revelation: epiphanic places where the reserve of life and wisdom for the planet is manifest, a life and wisdom that speaks of God.”

Mueller compared this comment to what it says in [Dei Verbum](#), Vatican II’s dogmatic constitution on divine revelation, that “we now await no further new public revelation.” He added that “Holy Scripture and Tradition are the only sources of Revelation.”

The cardinal said his main concern with the document is what he sees as an ambivalence in the definition of key terms and their general overuse. He lists, as examples, integral development, synodal path, and a Church reaching out.

Mueller also criticized the document’s reference to “*Theologia indigena* and the eco-theology.”

Theology is “the understanding of God’s revelation in His Word and in the Faith-Profession of the Church,” he said, not the “continuously new mixture of world feelings and world views...”

The Church should not, he argued, abandon the knowledge of classical and modern philosophy, of the Church Fathers, of modern theology, and of the Church Councils for the “Amazonian cosmovision.”

On the idea of inculturation of the liturgy in Phànicular, Mueller warned of the importance of sacramental integrity. Inculturation can help “ingrain in culture the Sacraments,” but the sacramental signs themselves cannot be changed, he said. “That would not be inculturation, but an inadmissible interference with the will of Jesus as founder of the Church.”

Mueller said he believes every Catholic will agree with the pre-synod document’s desire for the men and women of the Amazon to not remain the object of colonialism and neo-colonialism.

“It is clear in Church, society, and state,” he said, “that the people who are living there – especially our Catholic brothers and sisters – are equal and free agents in their lives and work, their Faith and their morality, and this in our common responsibility before God.”

What he believes the *Instrumentum laboris* is missing, however, is “a clear witness to the self-communication of God in the *verbum incarnatum*, to the sacramentality of the Church, to the Sacraments as objective means of Grace instead of mere self-referential symbols...”

That “the integrity of man does not only consist of the unity with a bio-nature, but in the Divine Sonship and in the grace-filled communion with the Holy Trinity,” he explained, “not only with the environment and our shared world.”

“Due to the substantial unity of body and soul, man stands at the intersection of the fabric of spirit and matter,” he explained. “But the contemplation of the cosmos is only the occasion for the glorification of God and His wonderful work in nature and history. The cosmos, however, is not to be adored like God, but only the Creator Himself.”

“Instead of presenting an ambiguous approach with a vague religiosity and the futile attempt to turn Christianity into a science of salvation by sacralizing the cosmos and the biodiverse

nature and ecology, it is about looking to the center and origin of our Faith,” he said, the Incarnation.

## **F. ‘The Pan-Amazonia Region Is a Laboratory for Society and for the Church,’ says Sister Nathalie Becquart**

Reading of the Working Instrument of the Synod for Amazonia

July 17, 2019 01:50 [Anita Bourdin](#) [Synod of bishops](#)

Pope Francis announced the Synod on Amazonia on October 15, 2017, with the main objective being to “find new ways for the Evangelization of this portion of the People of God, in particular, the Indians, often forgotten and deprived of the prospect of a serene future, notably because of the crisis touching the Amazonian forest, lung of capital importance for our planet,” recalls Xaverian Sister Nathalie Becquart, Consultant for the General Secretariat of the Synod of Bishops, published on July 15, 2019, on the site “Catholic Universal Mission,” a presentation of the Synod for Amazonia’s Working Instrument — a Synod that “concerns us all.” “The Pan-Amazonian Region, Laboratory for Society and for the Church,” titles Sister Nathalie Becquart.

The Synod will be held at Rome from October 6 to 27, 2019, with the theme “New Ways for the Church and for An Integral Ecology.” This document — the *Instrumentum Laboris*” (IL) – constitutes a stage in a “process of discernment”: it’s not a point of arrival.

### **Preparation of a Synod**

Sister Nathalie Becquart recalls that the original of the Working Instrument was written in Spanish<sup>[1]</sup> and that this Special Assembly for Pan-Amazonia involves specifically the dioceses of nine countries, however, “all of them concern us.” The subjects to be addressed are: ‘Inculturation, integral ecology, migrations, urban evangelization, new ministries . . . touching also questions of a universal dimension.’”

She recalls Pope Francis’ choice,<sup>[2]</sup> attentive to the geographic and existential peripheries” and ”to the major challenge of integral ecology,” which includes humanity and not only the “common home”: “important source of oxygen,” “reserves of bio-diversity” and “sweet waters” but also “diverse populations” that are “threatened by dangers of all sorts.” Therefore, the Synod will listen to “these populations with the desire that they be more subjects and protagonists by being more committed to their side in a prophetic way.”

She also recalls the approach of the preparation for a Synod: a coming and going of consultations and questions and responses between Rome and the local Churches up to the composition of this basic working document “fruit of a wide survey. It reflects “the clamor of these peoples and the clamor of a land increasingly menaced. It also gives an account of questions, sites, and suggestions proposed so that in these places the Church takes on more of an Amazonian and prophetic face in order to highlight the principal social and ecological challenges of this territory.”

### **The Document’s Three Sections**

She recalls the writing of the document in three Phàn, in paragraph 4. “The *Instrumentum Laboris* is made up of three Phàn: the first, to look and listen; it is entitled “The Voice of Amazonia” and its objective is to present the reality of the territory and its populations. In the second Phàn, “Integral Ecology”: the clamor of the land and of the poor, the ecological and pastoral problem is addressed and, in the third Phàn, “Prophetic Church in Amazonia: Challenges and Hopes, the Ecclesiological and Pastoral Questions,” they are in sum “the three conversions to which Pope Francis invites us: pastoral conversion, to which he calls us in his Apostolic Exhortation *Evangelii Gaudium* (to look and to listen); the ecological conversion described in the Encyclical *Laudato Si’*, which gives the heading (judge-act); and conversion to ecclesial synodality thanks to the Apostolic Constitution *Episcopalis Communio*, which structures this ‘walking together’ (judge-act). All this is a dynamic process of listening and discernment of new ways by which the Church in Amazonia will proclaim the Gospel of Jesus Christ in the coming years.” (IL[3] paragraph 5).

### **At the Service of An Integral Human Ecology**

The first Phàn “attempts to read the signs of the times by posing on the Amazonian reality (territory and people where God works) a look of faith”: “It puts in the light the “seeds of the Word,” which go across these cultures but also the many threats and dramas that put this region in danger.” Therefore, “the Church urges a cry of alarm,” explains the author. She recalls the parable heard last Sunday. “Therefore, the Church feels called to take the look of the “Samaritan:” to defend the life of these populations and to combat the exploitation of this territory, increasingly wounded and it is by an approach of integral ecology, because in Amazonia, the territory and the peoples are profoundly linked (Nature makes a whole with man).[4] It is why the conception of life of these populations, structured around the search to “live well,”[5] joins the approach of an integral ecology.

### **A Synod that “Concerns Us All”**

The second Phàn continues this “process of discernment.” It’s by seeing what it is that “makes an obstacle to life” and of “taking the measure of urgency of an integral ecological conversion (Cf. Chapter 9), which implies “unlearning, learning and relearning (paragraph 102)” in order to restore adjusted relations of respect and reciprocity between man and nature,[6] between human beings, between man and God. “

“This Phàn then enters in detail in very concrete Amazonian situations to propose practical suggestions, which will be discussed at the Synod”: yes, it’s necessary to recall it. The “Working Instrument” just proposes elements to the discussion of the world’s Bishops, beginning from the “photograph” of the situation. And likewise the Synod’s discussion doesn’t loop the loop: it is the Pope who then knots the sheaf with a Post-Synodal Apostolic Exhortation.

Sister Nathalie Becquart also notes the points on which the Synod for Amazonia “concerns us all.” At stake also in Amazonia are more global phenomena, such as the migrations[7] addressed in chapter 3, urbanization (chapter 4), the transformation of the family (chapter 5) corruption (chapter 6) health (chapter 6), education (chapter 7). The analyses and suggestions proposed will thus clarify and echo what is happening in other regions of the world. “

### **For a New Evangelization with Young People**

“The third Phần entitled “Prophetic Church in Amazonia: Challenges and Hope,” addresses pastoral and ecclesiological questions in a perspective clearly posed, that of inculturation and of interculturality,” explains Sister Nathalie Becquart, who adds: “On stressing that “Evangelization is a testing ground for the Church and for society” (IL Paragraph 106), this Synod is finally situated altogether in the same line as the preceding one on “Young People, the Faith and Vocational Discernment.” In fact, one rediscovers here the key question of evangelization in cultures.”

She specifies the approach: “Just as the Synod of October 2018 sought to put in light what makes possible an inculturated evangelization in the world of young people, which calls for learning their codes and languages and for taking into account the anthropological, social and cultural changes that affect them, so the Church’s mission in Amazonia requires a creative, courageous, and daring approach for the advent of “a Church with an Amazonian and missionary face” (Chapter 1). The challenges proper to the Amazonian realities and populations also touch, in fact, important sites of the universal Church. Because it’s about no more and no less than aiding the Church of Amazonia to come out of a “tradition made of mono-cultural colonialism, of clericalism and of domination” to “discern and assume without fear the different cultural expressions of peoples” (IL paragraph 110).”

She argues that “one of the major issues of this Synod, focused on a Phànicular region is, in fact, the much more global issue of inculturation and of the decentralization of the Church, central <point> of Francis’ pontificate.”

In sum, “The Church, called to become Church that goes forth, to turn to the peripheries, must take the face of a polyhedric communion rich in diverse expressions. The tracks drawn here are those of the Synodal Church: a Church that listens, a Church in dialogue, a missionary Church, a welcoming Church, a Phànicipatory Church, a creative Church, a harmonious Church, an inculturated Church (notably by proposing a greater inculturation of the liturgy with indigenous peoples), a Church engaged with the poorest that fights against injustices.”

### **Suggestions for the Discussion at the Synod**

Sister Nathalie addresses the passage most covered by the media, in chapter 4 on “The Organization of Communities.” It is there that suggestions are evoked in the list proposing the possibility of “proceeding to the priestly Ordination of older persons, preferably indigenous, respected and accepted by their community, even if they have a constituted and stable family, in order to guarantee the possibility of offering the Sacraments that accompany and sustain Christian life.” (IL paragraph 129.a). And a bit further on, the invitation to “identify the type of official ministry that can be conferred on women, taking into account the central role that they play today in the Amazonian Church.” (IL paragraph 129.b), which could continue to open the debate on the feminine diaconate.”

However, Sister Nathalie invites not to reduce the document to these suggestions. “This Phần on the new ministries insists also more generally on the role of the laity (their formation, Phànicipation, and co-responsibility), the role of women (with the request that women be heard, consulted and Phànicipate in the taking of decisions), the role of consecrated life<sup>[8]</sup> (on proposing to promote an alternative and prophetic, inter-congregational, inter-institutional consecrated life) and the role of young people (with whom it is urgent to dialogue) (Paragraph 129.3e).”

She also stresses that chapter 5 concerns “evangelization in the cities.” It “invites to re-think the ecclesial structures and to work more on pastoral synergy.

The ecumenical and inter-religious dialogue is the object of chapter 6 with “the rise in power of the Evangelical Churches” in the region, and chapter 7 concerns “the mission of the means of communication”: “key elements of evangelization and of the sensitization to ecological conversion.”

Chapter 8 addresses “the prophetic role of the Church and integral human promotion.” “The engagement in favor of the poorest<sup>[9]</sup> and respect of the rights of indigenous peoples are an integral Phần of evangelization.”

### **Accompany the Synod**

Sister Nathalie Becquart concludes that “this Synod on Amazonia, putting as it does the focus on a specific region, which is strategic for the future of the planet, concerns us all because, in the end, it touches global and vital issues for the safeguarding of our common home.” “It also concentrates on key questions and major sites for the Church in today’s globalized and fragmented world in tension between forces of life and forces of death. Therefore, we are invited to pray especially for this Synod and to deepen and follow up on its reflections and works, and to mobilize ourselves largely to follow and accompany this Synod.”

<sup>[1]</sup> All the documents and information can be found on the Vatican’s official site dedicated to the Synod on Amazonia.

<sup>[2]</sup> It is the Region that includes Phần of Brazil, as well as of Bolivia, Colombia, Ecuador, Peru, Venezuela, Surinam, Guyana and French Guyana, covering a surface of 7.8 million square kilometers with 34 million inhabitants, three million being Indians belonging to over 390 ethnic groups.

<sup>[3]</sup> IL is the abbreviation for *Instrumentum Laboris* thereafter in the article

<sup>[4]</sup> “The defense of life implies the defense of the territory, of its resources and natural goods, but also the life and culture of the peoples, which passes by the reinforcement of their organization, the fulfillment of their rights and the possibility of being heard.”

<sup>[5]</sup> See IL paragraph 2: The search for life in abundance with the indigenous Amazonian peoples is concretized in what they call to “live well.” <sup>[4]</sup>. It’s about living in “harmony with oneself, with nature, with human beings, and with the Supreme Being, because an inter-relationship exists between all the elements of the cosmos, where no one excludes anyone and in which it is possible to forge among all a plan of life in fullness.”

<sup>[6]</sup> “A fundamental aspect of the root of human sin is to detach oneself from nature and not recognize that it is Phần of oneself and of exploiting without limits, thus breaking the original alliance of the human being with Creation and with God (*Genesis* 3:5). (IL paragraph 99).”

<sup>[7]</sup> “Amazonia figures among the regions of greatest internal and international mobility in Latin America. The causes are socio-political, climatic, ethnic (persecution) and economic” (IL paragraph 64).

[8] “The Latin American and Caribbean peoples expect much from consecrated life [. . . which shows] the maternal face of the Church. Their ardent desire to listen, to welcome and to serve, their witness of alternative values of the Kingdom, show that a new Latin American and Caribbean society, founded on Christ, is possible” (DA p. 224). Therefore, it is proposed to promote an alternative and prophetic, inter-congregational, inter-institutional consecrated life with a readiness to go there where no one wants to be and with those that no one wants to be with. To support the insertion and itinerary of consecrated persons, men, and women, to be with the poorest and the excluded, and to plead for them politically to transform the reality. To propose to men and women religious who come from outside to be ready to share the local life with their heart, their head, their hands in order to unlearn the pre-established models, recipes, schemes and structures, to learn the languages, cultures, traditions of wisdom, visions of the world and indigenous mythologies. Taking into account the pastoral urgencies and in face of the temptation of immediate activism, it is recommended to dedicate time to learning the language and of the culture, in order to be able to weave bonds and develop an integral pastoral <program>. It would be good for the formation to religious life to include processes of formation pivoting on interculturality, inculturation, and dialogue between the Amazonian spiritualities and visions of the world. It will be necessary to give priority to the needs of the local populations rather than to those of Religious Congregations.

[9] “The Spirit speaks in the voice of the poor; it’s the reason the Church must listen to them, they are a theological place. On listening to their pain, silence becomes necessary to be able to hear the voice of the Spirit of God” (IL paragraph 144).

## **G. Synod for Amazonia: Mobilization of Latin American Priests**

In the Social and Educational Realms

July 16, 2019 16:27 [Marina Droujinina Synod of bishops](#)

The objectives of the campaign “*Dejate Abrazar*” (“*Let Yourself Be Embraced*”), promoted by the Latin American Jesuits, in view of the Synod of Bishops on Amazonia (October 6-27, 2019), are to “embrace” the planet’s green lung, which risks disappearing, to sensitize “to the main problems of Amazonia, to make known the work of Jesuits in the large region, and to extend the networks of solidarity making it possible to collect funds to support all these activities.

The campaign, which is being carried out in the social and educational realms, was presented recently in Lima, Peru, during a public meeting held at the Antonio Ruiz de Montoya University (UARM), reported L’Osservatore Romano in Italian on July 6-7, 2019. Father Roberto Jaramillo, President of the Provincial Conference of the Jesuits of Latin America (CPAL), Coordinator of the Pan-Amazonian Jesuit Service (SJPAM), attended the meeting.

It is a tireless work of Jesuits that, as can be read in the campaign’s Website ([www.dejateabrazar.org](http://www.dejateabrazar.org)) is taking place in different cities of different countries: Brazil, Colombia, Venezuela, French Guyana, Peru and Bolivia, in Phànicular in the border areas, such as the Apostolic Vicariate of Leticia, in Colombia, the Apostolic Vicariate of Saint Joseph of the Amazon in Peru, and the Brazilian diocese of Alto Solimoes.

In the realm of education, intervention strategies have been devised to reinforce the feeling of belonging in the territory among the teaching staff, the students and the communities belonging to the Jesuit educational network “Faith and Joy,” continues the same sourced, adding that a program in view of reducing acts of violence, sexual exploitation and the trafficking in human beings was elaborated in collaboration with other institutions.

“The task of the Church in Amazonia is to accompany the people and to stay close to them, to know their problems and ways, always with the desire to learn,” said Monsignor Vizcarra Mori, Apostolic Vicar of Jaen, who attended the presentation meeting.

“We must never lose sight of the main objective: the care of the common home, which is a priority of the Church and of the whole Society of Jesus,” added Father Alfredo Ferro, UARM’s Rector and President of the Network of Jesuit Universities of Latin America, who was also present at the meeting.

The indigenous leader Anitalia Pijachi, collaborator of the Pan-Amazonian Ecclesial Network (REPAM), compared the Amazonian land to a “wounded woman.” An “agonizing woman” that the Jesuits of Latin America try to heal with the remedy of proximity and assistance, promoting the rights of indigenous peoples and responding to their needs in collaboration with the local dioceses as, for example, through REPAM.

## **H. Key bishop in upcoming Amazon synod has hope for ‘at least female deacons’**

July 16, 2019 ([LifeSiteNews](#)) – Bishop Erwin Kräutler – a member of the preparatory council of the upcoming Amazon synod and a key author of the synod's controversial working document – said he has “hope” the synod will approve the ordination of female deacons along with the priestly ordination of married men.

Kräutler made it clear in his July 14 [interview](#) with the Austrian TV channel ORF, as well as in a recent [talk](#) in Austria, that allowing women to become deacons would be the “first degree of Holy Orders” and could ultimately lead to women becoming priests within the Catholic Church.

“The fact is that our 800 parishes [in his Diocese of Xingu, Brazil, where he is the retired bishop] are led by laymen, and two thirds even by women,” he said. The priest “comes by only two or three times a year, and this I consider to be a scandal.” These parishes have the Liturgy of the Word, but not the Holy Eucharist.

“When two-thirds of these parishes are led by women,” he continued, “why can they then not also obtain ordination and preside on Sundays over the Holy Eucharist? Does one then have a man [priest] who comes and pushes the woman away, even though she led the parish for years and with competence and with much empathy? And then a man comes and pushes her away. I cannot imagine this.”

When asked which ordination he is thinking of, Kräutler answered: “at least the female diaconate, that is what we hope for at the Amazon synod. The first degree of Holy Orders. And then we can see.”

When asked if he thinks such a move is “realistic,” the bishop answered: “Yes I do.”

Kräutler suggested regarding the ordination of women that the Pope could leave the decision up to individual bishops or bishops' conferences.

When asked by the journalist as to why, during his work as a bishop in Xingu, there were so few vocations in his diocese, the Austrian prelate responded that "the real reason is celibacy." He explained that he did ordain "a few priests," but half of them later left the priesthood because of celibacy.

Speaking about how he lived out his celibacy, Bishop Kräutler said that he had "never wrestled with celibacy," adding "of course it is not so easy," and that there are times of loneliness, "where one would like to talk with someone." But, he continued, "the decision has been made."

Kräutler also explained that he has "absolutely no difficulties" if married priests were to be introduced in Austria, adding that "we can well imagine how it will look here in ten years."

"The time is ripe" for such a change, he stated.

The bishop describes himself as a liberation theologian and claims that this approach is "intimately biblical" and that it is about "helping the poor and those who are excluded," and this is a concern of "the Pope, too."

In his recent [talk](#) in Dornbirn, Austria, Bishop Kräutler said that "the litmus test of the [Amazon] Synod will be whether we will reach the goal that at least (with quotation marks) the diaconal ordination become possible for women."

Here, he pointed out that, since 1919, women have been permitted to vote, yet in the Church, "there are still two types of people."

"In the Church," the Austrian bishop said, "we have an above and a below. And this is not what Jesus meant. Jesus emancipated women."

When the ORF journalist asked Bishop Kräutler what he thinks could come out from the Amazon synod, he answered, "that regional bishops' conferences receive the right to ordain to the priesthood married men." He then followed up his answer by stating that women who are "totally available for their parishes, but have families," should "at least" be "ordained as female deacons," adding that this "would be at least a beginning."

In his 1994 Apostolic Letter *Ordinatio Sacerdotalis*, John Paul II declared that the Church has "no authority whatsoever to confer priestly ordination on women and that this judgment is to be definitively held by all the Church's faithful."

In March of 2018, Pope Francis had called Bishop Kräutler into the preparatory council of the October 2019 Pan-Amazon Synod, and he has since been often traveling to Rome for consultations. He is also one of the key authors of the June 17 working document (*Instrumentum Laboris*).

The working document has been strongly criticized by a number of high-ranking prelates within the Catholic Church.



- Cardinal Gerhard Müller, former Prefect of the Congregation for the Doctrine of the Faith (CDF), [has criticized the document](#) for its "radical u-turn in the hermeneutics of Catholic theology" and for its "false teaching."
- Cardinal Walter Brandmüller, one of the two remaining dubia cardinals, [issued a critique of the document](#), calling it "heretical" and an "apostasy" from Divine Revelation. He called upon Church leaders to "reject" it with "all decisiveness."
- Cardinal Raymond Burke has also [commented on remarks made by Amazon Synod organizers](#), saying that relaxing priestly celibacy for the Amazon region would affect the universal Church. "It is not honest" to suggest that the October meeting is "treating the question of clerical celibacy for that region alone," he said last month.
- Bishop Marian Eleganti, the auxiliary bishop of Chur, Switzerland [has also stated](#) that if ideas in the working document are adopted, they "will contaminate the whole Mystical Body of the Church – and gravely damage it."

One other consultant of the Amazon Synod is Father Justino Sarmiento, an indigenous priest from Brazil. He said in a recent [interview](#) with ORF that when they came together in the Vatican for some consultations, "there was always talk about women. Subsequently, Cardinal Baldisseri asked: 'You tell us that in the Amazon, women play an important role among the indigenous people. Why is this not showing in the preparatory document?'"

Father Sarmiento explained: "Thus it is important to me that women say themselves who they are, how they live and what they do, as indigenous women, also in the Church."

The priest makes it clear that female ordination is a topic in the pre-synodal discussions: "In the meantime, there have been made also some proposals, with the help of which we want to be heard. That contains especially to the vocation of ordained ministers for the [Liturgy of the] Word and the Eucharist."

As LifeSiteNews [reported](#), one pre-synodal meeting that took place in June in Rome afterwards published a statement, in which it asked for female deacons and married priests. Bishop Kräutler was among the Participants.

### **I.Prof explains why it's theologically impermissible for laity to govern Catholic diocese, parish**

July 4, 2019 ([LifeSiteNews](#)) – A German priest and theologian said that the powers bestowed on a priest at ordination, namely the power to consecrate the Eucharist and the power of government, may not be separated such that the power of government alone could be bestowed upon laity.

"The power of ordination (potestas ordinis) and the judicial power (potestas jurisdictionis) may not be separated," Karl-Heinz Menke, a priest and retired professor of dogmatics at the University of Boon, told LifeSiteNews.

When a bishop, for example, is appointed by the Pope, he receives his "jurisdiction over his diocese not from the Pope, but through his episcopal consecration [*i.e.*, through Holy Orders]," the theologian explained. The same applies to a priest and a deacon. A priest, for

example, is appointed by the bishop, but “exercises his jurisdiction not because of this appointment, but because of his priestly ordination.”

Professor Menke is a member of the Vatican's International Theology Commission who was appointed by Pope Francis as a member of the 2016 Study Commission on the history of the female diaconate. LifeSiteNews reached out to him and asked him to comment on the [working document](#) for the upcoming Amazon Synod calling for bishops to “reconsider the notion that the exercise of jurisdiction (power of government) must be linked in all areas (sacramental, judicial, administrative) and in a permanent way to the Sacrament of Holy Orders. (number 127)”

In other words, the Amazon Synod will reflect upon the idea of having laymen – male or female – rule over parishes or dioceses, thereby putting into question the hierarchical-sacramental structure of the Catholic Church. Cardinal Walter Brandmüller, in his [strong critique of the working document](#), stated that the hierarchical and sacramental aspects of Holy Orders may not be split aPhân. He called this section of the working document a “direct attack on the hierarchical-sacramental constitution of the Church.”

Professor Menke commented that “if one would want to entrust to a woman the governance of, for example, a diocese or a parish – without being able to ordain her as bishop or as priest – then we would return into an age (from the Middle Ages up to the Reformation), in which dioceses were ruled by prince-bishops who did not receive episcopal ordination and who had auxiliary bishops at their side to take care of the pastoral tasks.”

“This abuse had already been removed by the Council of Trent, and the Second Vatican Council (see LG 28) strictly binds the judicial power to the reception of the analogous [sacred] ordinations,” he said.

Vatican II's Dogmatic Constitution *Lumen Gentium* [states](#), in paragraph 28, that bishops, priests and deacons all exercise, on different levels, the “ecclesiastical ministry,” and this includes not only the teaching and sanctifying offices, but also the governing office. *Lumen Gentium* states:

Thus the divinely established ecclesiastical ministry is exercised on different levels by those who from antiquity have been called bishops, priests and deacons.(63\*) [...] By the power of the sacrament of Orders,(65\*) in the image of Christ the eternal high Priest,(177) they [the priests] are consecrated to preach the Gospel and shepherd the faithful and to celebrate divine worship, so that they are true priests of the New Testament.(66\*) Phànakers of the function of Christ the sole Mediator,(178) on their level of ministry, they announce the divine word to all. They exercise their sacred function especially in the Eucharistic worship or the celebration of the Mass by which acting in the person of Christ (67\*) and proclaiming His Mystery they unite the prayers of the faithful with the sacrifice of their Head and renew and apply (68\*) in the sacrifice of the Mass [...] Exercising within the limits of their authority the function of Christ as Shepherd and Head,(69\*) they gather together God's family as a brotherhood all of one mind,(70\*) and lead them in the Spirit, through Christ, to God the Father.

As Catholic News Agency's canon law expert, Ed Condon, also just pointed out in a [critique](#) of the upcoming curial reform, “Canon law defines ordination as a necessary qualification for the exercise of the power of governance. Lay people – according to the Code of Canon Law – can 'cooperate' in the exercise, but not exercise it in their own right.”

## **J.Cdl. Kasper calls for ‘non-sacramental, liturgical blessings’ for female Eucharistic ministers, lectors**

July 3, 2019 ([LifeSiteNews](#)) – Cardinal Walter Kasper said that the Church is "free" to bestow on women a "non-sacramental, liturgical blessing" that would not be a "sacramental ordination" but which would confirm women in Church ministries in which they already function, such as extraordinary Eucharistic ministers, lectors, and aiding in the Church's charitable works and administration.

The German Cardinal made these remarks to LifeSiteNews while commenting on Pope Francis's recent remarks on the female diaconate. He said he was “not surprised” by the result of the 2016 female deacon commission. He adds that it was already clear that female deacons did not have the same role as male deacons.

LifeSiteNews had reached out to Cardinal Kasper after the Pope's recent [remarks](#) on the outcome of the 2016 Female Deacon Commission. On May 10, Pope Francis had told the International Union of Superiors General in Rome about this commission's findings saying “it’s little, the result isn’t much, but it’s a step ahead.”

Said the Pope: “Certainly, there was a form of female diaconate in the beginning [of the Church's history], especially in the region of Syria. I said it on the plane: they were assisting with the baptisms, in the cases of dissolving marriages, and the form of ordination was not the sacramental formula. It was, so to say — this is what those who are informed tell me, because I’m not an expert — it was like the abbatial blessing of an abbess is today, a special blessing for deaconesses.”

Further explaining his thoughts in light of these papal comments, Cardinal Kasper said that “it does not make much sense to continue this discussion,” but pointed out that women today are given much more important roles in the Church than in the past. He referred to women as extraordinary Eucharistic ministers, as leaders of liturgies of the word, and as lectors.

He proposed that the Church could give these women a sort of blessing, similar to the ones bestowed upon abbesses:

“The Church is free to carry out the vocation of women to these offices with the help of a non-sacramental, liturgical blessing, and in the presence of the whole congregation and within the celebration of the Holy Eucharist (for example in the context of the Prayers of the Faithful).”

“The result of the commission, which was to deal with the question of the history of the female diaconate, did not surprise me,” Kasper told LifeSiteNews. “I have expected the result just as the Pope has presented it.” The German prelate who has lived in Rome since 2001, said that it is “uncontested” that there were female deacons in the past, but that is just as “uncontested” that “these female deacons are not to be regarded as female counterparts of the male deacons.”

However, the question as to whether these female deacons received a “sacramental or non-sacramental ordination,” is still “contested,” said Kasper. “Also the International Theology Commission remained divided when dealing with this question (2002).”

Cardinal Kasper said that “according to my conviction, it makes little sense to continue to debate this question. Because the clear differentiation between the seven sacraments and sacramentals exists only since the 12th century (around the time of Petrus Lombardus). It is unhistorical to project this question back into the first millennium,” he continued, adding that “similarly, it also seems impossible to me to go back behind the clarifications of the second millennium which have mostly been adapted also by the Eastern churches.”

Cardinal Kasper furthermore pointed out that the “position of the woman in society as in the Church is today very different from the one of the women in the first millennium.”

“Today, women have many functions in the Church that go far beyond those that the female deacons had in the first millennium,” the German prelate explained. As examples, he mentions “extraordinary eucharistic ministers, lectors at the celebration of the Holy Eucharist, leaders and presiders of Liturgies of the Word, next to often important leading functions in the Church's charitable works and administration, as well as those offices in dioceses and in the Roman Curia which are not bound to sacramental ordination.”

It is in these fields, Cardinal Kasper suggested, that the Church could establish new ministries or offices for women in the Church, established with a sort of blessing, rather than through an ordination.

“The Church is free to put into effect the vocation of women to these offices with the help of a non-sacramental, liturgical blessing – in the presence of the whole congregation and within the celebration of the Holy Eucharist (for example in the context of the Prayers of the Faithful) – and to do so in such a form that there is no confusion with a sacramental ordination. In similar ways, it is done in the case of the blessing of an abbot or an abbess, of a religious profession, of the Sacrament of Matrimony, and so on,” he said.

Cardinal Kasper also highlighted in his comments to LifeSiteNews that the Church's history knows of “many holy women who, without ordination, had in their time – in Phànially up to today – an influence in the Church that goes far beyond that of a bishop or of a cardinal.” For example, “Saint Catherine of Siena achieved more than all the cardinals of her time taken together.” Other saints mentioned by the German prelate included St. Hildegard von Bingen, St. Thérèse of Lisieux, and St. Joan of Arc.

Kasper concluded his comments with the words: “Innumerable priests and bishops owe their vocation to the priesthood to the example and prayers of their mothers; St. Augustine certainly was not the only one. It is a form of bad clericalism to think only a clergyman has influence in the Church. Each parish that I know around the globe would have already long collapsed without the service of women in the fields of catechesis, charitable works, and more.”

LifeSiteNews also reached out for comment to Professor Paul Zulehner, a collaborator of Bishop Fritz Lobinger and Bishop Erwin Kräutler. All three clergymen are in favor of married and female priests.

Zulehner – who also launched the [Pro Pope Francis initiative](#) which now aims at assisting the Pope in his Church reforms – commented to LifeSiteNews that the commission's report “obviously dealt with sources of the Early Church. It did not produce a result that makes it easy to decide: yes, there were female deacons – especially in the tradition of the Eastern Church. No, there are no clear signs that Jesus would have wanted such an office.”

For him, the commission was “perhaps looking too much for possible traces of a female diaconate, instead of pursuing more fundamental questions which enlarge the horizon within theology.”

Zulehner said that the fact that the Female Deacon Commission's report manifested “many subjective views” and thus did not seem “unambiguous” to the Pope is “a sign that there has not been a clear rejection of the opening of Holy Orders to women on the level of the diaconate.”

Referring to a [book](#) that he published, together with his colleague Thomas Halik, on Pope Francis' reforms, the Austrian theologian stated that female experts in this field “have no doubt that the access to the Holy Orders cannot be denied to women.”

Quoting Tertullian (209 AD) (who was later drawn into the spiritual [heresy](#) of Montanism) as saying that the Holy Orders [Zulehner uses here the Latin word *Ordo*] had been “established by ecclesiastical authority” (“*ab auctoritate ecclesiae institutus*” – *Exhortatio de castitate*), Zulehner wondered whether the “Church in turn has the possibility to further develop with full authority the official structures, as it has de facto already taken place in the course of time and is still possible to today?”

He said that only men had first access to the official ministries due to the “cultural-historical role of man and woman in the time of the Early Church.” He hopes not only to have female deacons, but a more fundamental access for women to the ordained offices, as well as to leading offices in the Church. The Austrian theologian would not wish women merely to have access to the lower level of ordination – the diaconate – thus having still “a submission of female deacons under male priests.”

Professor Zulehner concluded his comments to LifeSiteNews as follows: “However, I can also understand when some people quietly think according to the drop-by-drop logic: as soon as the diaconate is open to women, the path to the episcopal office is open. But he who is opposed exactly to this, will never give his support to the female diaconate, even if it existed in the Early Church. Such experts then rejoice and say, with a tone of relief: 'and then the traces vanished...’”

### **K. Austrian bishop: Pope said he won't abolish priestly celibacy because he anticipates Judgement Day**

July 3, 2019 ([LifeSiteNews](#)) – Austrian Bishop Andreas Laun, in a short [commentary](#) published on the Austrian news website Kath.net, reminds us that Pope Francis [said](#) in January 2019 that he will not abolish obligatory clerical celibacy, adding that he does not “want to appear before God with this decision.”

Bishop Laun quotes these latter papal words after first presenting Pope Francis' words that “celibacy is a gift for the Church.”

With it, Bishop Laun points out that Pope Francis is aware that the abolition of obligatory celibacy on his *Phân* would be a decision that he would one day have to answer for before God.

Comments Laun: “With [those remarks], Francis reminds us of a fundamental truth concerning the life of each person and of the meaning of one's life: that is to say, it is finally

all about this one dramatic moment, when I will – must or may – stand before God and when I will hear: ‘Come in,’ or a terrible: ‘DePhàn from Me.’”

Here, the Austrian bishop shows us how to act in life in order to be able to be humbly hopeful concerning that one “dramatic moment”: “The Holy Scripture and the teaching of the Church which flows from it give me the confident hope for the ‘Come’ which I in fact only myself have to will!”

Bishop Laun's short commentary might be read here as an indirect way of reminding Pope Francis of his own words on the matter of priestly celibacy and the gravity involved with possibly changing it.

Pope Francis thus spoke during his in-flight press conference on January 28 when coming back from World Youth Day in Panama. Having been asked whether he would allow married priests for the Latin Rite of the Catholic Church, as it is already permitted for the Eastern Rites, the Pope [answered](#):

“Of the Latin rite... I am reminded of that phrase of Saint Paul VI: 'I would rather give my life than change the law on celibacy'. It came to mind and I want to say it, because it is a courageous phrase, in a more difficult moment than this, 1968 / 1970... Personally, I think that celibacy is a gift for the Church. Second, I don't agree with allowing optional celibacy, no. There might only remain a few possibilities in the most remote places – I am thinking of the Pacific islands... But it is one thing to reflect on when there is pastoral necessity, there, the pastor must think of the faithful.”

Subsequently, Pope Francis quoted the work of the retired Bishop Fritz Lobinger (Aliwal, South Africa), who has written extensively on the idea of ordaining married men to the priesthood. He said:

“There is a book by Father Lobinger [Bishop Fritz Lobinger, *Preti per domani* (Priests for Tomorrow), Emi, 2009], it is interesting – this is a matter of discussion among theologians, there's no decision on my Phàn. My decision is: optional celibacy before the diaconate, no. That's something for me, something personal, I won't do it, this remains clear. Am I 'closed'? Maybe. But I don't want to appear before God with this decision.”

Returning to Father Lobinger: he said:

“‘The Church makes the Eucharist and the Eucharist makes the Church.’ But where there is no Eucharist, in the communities – you may think, Caroline, of the Pacific Islands... [journalist mentions the Amazon region] ... maybe there... in many places... Lobinger says: who makes the Eucharist? In those communities the ‘directors,’ let's say, the organizers of those communities are deacons or nuns or lay people, directly. And Lobinger says: one can ordain an elderly man, married – that is his thesis – one could ordain an elderly married man, but only so that he exercises the *munus sanctificandi*, that is, that he celebrates Mass, that he administers the sacrament of Reconciliation and performs the Anointing of the Sick. Priestly ordination gives the three *munera*: *regendi* – to govern, the pastor – ; *docendi* – to teach – and *sanctificandi*. This comes with ordination. The bishop would only give the faculties for the *munus sanctificandi*: this is the thesis. The book is interesting. Perhaps this can help in considering the problem. I believe that the problem must be opened in this sense, where there is a pastoral problem, because of the lack of priests. I'm not saying that it should be done, because I have not reflected, I have not prayed sufficiently about it. But the theologians must study [it]. An example is Father Lobinger... he was a *fidei donum* [priest], in South Africa... he is now an elderly man. I give this example to mean the points that they [the theologians]

must study. I was talking to an official of the Secretariat of State, a bishop, who had to work in a communist country at the beginning of the revolution; when they saw how that revolution was going – in the 1950's, more or less, – the bishops secretly ordained good, religious farm workers. Then, following the crisis, thirty years later, the matter was resolved. And he told me of the emotion he had felt when, in a concelebration, he saw these workers, with the hands of farmers, putting on their albs to concelebrate with the bishops. In the history of the Church, this has happened. It is something to study, to think, and to pray about.”

As may be seen in these comments, Pope Francis says he does not wish to abolish obligatory celibacy, but he still considers introducing married priests in certain regions of the world.

In light of the recently published June 17 [working document](#) for the upcoming October 2019 Synod on the Pan-Amazon region, Bishop Laun might have seen it fit to remind us all of the gravity of any decision to change Church discipline regarding celibacy.

The Vatican II document *Lumen Gentium* clearly stated that all three *munera* are bound together and are Phàn of the ecclesiastical office that is being exercised, on different levels, by bishops, priests, and deacons:

“Thus the divinely established ecclesiastical ministry is exercised on different levels by those who from antiquity have been called bishops, priests and deacons.(63\*) [...] By the power of the sacrament of Orders,(65\*) in the image of Christ the eternal high Priest,(177) they [the priests] are consecrated to preach the Gospel and shepherd the faithful and to celebrate divine worship, so that they are true priests of the New Testament.(66\*) Phànakers of the function of Christ the sole Mediator,(178) on their level of ministry, they announce the divine word to all. They exercise their sacred function especially in the Eucharistic worship or the celebration of the Mass by which acting in the person of Christ (67\*) and proclaiming His Mystery they unite the prayers of the faithful with the sacrifice of their Head and renew and apply (68\*) in the sacrifice of the Mass [...] Exercising within the limits of their authority the function of Christ as Shepherd and Head,(69\*) they gather together God's family as a brotherhood all of one mind,(70\*) and lead them in the Spirit, through Christ, to God the Father.” (Lumen Gentium 28)

Regarding the Pope's above-quoted words on the possible separation of the different *munera* of the priesthood and on the idea of having priests who merely administer the Sacraments, but do not teach or govern, it might be worthwhile to quote what Father Roger Laudry recently said in an article for the *National Catholic Register*:

“Because of a severe lack of educational infrastructure, most of those in the Amazon do not have access to adequate, quality formal education. We are not talking about the ordination of married men with doctorates, master's or even bachelor's degrees, in theology or anything else. We would be studying whether to ordain even those with only an elementary-level education, such that they might struggle even to read the Scriptures and the missal. Church history shows that is not a good idea. In the centuries before Catholic seminaries were founded in Europe, men simply apprenticed themselves for a time to local clergy, took an exam, and then were ordained, barely able to pronounce the Latin, not to mention understand it. The scandals caused by such poorly trained clergy helped precipitate the Protestant Reformation.”

As Stephen Morgan, a British Catholic Deacon who teaches in Macao, commented on [Twitter](#): “This is a proposed reversal of the decision of an ecumenical Council (Trent) to

respond to precisely this problem in Europe which had been Phànly responsible for the virtual triumph of Protestantism. The same will happen in the Amazon.”

It may not be, accordingly, that there are priests who are merely celebrating Mass and hearing confessions, but do not open their mouths to teach or govern a parish. It is a fragmentation of the priesthood that existed in the Middle Ages and that was subsequently corrected by the Church.

In light of these many problems related to even the limited idea of permitting married priests in the Amazon region, it is helpful that Bishop Laun reminds Pope Francis of the gravity of such a possible decision.

### **L. Pope’s letter to Germans on ‘synodal path’ is open to many interpretations**

July 1, 2019 ([LifeSiteNews](#)) – On Saturday, the Feast of Saints Peter and Paul, the German Bishops' Conference published a 19-page letter written by Pope Francis, in which he touches upon matters such as evangelization, synodality, and conversion in light of the German “synodal path” as it is currently being set up. The letter is not addressed to the German bishops, as is usually the case, but to the “pilgrim people of God in Germany.”

However, since Pope Francis wrote in a more general manner and chose not to mention any specific topics of the new “synodal path” – such as the questioning of priestly celibacy and of the Church's teaching on sexuality – the different camps in Germany all interpret his letter in a way pleasing to them.

For example, Cardinal Reinhard Marx – the head of the German bishops – and his lay counterPhàn, Professor Thomas Sternberg – the head of the German lay organization Central Committee of German Catholics (ZdK) – both [welcomed](#) this papal letter, thanked the Pope for his “encouraging words,” and state that they, “as bishops and lay representatives,” feel “invited to continue the process that we have started.” They agree with Pope Francis that such a “synodal path” should not concentrate “on structures,” but, rather, on “a spiritual orientation.” Pope Francis, they continue, invites us “to a new form of listening to one another, so that we, as Phàn of the Universal Church, serve the Faith with all our creativity, spirituality, and passion.”

However, for Cardinal Rainer Woelki (Cologne) and General Vicar Michael Fuchs (Regensburg), the papal letter is clearly a sign that the “synodal path” as planned cannot be continued. Cardinal Woelki, in his June 29 [statement](#), points out that the Pope has spoken of the “crisis of faith” in Germany and of the “primacy of evangelization.” For Woelki, this means that “we have to be a missionary Church” and that the Church should not “adapt to the Zeitgeist,” in the papal words. Cardinal Woelki thus expresses his gratitude to Pope Francis.

General Vicar Fuchs, in his own lengthy [statement](#), points out that “the situation is dramatic” and says, “certainly, after this letter of the Pope, there cannot be a ‘let's keep going’ concerning the ‘synodal process.’” Fuchs believes that “the direction and the intensity” of the demands that have been expressed in light of the upcoming “synodal path” “must have urged the Holy Father to write this letter.” The prelate stresses that Pope Francis pointed in his letter to the loss of faith in Germany.

Fuchs goes on to say that the Pope warned against a “fragmentation” and instructed German Catholics to be attentive to unity with the Universal Church. Indeed, Pope Francis repeatedly



mentions the words “*Sensus Ecclesiae*” and insists that it is important to avoid polarization and fragmentation. Fuchs also quotes Francis as saying that “the particular churches live in and from the Universal Church and would weaken themselves, spoil, and die, should they be separated from the Universal Church.” The “community with the whole body of the Church,” the Pope continues, “needs to be kept alive and effective.”

Pope Francis, in his letter, also warns against a sort of “gnosticism,” which makes people believe that they are “more advanced,” pretending “to go beyond the ‘ecclesial we.’”

Comments Fuchs: “Obviously, it did not remain hidden from Pope Francis that some demands of the initiators of ‘synodal path’ . . . go beyond, or do not take sufficiently into account, the foundations of the Catholic faith – as they are valid worldwide.”

With reference to this papal letter, General Vicar Fuchs asks himself: “Have we in Germany, therefore, lost the primacy of evangelization . . . the joy of faith?”

Thus, for him this papal letter calls upon German Catholics to come up with a “completely new concept of such a [synodal] process that is to be oriented toward evangelization and spiritual renewal.” This “synodal process,” therefore, should not “adapt,” but, rather, concentrate “on God.”

Joachim Frank – a German Catholic journalist who is sympathetic with some of the reform plans of the German bishops – [says](#) that the new papal letter “gives free” the “synodal path” as approved by the German bishops in February 2019, just adding some “signposts.” In another article, he comments that “the recipients deal with the papal letter to the German Catholics like with a bag of jelly beans.” He means with it, that everybody picks out the parts of the letter that are pleasing to him.

What is striking to Frank is that the “contested topics” such as “sexual abuse, sexual morality, female ordination, [and] celibacy” are not even mentioned in the text.

“On the other hand,” Frank continues, “Francis once more argues like the conservatives in the Church.”

Bishop Franz-Josef Bode, the vice president of the German Bishops' Conference and a leading voice in the progressivist camp, [shows](#) himself relieved. He stated: “First of all, he [Pope Francis] is in favor of the synodal path. That was for me the relief. Nothing is being withdrawn here. That is to say, that we can move forward, that we can go on a path.” The journalist who reports these words, Tilmann Kleinjung, entitled his article: “A papal letter with many interpretations.”

In a similar manner, the German Catholic journalist and commentator Peter Winnemöller [asks](#): “[Are there] several letters from Pope Francis?”

One theologian, who spoke with LifeSiteNews under condition of anonymity, said that the Pope’s letter is “written in a way that everybody can accept it.”

“Alfredo Peron,” he continues, “who is himself also known for trying to embrace contradictory positions, would like it very much.” However, adds the theologian, “the fact of the letter itself is surprising and thus might more benefit Catholic forces who wish to set limits to the ‘synodal path.’ In this respect, the letter is to be welcomed, even if it unfortunately does not make any concrete comments on any of the questions of content.”

## M. German Catholic Relief Agencies Fuel Synod’s Push for Change

Working through REPAM, which has been assigned a key role in organizing the synod, the German Church agencies have provided substantial funding related to the controversial upcoming Pan-Amazon synod.

Edward Pentin

VATICAN CITY — The heads of two German Church aid agencies, which the Register has learned have made significant financial and other contributions toward preparing for the Pan-Amazon Synod, have said the October meeting will be an “unmistakable signal of dePhànure” for the Church.

In a [joint foreword](#) to the German translation of the synod’s working document (*instrumentum laboris*), the chief executives of Adveniat and Misereor, respectively the German bishops’ relief agency for Latin America and the bishops’ overseas aid and development agency, said the upcoming meeting “will show that change is possible in politics, the economy, technology and, last but not least, in the Church.”

The synod is “about responding to the challenges of the times by listening to the Spirit who demands the lives of men, peoples and creation as a whole be defended,” wrote Father Michael Heinz and Pirmin Spiegel in the foreword, published July 17.

They added that the working document called for “a profound change in the Church” and that “what will be discussed in Rome will have significance for the Church worldwide.”

The aid agency heads also say the synod document calls for “decentralization so that local churches can decide for themselves what directly concerns them, in accordance with the principle of subsidiarity.” It calls for a Church “that leaves its comfort zones and goes to the peripheries, where people count for nothing and have no rights,” they add. “It is a matter of implementing the program of *Evangelii Gaudium*,” Pope Francis’ 2013 apostolic exhortation.

Their comments follow those of Adveniat’s president, Bishop Franz-Josef Overbeck of Essen, who [said](#) earlier this year that the synod will lead the Church to a “point of no return,” and, thereafter, “nothing will be the same as it was.”

The Oct. 6-27 synod, the theme of which is “Amazonia: New Paths for the Church and for an Integral Ecology,” will comprise all the bishops from the vast region that encompasses Bolivia, Brazil, Ecuador, Peru, Colombia, Venezuela, French Guyana, Guyana and Surinam, along with experts, heads of relevant Vatican Curial dePhànments and several papal appointees.

Cardinal Lorenzo Baldisseri, the secretary-general of the Synod of Bishops, told reporters at the launch of the meeting's working document last month that the meeting will be a time of "pastoral reflection, open to recognizing diversity" and "listening to the Amazonian reality, with all its cultural and ecclesial facets."

The synod is expected to place great emphasis on listening to Amazonian indigenous peoples and drawing attention to the hardships and sufferings they face, such as human exploitation, environmental degradation and the destruction of the Amazonian rainforests.

But the working document has stirred considerable controversy, with German Cardinals Gerhard Müller and Walter Brandmüller branding it heretical.

In an analysis published this week, Cardinal Müller, a former prefect of the Congregation for the Doctrine of the Faith (CDF), also criticized the document for describing the Amazon as a source of revelation. Such an assertion, he said, is a "false teaching."

And in earlier July 7 comments to the Register, Cardinal Müller noted how heavily influenced the working document is by European theologians, Particularly German-speaking ones, who, he said, are keen to resurrect old theological theories. "We heard all these ideas 30 years ago," he observed.

Particular areas of controversy in the document include a clear push to ordain married men of proven virtue but without seminary formation, ostensibly to address a shortage of priests in the Amazon region (critics see this as a means to force an end to mandatory Latin Rite priestly celibacy through the back door), as well as the document's treatment of ecological issues and its distortions of inculturation.

It also invites the Participants to "reconsider" the linking of Church authority with her sacramental, judicial and administrative duties, especially holy orders, and speaks of an "official ministry" to be conferred on women.

### REPAM's Role

A key organization in the preparation for this synod has been the Pan-Amazonian Ecclesial Network (REPAM), of which Misereor and Adveniat are a Part.

Set up in 2014 (three years before Pope Francis had officially announced the synod) by CELAM (the Latin American Episcopal Council), CLAR (Confederation of Latin American Religious), Caritas Latin America, and the bishops' conference of Brazil, REPAM's aim has been to "bring to the world's attention the fragile situation of indigenous people in the Amazon and the critical importance of the Amazon biome to the planet — our common home."

But the more practical purpose of the network, whose president is the synod's general relator, Brazilian Cardinal Claudio Hummes, has been to prepare for the synod, including helping to draft the working document.

The network was "formally entrusted to support the secretariat of the synod in the process of active and direct listening, in the gathering of information in an adequate manner," outgoing Vatican spokesman Alessandro Gisotti told the Register July 10.

This was done "to help in the elaboration" of the synod's "preparatory document (*lineamenta*) and the working document (*instrumentum laboris*)," he said, adding that this was carried out through a "listening process" of various contributions, in order to "encourage the greatest possible participation of the various actors in the process."

Since its founding, REPAM has also held 45 assemblies with indigenous peoples, rural communities, social movements and pastoral workers across the region's nine countries.

'A Closed Group'

But critics, such as Cardinal Müller, have pointed to weaknesses in the network.

In his July 16 [analysis](#), the former CDF prefect said it is "a closed group of absolutely like-minded people, as can easily be gleaned from the list of participants at pre-synodal meetings in Washington and Rome, and it includes a disproportionately large number of mostly German-speaking Europeans."

He also affirmed the body was "tasked with the preparation" of the working document, adding it "was founded for that very reason in 2014."

Its work is also continuing in setting the agenda for the synod, after the publication of the working document. In late June, REPAM held a controversial private "[study meeting](#)," during which the issue of ordaining married men figured highly, as did the possibility of ordaining women as deacons.

A third of the participants were German-speaking prelates or experts known to be sympathetic to these theological positions. Among those attending was retired Austrian Bishop Erwin Kräutler of the Territorial Prelature of Xingu in Brazil, whom Pope Francis appointed as an expert consultant to the synod.

Bishop Kräutler, REPAM's Brazilian director who is thought to have helped write the synod's working document, [said](#) in an interview with Austrian television this week that one consequence of the synod will be "that regional bishops' conferences receive the right to

ordain to the priesthood married men.” He also said women should “at least” be “ordained as female deacons,” which “would be a beginning.”

### German Funding

As members of REPAM with significant resources, both Misereor and Adveniat have been heavily involved in the network’s activities. Adveniat spokeswoman Carolin Kronenburg told the Register July 16 that the organization “supports several REPAM projects financially and therefore the preparatory meetings for the Amazon synod.”

She disclosed that for the 2018 financial year and “in preparation for the synod,” Adveniat supported “nine projects and REPAM activities with a total of €272,000 [\$307,000].” Kronenburg added that Adveniat, which last year had a total income of almost €50 million (\$56 million), made “further funds” available “after the closure of the budget (Sept. 30, 2018) and in previous years.”

Adveniat has also “collected questions, suggestions and topics from 85,000 local people at numerous preparatory meetings in the Amazon region,” Kronenburg said. “Adveniat therefore supports the Phànicipation of the people in the Amazon synod, and therefore their commitment to safeguarding creation in the fight against violence done to the earth,” she added.

Ralph Allgaier, a spokesman for Misereor, stressed the agency is “not co-financing the Amazon synod” nor does it have any “mandate for such financing,” but he added that “various projects coming out of REPAM’s Phànner organizations receive funding from Misereor.” Last year, the agency had a total income of €232 million (\$260 million).

Others, however, have been noticeably guarded about discussing financing of the synod. The Holy See Press Office did not address the issue when asked, but explained the background of REPAM instead.

The Register also contacted the office of Cardinal Hummes to ask about financing for the meeting and whether REPAM had been created in 2014 with the synod in mind, but didn’t receive a reply. Cardinal Baldisseri was asked the same questions, but he was away, and no one else from the office responded. Caritas Internationalis, whose Latin America office helped found the network, also did not respond.

*Edward Pentin is the Register’s Rome correspondent*

**N. Group hopes St. Kateri Tekakwitha will show U.S. importance of Amazon synod**

- [Christopher White](#), Jul 24, 2019



Colorful wildflowers frame the peak of Byron Glacier near Girwood, Alaska, July 3, 2019. Pope Francis's 2015 encyclical "Laudato Si': On Care for Our Common Home" was widely lauded for its scope on the moral and ethical response to protecting Earth's environment for future generations. (Credit: CNS.)

NEW YORK - Ahead of October's upcoming Rome summit on the Amazon region, one stateside organization is hoping the legacy of a lesser-known saint - Kateri Tekakwitha - may help Catholics in the United States realize the significance of indigenous people for the Church.

Bill Jacobs founded the Saint Kateri Tekakwitha Conservation Center in 2000 with a mission of inspiring Catholics to respond to today's ecological challenges on a local level. Along with his program director Kathleen Hoenke, they're trying to harness the momentum provided by Pope Francis's 2015 groundbreaking encyclical on the environment to fuel their cause.

That letter - *Laudato si'* - along with the Synod on the Amazon - now offer Jacobs and Hoenke the opportunity for a one-two punch: Elevating the plight of indigenous people and the need for environmental action among Catholics and non-Catholics alike.

“It is important that the Church works with indigenous peoples and plays the right roles to address challenges that they may face,” said Hoenke, looking ahead to October.

“Indigenous peoples have a tremendous amount of traditional ecological knowledge, and opening a dialogue with them in order to recognize shared priorities and work together toward the common goal of caring for creation is imperative for the health of the environment and therefore the survival of the human family as a whole,” she told *Crux*.

For that reason, among others, Hoenke points to the life and legacy of Kateri, the first Native American to be made a saint, as one who can offer inspiration for the October Synod in Rome as well as for Catholics in their own communities.

Kateri, a Mohawk laywoman, was born in 1656 in upstate New York and became a Catholic after encountering Jesuit missionaries as a teenager. Despite her early death at age twenty-four, she’s remembered for her indefatigable efforts to assist local villagers in need and to build bridges between the natives and Europeans.

“Many non-indigenous Americans don’t know that approximately 20 percent of Native Americans are Catholic,” said Hoenke. “She also had a traditional knowledge of the land and relationship with nature that we should emulate. In a country where people are becoming increasingly disconnected from both each other, God, and the natural world, Kateri is a wonderful example of how to see God in nature and how we are all connected.”

Building on that legacy, Jacobs and Hoenke have started the Saint Kateri Habitat Program, a signature initiative of their Conservation Center, encouraging yards, gardens, schools, farms, parishes, parks, and religious communities to be transformed into a Kateri Habitat “in a way that praises God and fosters a greater connection between people and nature.”

The idea is to take wildlife spaces and introduce a religious component to “remind us that God - the Holy Spirit - is present and active in every corner of creation.”

“By creating and restoring healthy habitats for people and wildlife, with reverence for our Creator, the Habitat Program draws people closer to God, while preserving biodiversity, protecting water quality, reducing climate change, and increasing religious faith,” Jacobs told *Crux*.

For Jacobs and Hoenke, their hope is that eventually every Catholic person or family will eventually follow suit as a tangible commitment to caring for creation.

“The Holy Father reminds us, perhaps more forcefully than ever, that the path out of our current environmental crisis can be found in God’s Word and in the message of creation, if we listen,” said Jacobs.

“I think Francis has greatly increased the awareness of Catholic ecology generally, and among many more people, including non-Catholics,” he said in describing why nearly two decades after first starting the Conservation Center, he believes people are finally awakening to the Church’s call for “ecological conversion.”

Hoenke, who has worked for the Nature Conservancy, among other environmental outposts, seconded that saying that she believes “the Catholic Church is a perfect vehicle to promote action to prevent biodiversity loss and climate change.”

“Whenever I discuss my work for the Center with fellow environmentalists in the field, they are pleasantly surprised and interested in the work we are doing. I think it is just a matter of getting the word out and being willing to collaborate to make the world a better place as a whole, for everyone,” she continued.

Along with the Habitat Program, the Conservation Center also runs an online Catholic Ecology Library to chronicle “authentic” Catholic resources on the environment.

Another program helps to provide consultations under the auspices of the Catholic Land Trust to help protect Catholic-owned land to receive special protection.

In other words, they envision themselves as a one-stop shop for Catholic action and solutions in responding to today’s climate crises.

“Part of our work,” Jacobs told *Crux*, “is helping people realize that concern for the environment is not just something to be discussed at climate conferences in Europe, but at home, too.”

“If one looks at the primary causes of environmental destruction, we see human sin. Simply put, we have broken our connections with God, with each other, and with nature,” he continued. “But if the problem is sin, then the solution must include the opposite: virtue and a turning to God.”

“The Saint Kateri Conservation Center directly addresses the root causes of environmental destruction, unlike any secular conservation group, by promoting Catholic faith, integral ecology, and life,” he concluded. “We are called to care for all our brothers and sisters, including Sister Earth, as an integral part of our religion, every day and everywhere.”

*Follow Christopher White on Twitter: [@cwwhite212](https://twitter.com/cwwhite212)*

<https://cruxnow.com/church-in-the-usa/2019/07/24/group-hopes-st-kateri-tekakwitha-will-show-u-s-importance-of-amazon-synod/>